\* **Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn** **địa danh Giồng:**

**Khái niệm Giồng**

Giồng: âm trại của “vồng”, là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[[1]](#footnote-1)

**1. Giồng Cát**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Vật liệu dạng hạt (Cát).

Giồng Cát là rộng khoảng 80 ha tọa lạc tại xã Long Hòa, thị xã Gò Công. Địa danh có liên quan đến Giồng Cát là ấp Giồng Cát.

**2.** **Giồng Sơn Quy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Địa hình thiên nhiên (Sơn: : Núi) + Động vật (Quy: : Rùa).

Giồng Sơn Quy cách huyện lỵ Tân Hòa (thị xã Gò Công ngày nay) khoảng 3 km về hướng Tây Bắc, thuộc làng Tân Niên Trung, nay là xã Long Hưng, thị xã Gò Công). Giồng kéo dài từ vàm Sơn Quy, Xóm Mới ở phía Nam đến Láng Chim ở phía Bắc giáp sông Vàm Cỏ.

Giồng Sơn Quy, nguyên có tên là Quy Nguyên , có nghĩa là Gò Rùa, bởi vì nơi đây, thuở lưu dân người Việt đến khai phá, có rất nhiều rùa sinh sống; cũng có thuyết cho rằng, giồng có hình vòng tròn và dài, giữa lại cao lên giống như một con rùa nằm, nên gọi là Gò Rùa.

Đây là tổ quán của đức Thái Hậu Từ Dụ (Từ Dũ). Vào giữa thế kỷ thứ XVIII, ông Phạm Đăng Long theo cha vào vùng Gò Công vốn hãy còn hoang vu. Là người giỏi Nho học, tinh thông phong thủy, địa lý, ông đi nhiều nơi tìm thế đất tốt để định cư, mong con cháu sau này phát tích, hưng vượng. Lúc ông đến Gò Rùa, thấy thế đất ở đây rất đẹp và có giếng nước ngọt, trong khi đó, toàn vùng Gò Công, giếng nước ngọt rất hiếm. Do đó, ông đã quy tập mồ mả 3 đời về đây và xây nhà ở gò đất này[[2]](#footnote-2). Ông Phạm Đăng Long kết hôn với bà Phan Thị Tánh sinh ra Phạm Đăng Hưng, sau này trở thành đại công thần của triều Nguyễn. Phạm Đăng Hưng là thân phụ của bà Từ Dụ (Từ Dũ), hoàng phi của vua Thiệu Trị, hoàng mẫu của vua Tự Đức.

Do Gò Rùa (Quy Nguyên) là quê ngoại của nhà vua, nên vua Tự Đức thay chữ Quy Nguyên thành Sơn Quy tức là Gò Rùa thành ra Núi Rùa, ý muốn nói nơi phát tích bên ngoại được vững bền như núi; rùa là một linh vật trong bộ tứ Linh (Long - Lân - Qui - Phụng) sống lâu lại hợp với Núi càng vững bền thêm mãi. Tại đây, vua Thiệu Trị rồi vua Tự Đức cho xây dựng ngôi Từ đường thích lý (bên ngoại của nhà vua) và cấp ruộng đất để phục vụ việc thờ phụng.

Giữa Giồng Sơn Quy có khu lăng Hoàng Gia, là nơi có lăng mộ và đền thờ Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng và một số ngôi mộ khác trong họ tộc Phạm Đăng.

Giồng Sơn Quy có liên quan đến cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo. Tại đây, ông cho xây dựng một chiến lũy, gọi là lũy Sơn Quy. Lũy này được đắp bằng đất, cao khoảng 1 m, nằm dọc theo rạch Sơn Quy. Ngoài ra, nghĩa quân còn đắp một chiến lũy nữa, gọi là lũy Dung Giang. Lũy này nằm về phía Tây giồng Sơn Quy, gồm có nhiều đoạn, bắt đầu từ Xóm Mới ở cuối Giồng Sơn Quy chạy dọc theo rạch Gò Công, tạo thành hình vòng cung bảo vệ giồng Sơn Quy.

Tại ngã ba rạch Sơn Quy và rạch Gò Công là điểm xung yếu, nên lũy ở đoạn này được đắp kiên cố, dài 300 mét, cao khoảng 2 m. Về phía bắc giồng Sơn Quy, tại ngã ba làng Tân Niên Trung (xã Tân Trung ngày nay) còn có một lũy khác, gần đồn chính có một gò đất cao, gọi là gò Thổ Sơn, được dùng làm nơi các tướng lĩnh nghĩa quân quan sát, chỉ huy trận địa. Đặc biệt, Trương Định còn được phép sử dụng ngôi Từ đường thích lý họ Phạm làm đại bản doanh của cuộc khởi nghĩa, bởi vì vợ thứ của ông là Trần Thị Sanh, gọi Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng bằng cậu ruột, nhận được ý chỉ của Thái hậu Từ Dụ (Từ Dũ) là phải ủng hộ cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Sau khi Trương Định tuẫn tiết (20/8/1864), nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu có sáng tác 10 bài thơ điếu Trương Định, trong đó bài điếu thứ bảy có nhắc Gò Rùa:

*Mây giăng Truông Cóc, đường quan*[[3]](#footnote-3) *vắng,*

 *Trăng xế Gò Rùa, tiếng đẩu*[[4]](#footnote-4) *tan.*

Địa danh giồng Sơn Quy được phản ảnh qua nghệ thuật cải lương với vở *Cờ nghĩa giồng Sơn Quy*, đề cập đến cuộc khởi nghĩa Trương Định, do soạn giả, Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh sáng tác. Vở cải lương này được Đoàn Nghệ thuật tổng hợp Tiền Giang dàn dựng tham gia Hội diễn sân khấu cải lương chuyên nghiệp toàn quốc năm 2009 đã xuất sắc giành được 5 huy chương, bao gồm 1 Huy chương Bạc dành cho vở diễn, 2 Huy chương Vàng và 2 Huy chương Bạc cho cá nhân.

 **\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò:**

**Khái niệm:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

 **1. Gò Công**

Có nhiều tài liệu viết về địa danh Gò Công như: *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức, *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh, *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc, *Tự vị tiếng nói miền Nam của* Vương Hồng Sển*,…* Nhưng vẫn còn nhiều tranh luận về địa danh Gò Công.

- Quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức viết “Gò Công là Khổng Tước Nguyên”[[5]](#footnote-5).

 - Quyển *Gò Công xưa* của Huỳnh Minh đưa ra hai giả thuyết: “Thuyết thứ nhất, vào thời chúa Nguyễn Phúc Tần định cuộc di dân nam tiến thì người dân Việt Nam mới vào định cư vùng này. Lúc này Gò Công là nơi rừng rậm chưa có người ở. Đặc biệt tại xứ này có một cái gò cao và có nhiều giống chim Công nên được gọi là Gò Công từ đó. Trong sử có ghi chép một đoạn về danh từ các tỉnh như sau. Khi vua Minh Mạng ra lệnh cho các quan địa phương đổi tên Nôm các tỉnh thành chữ Nho cho tao nhã thì Gò Công có tên là Khổng Tước Nguyên (Khổng Tước: là con công, Nguyên: là gò), Đồng Nai đổi thành Lộc Dã, Bến Tre đổi thành Trúc Giang, Sóc Trăng đổi thành Nguyệt Giang,…

Thuyết thứ hai, lần đầu tiên tại xứ này có một bà tên là Thị Công đến lập quán bán thức ăn cho dân khai thác đồn điền. Lần hồi, thấy Gò Công là nơi dễ sinh sống nên dân chúng thành lập làng mạc. Số người ở ngày càng đông do đó dân địa phương quen gọi là quán Bà Công đến sau trở thành một địa danh vắn tắt là Gò Công”[[6]](#footnote-6).

- Quyển *Gò Công cảnh cũ người xưa* của Việt Cúc: “Gò Công thuở xưa như một bán đảo hoang, bao bọc bởi rừng cây và sông to bể cả, ba phía. Trung tâm của tỉnh là một gò đất cao ráo, nằm kề bên ngọn rạch rẽ nhánh chia đôi ra làm hai khu vực: Nam và Bắc. Thuở chưa khai phá, vùng đất này rậm rạp nhiều gai chông. Loài chim công chiếm cứ làm tổ rất êm nên gọi là Khổng Tước Nguyên, tức là gò Chim Công”[[7]](#footnote-7).

- Quyển *Tự vị tiếng nói miền Nam* của Vương Hồng Sển cũng viết: có hai thuyết về Gò Công, người Khmer gọi là Srok kompong kakol. Quyển Lexique Francais Cambodgien A. Pannentier thì Pháp gọi chim công là paon, Khmer gọi là “kâ ngôk” chưa đúng là “kaoh”. Tự điển Khmer Pháp J.B.Bernard không có chữ “kaol”, lại có chữ “dòm kâko”: cây mun mà Gò Công có trước đây rất nhiều. Nhưng đồng thời, tác giả cũng ghi nhận Gò Công là “Khổng Tước Nguyên”[[8]](#footnote-8).

- Quyển *Địa chí Tiền Giang* lý giải về địa danh Gò Công như sau: “Gò Công tên chữ là Khổng tước nguyên, có nghĩa là gò chim công. Có người cho rằng, Gò Công là vùng đồng bằng thì làm gì có loại chim công - loài chim chỉ sống vùng rừng núi. Có thể Gò Công gốc là một địa danh ở Trao Trảo (Thủ Đức) đưa xuống (tương tự như trường hợp dân đánh cá đã đem địa danh Gò Công đặt cho một con sông gần mũi Cà Mau). Do vậy, giới thương hồ ngày xưa có thói quen phân biệt Gò Công - Trao Trảo (Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) với Gò Công - Rạch Lá ( Gò Công, tỉnh Tiền Giang)”[[9]](#footnote-9).

Qua các dữ liệu trên, chúng tôi nhận thấy đa số các tác giả đều nghiêng về thuyết: Gò Công là gò Chim Công mà dân gian đã nói tắt thành Gò Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng Tước Nguyên. Theo cách giải thích này, địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công: là loài chim thuộc họ Trĩ, chi Công, tên chữ Hán Nôm là Khổng tước, chim công đực có màu sắc rất đẹp).

Về hành chính, năm 1820, toàn bộ vùng đất Gò Công ngày nay thuộc huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường. Năm 1831, thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường. Năm 1841, thuộc huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định.

Năm 1864, thuộc hạt thanh tra Tân Hòa. Năm 1867, đổi tên thành hạt thanh tra Gò Công. Năm 1876, thuộc hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, tỉnh Gò Công được thành lập. Năm 1913, giải thể tỉnh Gò Công, trở thành quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tái lập tỉnh Gò Công. Năm 1956, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Định Tường. Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Về phía chính quyền cách mạng, năm 1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ ra Quyết định sáp nhập 3 tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Gò Công thành một tỉnh có tên là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công trở thành huyện Gò Công. Sau năm 1954, lại trả về 3 tỉnh như cũ, trong đó có tỉnh Gò Công. Năm 1957, sáp nhập tỉnh Gò Công vào tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1968, tái lập tỉnh Gò Công, tồn tại đến năm 1975.

Năm 1976, hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công, thành phố Mỹ Tho thành tỉnh Tiền Giang, tỉnh Gò Công thành huyện Gò Công. Năm 1979, tách huyện Gò Công thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây. Năm 1987, tái lập thị xã Gò Công. Năm 2008, tách một số xã của huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thành lập huyện Tân Phú Đông. Như vậy, kể từ năm 2008, vùng đất Gò Công xưa có 4 đơn vị hành chính là thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông.

**2.** **Gò Tre**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây tre: là cây thân gỗ lâu năm, rỗng ruột và mang rễ chùm. Thân tre chia thành các đốt. Cây tre trong tự nhiên có thể mọc thành cụm hoặc mọc dài thành lũy (lũy tre). Cây tre là một phần trong văn hóa của người Việt, có nhiều công dụng: vật liệu xây dựng, ẩm thực, làm một số vật dụng,…).

Gò Tre là gò có lũy tre mọc dày đặc, rộng khoảng 5 ha, nay là tên ấp, thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công.

Gò Tre gắn liền với sự kiện Võ Tánh tụ binh ở đây và Đền thờ ông dưới tên gọi Võ Quốc công miếu.

Năm 1788, Võ Tánh từ Mười tám thôn Vườn Trầu (nay thuộc huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh) kéo binh đến Gò Tre. Tại đây, dựa vào những lũy tre mọc ken dày, rậm rạp, vững chãi, chắc chắn, ông xây dựng căn cứ, tập hợp hào kiệt khắp nơi, lập ra đạo quân Kiến Hòa, dựng cờ “Khổng Tước Nguyên Võ”. Ông có công trong việc giúp nhân dân địa phương khai hoang lập ấp và  “diệt gian trừ bạo”, bảo vệ cuộc sống yên lành cho người dân. Về sau, ông mang đạo quân của mình gia nhập lực lượng của chúa Nguyễn Phúc Ánh, lập được nhiều chiến tích.

Năm 1801, ông mất trong khi giữ thành Bình Định. Tại Gò Tre, nhân dân sở tại đã xây dựng miếu thờ ông. Trãi qua nhiều lần trùng tu, năm 2017, được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang quan tâm, cấp kinh phí, đền thờ ông được khánh thành rất khang trang, tươi đẹp và nghiêm kính. Hiện nay, đền thờ ông tọa lạc tại đường Nguyễn Thìn, ấp Gò Tre, xã Long Thuận, thị xã Gò Công.

**\* Địa danh Việt gốc Pháp :**

**Thành Săng Đá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng quân sự (Thành: là công trình được xây đắp kiên cố để phòng thủ) + Tên Tiếng Pháp mang tính chất quân sự (Săng Đá: gọi trại từ tiếng Pháp Soldat (đọc theo Tiếng Việt: Xon-đa): binh lính).

Thành Săng Đá là thành lính, được chính quyền thực dân Pháp xây dựng kiên cố năm 1886 tại thị xã Gò Công. Thành này có lính Pháp và lính da đen trấn giữ. Phía sau thành là khu quân sự rất rộng, gồm có Trại lính khố xanh, Sở Tạo tác và các cơ sở hành chánh. Phía trước thành là một con rạch, có cầu bắc ngang qua, gọi là cầu Quan, vì cầu này dẫn đến dinh quan Chánh tham biện hạt Gò Công.

Sau năm 1954, thành được cải tạo làm trường học; đó là Trường Nam tiểu học tỉnh Gò Công; hiện là Trường Tiểu học Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

**\* Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

**1. Ấp Giồng Cát**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Vậy liệu dạng hạt (Cát).

Ấp Giồng Cát thuộc xã Long Hòa, thị xã Gò Công, là tổ chức dân cư mà ở đó giồng được cấu tạo hoàn toàn bằng cát.

Ấp Giồng Cát đông giáp ấp Kim Liên, cùng xã, tây giáp ấp Phú Quới, xã Yên Luông, bắc giáp ấp Chợ Mới, cùng xã, nam giáp ấp Xóm Thủ, xã Bình Tân; diện tích tự nhiên 130 ha; dân số (năm 2019): 1.126 người, nam 529, nữ 597; được công nhận ấp văn hóa.

**2.** **Ấp Gò Tre**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Tre).

Ấp Gò Tre thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là cái gò có nhiều bụi tre.

Ấp Gò Tre đông giáp ấp Xóm Dinh, cùng xã, tây giáp xã Long Hưng, bắc giáp xã Tân Đông, nam giáp ấp Thuận Hòa và ấp Thuận An, cùng xã; diện tích tự nhiên 200 ha; dân số (năm 2019): 2.176 người, nam 967, nữ 1.209; được công nhận ấp văn hóa.

**\* Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

**1. Hạt Tham biện Gò Công (Arrondissement de Gocong: 1871-1876)**

Hạt Tham biện Gò Công cũng được thành lập năm 1871, lỵ sở đặt tại Gò Công (địa phận hai làng Thuận Ngãi và Thuận Tắc), gồm 4 tổng, 39 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 7 làng.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 11 làng.

- Tổng Hòa Lạc Thuợng có 9 làng.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

Ngày 25/4/1871, cù lao Lợi Quan được sáp nhập vào hạt Tham biện Gò Công.

Năm 1872, theo Niên giám Nam Kỳ (Annuaire de la Cochinchine), hạt Tham biện Gò Công có 4 tổng với 45 làng; cụ thể như sau:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 8 làng.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 15 làng.

- Tổng Hòa Lạc Thuợng có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

Theo Nghị định năm 1876, hạt Tham biện Gò Công có 4 tổng, 40 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 8 làng.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Thuợng có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

**2. Khu vực hành chính Gò Công (Circonscription administratives de Gocong: 1876-1899)**

Do địa bàn hẹp nên Khu vực hành chính Gò Công không có các Trung tâm hành chính mà chỉ có 4 tổng trực thuộc với 40 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 8 làng.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Thuợng có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

**3. Quận Gò Công**

Ngày 09-02-1913, tỉnh Gò Công được giải thể để thành lập quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho.

 Ngày 13/12/1913, 7 làng Bình Công, Long Chánh, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi, Yên Luông Đông và Yên Luông Tây của tổng Hòa Đồng Hạ được tách ra để thành lập thêm tổng Hòa Đồng Trung. Như vậy, vào cuối năm 1913, quận Gò Công có 5 tổng, 38 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 5 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 9 làng: Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới, Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Trung có 7 làng: Bình Công, Long Chánh, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi, Yên Luông Đông và Yên Luông Tây.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh, Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

 Đến ngày 20/02/1924, Gò Công được tái lập tỉnh. Như vậy, từ năm 1924, Gò Công không còn thuộc tỉnh Mỹ Tho.

**4. Tỉnh Gò Công (Province de Gocong: 1900-1913; 1924-1954)**

Khi mới thành lập (1900), tỉnh Gò Công diện tích 58.400 hecta, có 4 tổng, 40 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 8 làng.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 10 làng.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 10 làng

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 12 làng.

Năm 1910, tỉnh Gò Công có 4 tổng, 38 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 5 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 16 làng: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Công, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Chánh, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh, Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tăng Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

Ngày 09/02/1913, Thống đốc Nam kỳ cho giải thể tỉnh Gò Công để thành lập quận Gò Công thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Đến ngày 20/02/1924, Gò Công được tái lập tỉnh, có 5 tổng và 40 làng:

- Tổng Hòa Đồng Thượng có 6 làng: Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Đồng Sơn, Thạnh Nhựt, Bình Thành.

- Tổng Hòa Đồng Hạ có 8 làng: Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Bình Luông Trung, Long Hựu, Long Thạnh, Phú Thạnh Đông, Tân Cương, Tân Thới.

- Tổng Hòa Đồng Trung có 9 làng: Bình Công, Long Chánh, Vĩnh Hựu, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi, Vĩnh Viễn, Yên Luông Đông và Yên Luông Tây.

- Tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng: Bình Ân, Dương Phước, Hòa Nghị, Kiểng Phước, Tân Bình Điền, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tăng Hòa, Tân Thành, Thành Phố.

Đặc biệt, tỉnh Gò Công không có đơn vị hành chánh cấp quận. Tỉnh lỵ đặt tại làng Thành Phố, vốn là hai làng Thuận Tắc và Thuận Ngãi nhập lại.

**5. Tỉnh Gò Công (Chính quyền cách mạng:** **1968-1975)**

Về phía chính quyền cách mạng, tỉnh Gò Công được tái lập năm tháng 8-1968, gồm có thị xã Gò Công, hai huyện Đông và Tây. Năm 1972, tỉnh Gò Công được chia lại các đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường, bao gồm thị xã Gò Công, Vùng 1 (tương ứng với quận Hòa Đồng theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn), Vùng 2 (tương ứng với quận Hòa Tân theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn), Vùng 3 (tương ứng với quận Hòa Bình theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn), Vùng 4 (tương ứng với quận Hòa Lạc theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn). Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30-4-1975.

**6. Tỉnh Gò Công (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1956; 1963-1975)**

Tháng 4-1955, tỉnh Gò Công vẫn được duy trì với hai quận mới lập là quận Châu Thành và quận Hòa Đồng, 43 làng:

- Quận Châu Thành có 2 tổng: tổng Hòa Lạc Thượng có 7 làng, tổng Hòa Lạc Hạ có 10 làng. Quận lỵ: làng Thành phố;

- Quận Hòa Đồng có 3 tổng: tổng Hòa Đồng Hạ có 8 làng, tổng Hòa Đồng Trung có 9 làng, tổng Hòa Đồng Thượng có 9 làng. Quận lỵ: làng Đồng Sơn.

Đầu năm 1956, tỉnh Gò Công có diện tích là 584 km², dân số là 135.330 người. Riêng ở tỉnh lỵ Gò Công (tức địa bàn làng Thành phố), dân số là 7.570 người. Cũng sau năm 1956, các làng gọi là xã; làng Thành phố đổi tên thành xã Long Thuận và là nơi đặt quận lỵ của quận Gò Công.

Tháng 11/1956, chính quyền Sài Gòn hợp nhất tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho để thành lập tỉnh Định Tường; giữ nguyên quận Hòa Đồng và quận Châu Thành được đổi tên thành quận Gò Công:

- Quận Hòa Đồng có 2 tổng, 16 xã; quận lỵ đặt tại xã Đồng Sơn; chia ra như sau:

+ Tổng Hòa Đồng Thượng: có 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

+ Tổng Hòa Đồng Hạ: có 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

- Quận Gò Công có 2 tổng, 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Long Thuận, chia ra như sau:

+ Tổng Hòa Lạc Thượng: có 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Kiểng Phước.

+ Tổng Hòa Lạc Hạ: có 07 xã: Bình Ân, Phước Trung (Dương Phước và Tân Duân Trung cũ), An Hòa (Hòa Nghị và Tân Duân Đông), Tân Bình Điền, Tăng Hòa, Tân Thành, Long Thuận (Thành Phố và Long Chánh cũ).

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn cho tái lập tỉnh Gò Công, phía bắc với giáp hai tỉnh Long An và Gia Định (nay thuộc TP Hồ Chí Minh), phía đông giáp Biển Đông, phía nam giáp tỉnh Kiến Hòa (nay là tỉnh Bến Tre), phía tây giáp tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Ranh giới phía nam của Gò Công là sông Cửa Tiểu, ranh giới phía bắc là sông Vàm Cỏ Tây, còn ranh giới phía đông bắc là sông Nhà Bè đổ ra cửa Xoài Rạp.

Ngày 31-12-1963, dời quận lỵ quận Hòa Đồng từ xã Đồng Sơn đến xã Vĩnh Bình.

Ngày 6-4-1965, chia quận Gò Công thành 2 quận: quận Hòa Tân, quận lỵ đặt tại xã Tân Niên Tây với 9 xã; quận Hòa Lạc, quận lỵ tại xã Tăng Hòa với 9 xã; chia quận Hòa Đồng thành 2 quận: quận Hòa Đồng, quận lỵ tại xã Vĩnh Bình với 8 xã; quận Hòa Bình, quận lỵ đặt tại xã Bình Long Đông với 5 xã. Như vậy, tỉnh Gò Công có 4 quận. Cũng từ thời điểm này trở đi, cấp tổng bị giải thể, không còn tồn tại nữa.

Năm 1970, tỉnh Gò Công có 4 quận, 32 xã, diện tích 570 km², dân số 189.473 người, tỉnh lỵ đặt tại xã Long Thuận. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN QUẬN / TÊN XÃ** | **DIỆN TÍCH (km²)** | **DÂN SỐ****(Người)** |
| **I** | **Quận Hòa Tân: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Niên Tây** | **158,7** | **49.463** |
| 1 | Bình Thạnh Đông | 23,5 | 6.704 |
| 2 | Bình Xuân | 18,9 | 4.700 |
| 3 | Gia Thuận | 11,3 | 815 |
| 4 | Kiểng Phước | 23,6 | 5.603 |
| 5 | Tân Niên Đông | 15,3 | 4.405 |
| 6 | Tân Niên Tây | 13,7 | 7.437 |
| 7 | Tân Niên Trung | 15,4 | 5.040 |
| 8 | Tân Phước | 17,4 | 7.689 |
| 9 | Thành Công | 7,6 | 1.257 |
| 10 | Vàm Láng | 12,0 | 5.813 |
| **II** | **Quận Hòa Lạc: 9 xã, quận lỵ đặt tại xã Tăng Hòa** | **158,2** | **75.032** |
| 11 | An Hòa | 10,2 | 5.357 |
| 12 | Bình Ân | 19,5 | 5.655 |
| 13 | Bình Tân | 8,9 | 2.508 |
| 14 | Long Thuận | 15,6 | 36.410 |
| 15 | Phước Trung | 17,1 | 5.252 |
| 16 | Tăng Hòa | 20,0 | 5.705 |
| 17 | Tân Bình Điền | 15,8 | 2.197 |
| 18 | Tân Thành | 40,0 | 6.059 |
| 19 | Yên Luông | 11,1 | 5.889 |
| **III** | **Quận Hòa Bình: 5 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Long/Luông Đông** | **126,7** | **28.824** |
| 20 | Bình Long | 15,5 | 3.291 |
| 21 | Bình Long/Luông Đông | 13,1 | 4.656 |
| 22 | Long Hựu | 8,0 | 2.183 |
| 23 | Phú Thạnh Đông | 57,2 | 5.317 |
| 24 | Tân Thới | 32,9 | 9.447 |
| **IV** | **Quận Hòa Đồng: 8 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Bình** | **126,4** | **40.154** |
| 25 | Bình Phú Đông | 19,8 | 4.277 |
| 26 | Bình Phục Nhì | 19,1 | 5.980 |
| 27 | Đồng Sơn | 23,7 | 6.933 |
| 28 | Thạnh Nhựt | 8,2 | 2.666 |
| 29 | Thạnh Trị | 20,9 | 6.826 |
| 30 | Vĩnh Bình | 12,6 | 9.061 |
| 31 | Vĩnh Hựu | 12,0 | 1.929 |
| 32 | Vĩnh Viễn | 10,1 | 2.555 |

Các cấp hành chánh này tồn tại cho đến ngày 30/4/1975.

**7. Tỉnh Tiền Giang**

**\* Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc “nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước”. Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công  thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987,  Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện  Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho  là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Diện tích (ha)****(Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)** | **Dân số****(người)** |
|
| **I** | **Huyện Cái Bè** | **42,089.82** | **291,627** |
| 1 | Thị trấn Cái Bè | 426.26 | 16,856 |
| 2 | An Thái Đông | 728.12 | 9,834 |
| 3 | Hậu Mỹ Phú | 1,120.44 | 7,306 |
| 4 | An Cư | 1,142.82 | 14,211 |
| 5 | Hậu Thành | 1,163.09 | 14,354 |
| 6 | Mỹ Đức Đông | 1,208.66 | 9,445 |
| 7 | Thiện Trí | 1,314.59 | 9,210 |
| 8 | Mỹ Hội | 1,377.24 | 8,383 |
| 9 | An Hữu | 1,411.36 | 17,263 |
| 10 | Hoà Hưng | 1,540.34 | 15,335 |
| 11 | Mỹ Lương | 1,608.97 | 10,370 |
| 12 | Tân Thanh | 1,634.06 | 10,427 |
| 13 | Mỹ Tân | 1,736.26 | 4,893 |
| 14 | Mỹ Lợi A | 1,747.61 | 10,298 |
| 15 | Đông Hoà Hiệp | 1,781.23 | 14,023 |
| 16 | Tân Hưng | 1,888.60 | 12,282 |
| 17 | An Thái Trung | 1,911.87 | 14,901 |
| 18 | Mỹ Lợi B | 1,912.95 | 7,414 |
| 19 | Mỹ Đức Tây | 1,975.46 | 13,965 |
| 20 | Hậu Mỹ Bắc B | 1,977.17 | 10,480 |
| 21 | Thiện Trung | 2,018.96 | 8,991 |
| 22 | Hoà Khánh | 2,253.21 | 20,142 |
| 23 | Mỹ Trung | 2,416.47 | 8,347 |
| 24 | Hậu Mỹ Bắc A | 2,626.04 | 12,787 |
| 25 | Hậu Mỹ Trinh | 3,168.04 | 10,110 |
| **II** | **Huyện Cai Lậy** | **29,599.36** | **186,583** |
| 1 | Hiệp Đức | 1,013.78 | 5,977 |
| 2 | Mỹ Thành Bắc | 1,748.73 | 8,075 |
| 3 | Cẩm Sơn | 1,241.58 | 8,009 |
| 4 | Hội Xuân | 1,168.68 | 8,880 |
| 5 | Mỹ Long | 1,280.75 | 9,158 |
| 6 | Phú Nhuận | 1,363.58 | 9,206 |
| 7 | Thạnh Lộc | 2,384.06 | 11,298 |
| 8 | Long Tiên | 1,644.10 | 12,001 |
| 9 | Long Trung | 1,511.30 | 12,141 |
| 10 | Phú Cường | 3,259.79 | 12,733 |
| 11 | Mỹ Thành Nam | 2,179.25 | 12,652 |
| 12 | Tân Phong | 2,469.99 | 12,594 |
| 13 | Phú An | 1,577.08 | 15,149 |
| 14 | Ngũ Hiệp | 2,780.00 | 16,117 |
| 15 | Tam Bình | 2,081.75 | 16,383 |
| 16 | Bình Phú | 1,894.94 | 16,210 |
| **III** | **Thị xã Cai Lậy** | **14,018.95** | **123,775** |
| 1 | Phường 1 | 220.53 | 11,427 |
| 2 | Phường 2 | 349.19 | 5,416 |
| 3 | Phường 3 | 335.75 | 3,323 |
| 4 | Phường 4 | 203.74 | 6,039 |
| 5 | Phường 5 | 255.62 | 7,499 |
| 6 | Phường Nhị Mỹ | 553.84 | 4,586 |
| 7 | Thanh Hoà | 672.58 | 5,061 |
| 8 | Tân Phú | 826.44 | 5,410 |
| 9 | Phú Quí | 835.34 | 6,405 |
| 10 | Mỹ Hạnh Trung | 996.26 | 7,251 |
| 11 | Mỹ Hạnh Đông | 1,609.86 | 8,617 |
| 12 | Nhị Quí | 787.70 | 10,422 |
| 13 | Tân Bình | 900.93 | 5,669 |
| 14 | Tân Hội | 1,375.81 | 11,029 |
| 15 | Mỹ Phước Tây | 2,029.64 | 13,200 |
| 16 | Long Khánh | 2,065.72 | 12,421 |
| **IV** | **Huyện Châu Thành** | **22,991.09** | **242,757** |
| 1 | Thị trấn Tân Hiệp | 74.49 | 4,995 |
| 2 | Dưỡng Điềm | 341.58 | 6,192 |
| 3 | Hữu Đạo | 469.64 | 4,570 |
| 4 | Tân Lý Tây | 509.46 | 11,148 |
| 5 | Thạnh Phú | 733.81 | 9,686 |
| 6 | Đông Hoà | 758.96 | 9,530 |
| 7 | Song Thuận | 783.92 | 6,442 |
| 8 | Bình Trưng | 893.71 | 9,140 |
| 9 | Phú Phong | 900.03 | 6,980 |
| 10 | Tân Hội Đông | 913.62 | 7,589 |
| 11 | Long An | 591.85 | 9,258 |
| 12 | Bàn Long | 925.63 | 8,352 |
| 13 | Tân Hương | 1,103.29 | 15,170 |
| 14 | Bình Đức | 755.29 | 13,215 |
| 15 | Kim Sơn | 1,169.09 | 10,085 |
| 16 | Thân Cửu Nghĩa | 1,244.81 | 19,201 |
| 17 | Điềm Hy | 1,429.48 | 9,020 |
| 18 | Long Hưng | 1,475.67 | 12,355 |
| 19 | Tân Lý Đông | 1,555.24 | 14,275 |
| 20 | Long Định | 1,779.10 | 14,359 |
| 21 | Nhị Bình | 1,889.68 | 16,930 |
| 22 | Tam Hiệp | 2,121.40 | 14,015 |
| 23 | Vĩnh Kim | 571.34 | 10,250 |
| **V** | **Huyện Tân Phước** | **33,321.74** | **57,561** |
| 1 | Thị trấn Mỹ Phước | 279.40 | 2,792 |
| 2 | Phú Mỹ | 1,340.10 | 7,862 |
| 3 | Tân Lập 2 | 1,647.54 | 2,278 |
| 4 | Tân Hoà Thành | 1,747.22 | 9,847 |
| 5 | Thạnh Hoà | 2,533.85 | 842 |
| 6 | Tân Hoà Đông | 2,677.93 | 1,593 |
| 7 | Thạnh Mỹ | 2,832.35 | 2,134 |
| 8 | Tân Lập 1 | 2,870.98 | 5,549 |
| 9 | Thạnh Tân | 3,319.80 | 1,892 |
| 10 | Hưng Thạnh | 3,348.75 | 6,836 |
| 11 | Tân Hoà Tây | 3,352.21 | 4,257 |
| 12 | Phước Lập | 3,475.54 | 8,936 |
| 13 | Mỹ Phước | 3,896.07 | 2,743 |
| **VI** | **Thành phố Mỹ Tho** | **8,154.10** | **220,014** |
| 1 | Phường 1 | 77.71 | 7,994 |
| 2 | Phường 2 | 70.81 | 13,743 |
| 3 | Phường 3 | 54.11 | 10,452 |
| 4 | Phường 4 | 79.36 | 16,570 |
| 5 | Phường 5 | 271.77 | 20,653 |
| 6 | Phường 6 | 311.30 | 23,448 |
| 7 | Phường 7 | 40.15 | 9,128 |
| 8 | Phường 8 | 69.70 | 11,954 |
| 9 | Phường 9 | 237.57 | 7,116 |
| 10 | Phường 10 | 282.90 | 10,477 |
| 11 | Phường Tân Long | 272.79 | 3,470 |
| 12 | Đạo Thạnh | 1,031.47 | 15,866 |
| 13 | Trung An | 1,063.03 | 21,667 |
| 14 | Tân Mỹ Chánh | 931.59 | 12,271 |
| 15 | Mỹ Phong | 1,130.60 | 16,534 |
| 16 | Phước Thạnh | 1,017.60 | 12,291 |
| 17 | Thới Sơn | 1,211.64 | 6,380 |
| **VII** | **Huyện Chợ Gạo** | **23,256.81** | **178,803** |
| 1 | Thị trấn Chợ Gạo | 307.67 | 7,525 |
| 2 | Hoà Tịnh | 704.65 | 6,286 |
| 3 | Bình Phan | 1,059.00 | 7,039 |
| 4 | Tân Bình Thạnh | 1,126.85 | 7,555 |
| 5 | Trung Hoà | 1,077.76 | 6,452 |
| 6 | Song Bình | 932.58 | 8,055 |
| 7 | Phú Kiết | 1,154.46 | 9,942 |
| 8 | Đăng Hưng Phước | 1,476.48 | 11,151 |
| 9 | Tân Thuận Bình | 1,225.72 | 10,323 |
| 10 | Long Bình Điền | 1,192.33 | 11,875 |
| 11 | Mỹ Tịnh An | 1,143.39 | 8,782 |
| 12 | Quơn Long | 1,330.55 | 9,538 |
| 13 | Thanh Bình | 1,399.60 | 9,535 |
| 14 | Hoà Định | 1,359.25 | 8,136 |
| 15 | Lương Hoà Lạc | 1,007.99 | 12,477 |
| 16 | Xuân Đông | 1,514.64 | 8,666 |
| 17 | An Thạnh Thuỷ | 1,573.59 | 12,503 |
| 18 | Bình Phục Nhứt | 1,805.76 | 12,358 |
| 19 | Bình Ninh | 1,864.54 | 10,605 |
| **VIII** | **Huyện Gò Công Tây** | **18,220.53** | **131,252** |
| 1 | Thành Công | 810.52 | 5,934 |
| 2 | Yên Luông | 1,049.62 | 8,347 |
| 3 | Bình Phú | 1,321.53 | 7,569 |
| 4 | Long Vĩnh | 1,221.50 | 7,455 |
| 5 | Đồng Sơn | 1,483.55 | 8,844 |
| 6 | Thạnh Trị | 1,426.25 | 9,676 |
| 7 | Bình Tân | 1,669.13 | 10,368 |
| 8 | Bình Nhì | 1,375.49 | 11,750 |
| 9 | Đồng Thạnh | 1,567.52 | 10,351 |
| 10 | Vĩnh Hựu | 1,908.62 | 11,450 |
| 11 | Thạnh Nhựt | 1,783.72 | 12,821 |
| 12 | Long Bình | 1,839.67 | 15,055 |
| 13 | Thị Trấn Vĩnh Bình | 763.41 | 11,632 |
| **IX** | **Huyện Gò Công Đông** | **26,768.16** | **142,797** |
| 1 | Thị trấn Tân Hoà | 325.01 | 6,830 |
| 2 | Tân Điền | 2,002.19 | 7,182 |
| 3 | Tăng Hoà | 1,745.67 | 9,836 |
| 4 | Phước Trung | 2,103.03 | 10,201 |
| 5 | Bình Ân | 1,337.50 | 9,855 |
| 6 | Tân Đông | 1,137.91 | 10,002 |
| 7 | Bình Nghị | 1,319.05 | 11,176 |
| 8 | Gia Thuận | 1,912.06 | 6,066 |
| 9 | Kiểng Phước | 4,038.74 | 15,178 |
| 10 | Tân Phước | 2,194.76 | 13,857 |
| 11 | Tân Thành | 6,618.98 | 13,976 |
| 12 | Thị trấn Vàm Láng | 600.00 | 14,302 |
| 13 | Tân Tây | 1,433.26 | 14,336 |
| **X** | **Thị xã Gò Công** | **10,198.49** | **96,877** |
| 1 | Phường 1 | 45.35 | 5,625 |
| 2 | Phường 2 | 71.33 | 7,673 |
| 3 | Phường 3 | 109.71 | 5,656 |
| 4 | Phường 4 | 137.66 | 6,507 |
| 5 | Phường 5 | 160.00 | 4,623 |
| 6 | Long Hưng | 657.22 | 5,241 |
| 7 | Long Hoà | 642.64 | 6,211 |
| 8 | Long Chánh | 768.26 | 5,584 |
| 9 | Long Thuận | 615.32 | 6,553 |
| 10 | Bình Đông | 2,244.87 | 13,776 |
| 11 | Bình Xuân | 2,786.41 | 16,056 |
| 12 | Tân Trung | 1,959.72 | 13,372 |
| **XI** | **Huyện Tân Phú Đông** | **22,211.31** | **40,501** |
| 1 | Phú Thạnh | 2,232.10 | 7,769 |
| 2 | Tân Thới | 2,138.26 | 10,248 |
| 3 | Tân Phú | 2,025.49 | 8,708 |
| 4 | Tân Thạnh | 2,237.03 | 4,374 |
| 5 | Phú Tân | 10,629.13 | 3,472 |
| 6 | Phú Đông | 2,949.30 | 5,930 |

*Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **TP****Mỹ Tho** | **TX** **Cai Lậy** | **TX Gò Công** | **H. Cái Bè** | **H. Cai Lậy** | **H. Châu** **Thành** |
| Diện tích (km2) | 81,541 | 140,189 | 101,985 | 420,898 | 295,993 | 229,910 |
| Dân số (người) | 270.704 | 23.775 | 96.877 | 291.627 | 242.757 | 186.583 |
| Mật độ dân (người/km2) | 3320 | 883 | 950 | 693 | 630 | 1056 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **H. Chợ****Gạo** | **H. Gò Công Đông** | **H. Gò Công Tây** | **H. Tân Phú Đông** | **H. Tân Phước** |
| Diện tích (km2) | 232,568 | 267,681 | 182,205 | 222,113 | 333,217 |
| Dân số (người) | 178.803 | 142.797 | 131.252 | 40.501 | 57.561 |
| Mật độ dân (người/km2) | 769 | 533 | 720 | 182 | 172 |

Nguồn: *Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

**\* Địa danh thị xã, xã, phường thuộc thị xã Gò Công: 13 địa danh**

**1. Thị xã Gò Công**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**

Địa danh Gò Công có 03 cách giải thích:

- Thứ nhất: Tên gọi Gò Công do nơi này vào lúc người Việt đến khai khẩn (thế kỷ XVII) là vùng đất gò có nhiều chim công, tên chữ Hán là Khổng Tước nguyên.

- Thứ hai: Đây là vùng đất gò có quán bán tạp hóa của bà Công, nên có tên gọi là gò Bà Công; về sau, gọi tắt thành Gò Công.

- Thứ ba: Ở xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định có địa danh núi Gò Công cao 198 m. Có thể, vào thế kỷ XVII, cư dân ở vùng núi Gò Công chuyển cư đến sinh sống và khai khẩn vùng đất mới. Tại đây, họ đã lấy tên Gò Công, vốn là quê hương bản quán, đặt tên cho nơi ở mới. Đây là trường hợp dịch chuyển địa danh do hiện tượng di dân.

Trong 03 cách giải thích nêu trên, cách giải thích thứ nhất được nhiều người chấp nhận nhất.

**Vị trí địa lý:**

Nằm ở phía Đông của tỉnh Tiền Giang; phía Đông giáp huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp tỉnh Long An; phía Nam giáp huyện Gò Công Tây và huyện Gò Công Đông.

**Diện tích tự nhiên:** 10.198,48 ha.

**Hành chính:**

Năm 2020, thị xã Gò Công có 12 đơn vị hành chính xã, phường, gồm:

- Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5.

- Xã Long Hưng, Long Thuận, Long Hòa, Long Chánh, Tân Trung, Bình Đông, Bình Xuân.

**Lịch sử hình thành**:

Thị xã Gò Công Đông là vùng đất được khai phá sớm ở Tiền Giang. Trong các thế kỷ XVII – XVIII, vùng đất thị xã Gò Công lúc đó lần lượt thuộc đạo Trường Đồn (1772); dinh Trường Đồn (1779); dinh Trấn Định (1781).

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, trung tâm thị xã Gò Công là thôn Bình Thuận Đông và thôn Bình Thuận Tây đông dân cư; phía bắc là thôn Tân Niên Trung, Bình Xuân, Bình Thạnh Đông vẫn còn là vùng rừng rộng lớn, ít dân cư, thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường.

Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng phía nam là hai thôn Bình Thuận Đông và thôn Bình Thuận Tây được đổi tên thành thôn Thuận Tắc và thôn Thuận Ngãi, vùng phía bắc là các thôn Bình Xuân, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Mỹ Lợi, Mỹ Xuân và Tân Niên Trung; các thôn này thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, dưới đời vua Thiệu Trị, thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Năm 1852, dưới đời vua Tự Đức, vẫn thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất thị xã Gò Công thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, hạt Thanh tra Gò Công. Năm 1871, vẫn thuộc hai tổng trên, hạt Tham biện Gò Công. Năm 1876, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng và tổng Hòa Lạc Hạ, Tiểu khu hành chính Gò Công. Năm 1900, thuộc hai tổng Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Năm 1910, làng Bình Xuân, làng Tân Niên Trung vẫn ổn định, ba làng Bình Thạnh Tây, Mỹ Lợi, Mỹ Xuân nhập vào làng Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng; hai làng Thuận Tắc và Thuận Ngãi nhập lại thành làng Thành Phố thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công.

Năm 1913 -1923, tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho hợp nhất lấy tên là tỉnh Mỹ Tho. Năm 1924, tỉnh Gò Công được tái lập, gồm 5 tổng, 40 làng. Làng Thành Phố là tỉnh lỵ.

Về phía chính quyền Cách mạng, sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, tỉnh Gò Công có 5 khu vực hành chính gồm: Tân Niên Tây, Tăng Hòa, Bình Luông Đông, Đồng Sơn và Thị xã Gò Công. Năm 1951, khi tỉnh Mỹ Tho (mới) được thành lập, còn gọi là tỉnh Mỹ Tân Gò, vùng đất thị xã Gò Công thuộc huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho.

Sau Hiệp định Genève (1954) đến cuối năm 1956, chính quyền Sài Gòn nhập tỉnh Gò Công và tỉnh Mỹ Tho thành tỉnh Định Tường. Gò Công chia thành 2 quận: Gò Công và Hòa Đồng. Tại quận Gò Công, làng Thành Phố và làng Long Chánh nhập lại, thành xã Long Thuận. Quận lỵ Gò Công đóng tại xã Long Thuận.

Năm 1963, tái lập tỉnh Gò Công gồm 2 quận: Gò Công và Hòa Đồng. Tỉnh lỵ Gò Công đóng tại xã Long Thuận.

Năm 1965, tỉnh Gò Công lập bốn quận: Hòa Lạc, Hòa Tân, Hòa Bình, Hòa Đồng, tỉnh lỵ vẫn đóng tại xã Long Thuận (quận Hòa Lạc) cho tới ngày 30/4/1975.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ tháng 8-1954 đến cuối năm 1956, tỉnh Gò Công có huyện Đông, huyện Tây và thị xã Gò Công.

Từ năm 1957 đến năm 1967, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho thành tỉnh Mỹ Tho. Khu vực Gò Công có hai huyện Gò Công và Hòa Đồng; vùng đất thị xã Gò Công ngày nay thuộc huyện Gò Công.

Năm 1968, tỉnh Gò Công được tái lập, gồm có huyện Gò Công, huyện Hòa Đồng và thị xã Gò Công. Năm 1972, tỉnh Gò Công được chia lại các đơn vị hành chính để phù hợp với tình hình thực tiễn trên chiến trường. Theo đó, vùng đất thị xã Gò Công có một số xã thuộc Vùng 2 (tương ứng với quận Hòa Tân theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn) và một số xã thuộc Vùng 4 (tương ứng với quận Hòa Lạc theo cách đặt của chính quyền Sài Gòn). Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30/4/1975.

Sau ngày 30/4/1975, vào năm 1976, tỉnh Gò Công hợp nhất với tỉnh Mỹ Tho và thành phố Mỹ Tho để thành lập tỉnh Tiền Giang. Lúc này, huyện Đông sáp nhập với huyện Tây thành huyện Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang.

Năm 1977, Chính phủ ra Quyết định số 77-CP chuyển thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh. Thị trấn Gò Công là trung tâm của huyện Gò Công, có diện tích 16 km2, dân số 34.000 người, tổ chức thành 5 phường với 21 khóm.

Ngày 16/2/1987, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định số 37/HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công, thuộc tỉnh Tiền Giang. Thị xã Gò Công được thành lập trên cơ sở thị trấn Gò Công, với một phần diện tích và dân số huyện Gò Công Đông, một phần dân số và diện tích huyện Gò Công Tây. Thị xã gồm 2 phường, 4 xã, có diện tích tự nhiên 31 km2 với 48.043 nhân khẩu.

Ngày 21/01/2008 Chính phủ ra Nghị định số 08/2008/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng địa giới thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, điều chỉnh 6.419, 28 ha diện tích tự nhiên và 39.949 nhân khẩu của huyện Gò Công Đông (bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Bình Đông, Bình Xuân và Tân Trung), 580,72 ha diện tích tự nhiên và 2.238 nhân khẩu của xã Thành Công thuộc huyện Gò Công Tây về thị xã Gò Công quản lý.

Sau khi điều chỉnh, thị xã Gò Công có 10.198,48 ha diện tích tự nhiên và 97.709 nhân khẩu, có 12 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 5 phường: 1, 2, 3, 4, 5 và 7 xã: Long Hoà, Long Thuận, Long Hưng, Long Chánh, Tân Trung, Bình Đông và Bình Xuân. Năm 2020, thị xã Gò Công được công nhận hoàn thành xây dựng Nông thôn mới (7/7 xã được công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới) và đạt chuẩn văn minh đô thị.

Đặc sản của thị xã Gò Công là mắm tôm chà, mắm tôm chua, mắm còng, bún suông vịt, trái sơ ri tươi, mứt sơ ri,…

**Dân số:** Khoảng 104.000 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 60,1 triệu đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế**:

Phát triển ổn định theo hướng “Thương mại- dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp” phù hợp với tiềm năng và lợi thế của địa phương.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 6,72%. Cơ cấu kinh tế: khu vực I chiếm 31,7%; khu vực II chiếm 31,08%; khu vực III chiếm 37,22%.

Việc chỉnh trang đô thị đã tạo nên những nét đổi mới ở đô thị, hoạt động thương mại-dịch vụ được thuận lợi hơn; có siêu thị Coopmark (Phường 5), siêu thị Chợ Lớn (xã Long Hưng), Điện máy Xanh (Phường 2), Bách Hóa Xanh (Phường 4, Phường 5, xã Long Thuận) thường xuyên hoạt động, góp phần giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

**Giáo dục**:

Mạng lưới cơ sở giáo dục thị xã ngày càng mở rộng về quy mô và nâng lên về chất lượng. Trên địa bàn hiện có 03 trường trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh (THPT Trương Định, THPT Gò Công và THPT Bình Đông); có Trường trung cấp Gò Công trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh; đồng thời có 07 Trường trung học cơ sở (THCS Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 5, xã Tân Trung, Bình Đông, Bình Xuân) và 10 Trường tiểu họctrực thuộc Phòng Giáo dục - Đào tạo thị xã (Tiểu học Phường 1, Phường 2, xã Long Hòa, Long Chánh, Long Hưng, Long Thuận, Tân Trung, Bình Đông 1, Bình Xuân 1, Bình Xuân 2).

Các trường triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua do ngành giáo dục phát động; nền nếp, kỷ cương dạy và học được giữ vững; tỷ lệ huy động học sinh ở các bậc học ra lớp khá cao; tăng cường quản lý dạy thêm, học thêm; thực hiện tốt việc định hướng phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở; thực hiện đổi mới chương trình giáo dục, phương pháp giảng dạy theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chú trọng nâng chất đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn theo quy định; cơ sở trường lớp được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo chuẩn quốc gia. Toàn thị xã có gần 70% cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn cũng được quan tâm thực hiện lồng ghép với các đề án hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho thanh niên, phụ nữ.

**Y tế**:

Mạng lưới y tế trên địa bàn thị xã gồm có: Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công (tuyến tỉnh); Trung tâm y tế thị xã (tuyến thị xã); 12 trạm y tế và 62 tổ y tế và 02 phòng khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền tại Phường 2 và Phường 4 (tuyến cơ sở) thường xuyên được quan tâm, củng cố kiện toàn, hoạt động ngày càng hiệu quả. Bên cạnh hệ thống y tế công lập, trên địa bàn thị xã có 153 cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, đảm bảo công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân;

Hàng năm đã tập trung thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia và các chương trình y tế trọng tâm của tỉnh và thị xã; tổ chức thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch lớn, tử vong xảy ra; tỷ lệ tiêm miễn dịch cơ bản cho trẻ dưới 1 tuổi hàng năm đạt trên 98%, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy duy dưỡng giảm còn 4,6%; bảo hiểm y tế toàn dân tăng dần qua từng năm; trang thiết bị, cơ sở vật chất được đầu tư, bổ sung đầy đủ; Đội ngũ cán bộ y tế từng bước được bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ; tinh thần thái độ phục vụ người bệnh tại các cơ sở điều trị được chấn chỉnh. Cải cách thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện; bệnh nhân được hướng dẫn tận tình, tránh phiền hà và tăng sự hài lòng của người bệnh. Ngành y tế luôn tạo mọi điều kiện để người dân tiếp cận dễ dàng với các dịch vụ y tế, đảm bảo sự công bằng trong khám, chữa bệnh, đã thu hút được người dân đến các cơ sở điều trị trên địa bàn. Công tác quản lý y dược tư nhân và công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường.

**Giao thông**:

Hệ giao thông hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn chỉnh, đảm bảo để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khơi thông nguồn lực liên kết giữa các huyện, thị trong vùng phía Đông của tỉnh, gồm:

- 01 tuyến Quốc lộ 50 dài 16,05km.

- 07 tuyến đường tỉnh (ĐT) dài 28,73km gồm: Đường tỉnh (ĐT) 862, ĐT 873, ĐT 873B, ĐT 877, ĐT 871B, ĐT 871C.

- 16 tuyến đường huyện (ĐH) dài 79,725km gồm: Đường huyện (ĐH) 19, ĐH 99, ĐH 99B, ĐH 99C, ĐH 99D, ĐH 99E, ĐH 96B, ĐH 14, ĐH 97B, ĐH 97, ĐH 15, ĐH 98, ĐH 98B, ĐH 98C, ĐH 98D, ĐH 96.

- 55 tuyến đường nội thị dài 28,568 km. Trong đó có 34 tuyến đường chính

**Văn hóa**:

Năm 2020, thị xã Gò Công có 62 ấp, khu phố văn hóa, 12/12 xã, phường được công nhận và tái công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường đạt chuẩn văn minh đô thị; có 03 chợ văn hóa, 03 công viên văn hóa, 91 con đường văn hóa và 41 cơ sở thờ tự văn hóa. trên 95% số hộ gia đình, 98% cơ quan đạt danh hiệu văn hóa. Thị xã đã đạt chuẩn văn minh đô thị và được công nhận đô thị loại III, có 7/7 xã nông thôn mới, trong đó có 01 xã đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

Hàng năm, trên địa bàn thị xã diễn ra nhiều lễ hội truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc như: Lễ giỗ ngày Anh hùng dân tộc Trương Định tuẫn tiết được tổ chức qui mô, hoành tráng (được công nhận lễ hội cấp quốc gia); bên cạnh đó còn có lễ hội Kỳ Yên Đình Trung, lễ hội người Hoa cúng Quan Công Thánh Đế; ngoài ra, các câu hò, làn điệu dân ca, ca nhạc tài tử, ẩm thực, tín ngưỡng dân gian địa phương cũng đã tạo ra sắc thái văn hóa phi vật thể riêng biệt của thị xã được bảo tồn và phát huy.

Thị xã Gò Công còn là nơi có truyền thống hiếu học, nhiều người đỗ đạt cao trong các kỳ thi xưa, rồi làm quan dưới các triều vua nhà Nguyễn. Ông Phạm Đăng Hưng đã từng làm quan Thượng thư dưới 3 triều vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị. Con gái ông là bà Phạm Thị Hằng là vợ vua Thiệu Trị, là mẹ vua Tự Đức tức Thái hậu Từ Dũ (Từ Dụ) nổi tiếng trong lịch sử. Đây cũng là quê hương của nhà văn Hồ Biểu Chánh, nhà văn Sơn Vương,...

Trong những năm 1925-1930, tại đây đã có nhà xuất bản Nữ lưu thơ quán của Phan Thị Bạch Vân nổi tiếng toàn quốc, tập hợp nhiều cây bút tiến bộ đương thời cổ động cho nữ giới mở mang học vấn và bảo vệ luân lý đạo đức. Đây cũng lả quê hương của nữ thi sĩ Nguyễn Thị Kiêm (nữ sĩ Manh Manh), của bà Cao Thị Khanh, chủ bút tờ Phụ nữ tân văn, của nhạc sĩ Hoàng Phương với bài hát nổi tiếng “Đi trên bãi biển Gò Công”,…

**Du lịch**:

Thị xã Gò Công là vùng đất có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch với nhiều di sản văn hóa vật thể vô cùng quý giá được bảo tồn, được công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia như: Lăng Hoàng Gia - đền thờ Đức Quốc Công Phạm Đăng Hưng thân sinh bà Thái Hậu Từ Dũ tại ấp Lăng Hoàng Gia xã Long Hưng. Mộ và Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định, di tích kiến trúc nhà Đốc Phủ Hải tại phường 1), di tích cấp tỉnh (Quần thể di tích Khu căn cứ Tỉnh ủy Gò Công, Chiến thắng Ao Vông, mộ nhân vật lịch sử Đỗ Trình Thoại, Trần Thị Sanh, Võ Tánh,…) và nhiều di tích đình, chùa, miếu, nhà thờ, nhà cổ rải rác khắp địa bàn.

Thị xã Gò Công còn có các đặc sản nổi tiếng: sơ ri, gà ta Gò Công, mắm tôm chà, mắm tôm chua và những ngành nghề truyền thống, như tủ thờ Gò Công, thảm cói, chiếu cói, thảm lục bình,...

Thông qua việc tổ chức các lễ hội hàng năm, thị xã đã thu hút rất nhiều khách từ các tỉnh lân cận và Thành phố Hồ Chí Minh đến tham quan, cúng viếng.

Hướng tới, thị xã sẽ phát triển du lịch sinh thái, nhất là khu vực sông nước dọc theo sông Vàm Cỏ, tập trung khai thác thế mạnh của vùng đất có bề dầy về lịch sử, văn hóa để phát triển du lịch; phấn đấu là trung tâm kết nối các tuyến du lịch của tỉnh.

**Thể thao**:

Thị xã Gò Công và toàn vùng Gò Công có truyền thống võ thuật nổi tiếng lâu đời, tiêu biểu là Võ đường Triệu Tử Long đã đào tạo nhiều võ sĩ lừng danh trước năm 1975.

Phong trào thể dục, thể thao phát triển ổn định trong các trườnghọc, trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên và trong quần chúng nhân dân. Toàn thị xã, có 31,2% dân số và 24,98% hộ gia đình luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên; có các công trình thể dục thể thao như: sân vận động thị xã được xây dựng mới từ năm 2017 với các hạng mục công trình rất qui mô; có hồ bơi thị xã được đầu tư xây dựng năm 2020 với kinh phí 20 tỷ đồng; có nhà thi đấu đa môn và các sân quần vợt, sân cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn, sân bóng đá mini bằng cỏ nhân tạo, sân tập luyện các bộ môn khác,… tại trung tâm văn hóa - thể thao thị xã và xã, phường duy trì hoạt động thường xuyên, thu hút nhiều vận động viên tham gia tập luyện.

Ngoài ra, còn có các thiết chế của tư nhân đầu tư phục vụ thể dục thể thao như: Hồ bơi Ánh Dương ấp Gò Tre, xã Long Thuận, Sân bóng đá Phường 4, các sân bóng đá mini cỏ nhân tạo ở xã Long Chánh, Bình Đông, Phường 2, xã Long Thuận, sân bóng đá cỏ nhân tạo Phường 3 và nhiều câu lạc bộ thể dục thể thao như cầu lông, bóng chuyền, quần vợt, thể dục thẩm mỹ, gym,…được hình thành, tạo điều kiện cho mọi người tham gia tập luyện thể dục, thể thao, phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng ngày càng rộng khắp và lan tỏa.

Các môn thể thao có thế mạnh tại thị xã gồm có: bóng đá, võ Taekwondo, đẩy gậy, vật tay, cầu lông... tham dự nhiều hội thao, các giải thi đấu khu vực luôn đạt huy chương. Trong đó có một số vận động viên đạt thành tích cao như:

- Nguyễn Quốc Minh, Nguyễn An Khương, Huỳnh Phúc Hiệp (môn bóng đá).

- Nguyễn Phú Hội, Huỳnh Cao Chu An, Phạm Huỳnh Minh Thắng, Lê Thu Nga (môn võ Taekwondo).

- Trương Minh Tâm, Trương Minh Sang, Phan Thị Tặng, Huỳnh Thị Ngàn (môn đẩy gậy).

- Lê Thị Kim Thanh (môn vật tay).

- Nguyễn Gia Kiệt (môn cầu lông).

Đặc biệt, có một số vận động viên đã trưởng thành qua các giải thi đấu ở cấp tỉnh và khu vực Đông Nam Á, Châu Á, hiện nay là huấn luyện viên các đội tuyển quốc gia như: Trương Quốc Bảo - huấn luyện viên môn quần vợt; Huỳnh Ngọc Minh Tiến - huấn luyện viên môn Pencaksilat.

**Tổng số liệt sĩ***:* 1.269 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng**: 217 Bà mẹ.

**2. Xã Bình Đông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

東 Đông: Phía đông

平東社 Bình Đông Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Đông nằm ở phía Bắc thị xã Gò Công, phía Đông giáp xã Long Hựu (Huyện Cần Đước, tỉnh Long An), phía Tây giáp xã Bình Xuân (thị xã Gò Công), phía Nam giáp xã Tân Trung (thị xã Gò Công), phía Bắc giáp xã Phước Đông (Huyện Cần Đước, tỉnh Long An).

**Diện tích tự nhiên**: 222.4,62 ha.

**Hành chính:**

Xã có 7 ấp gồm: ấp Cộng Lạc, Hòa Thân, Muôn Nghiệp, Năm Châu, Hồng Rạng, Lạc Hòa, Trí Đồ.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Bình Đông hiện nay có hai thôn Bình Thạnh Đông và Bình Thạnh thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có 2 thôn Bình Thạnh Đông và Bình Thạnh Tây thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1848, đời vua Tự Đức, ngoài hai thôn đã có, xã Bình Đông hiện nay có thêm hai thôn Mỹ Lợi và Mỹ Xuân.

Năm 1913, dưới thời thực dân Pháp thống trị, ba làng[[10]](#footnote-10) Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây và Mỹ Lợi hợp nhất, lấy tên là làng Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; còn làng Mỹ Xuân được sáp nhập vào làng Tân Niên Trung.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), xã Bình Đông hiện nay có tên là làng Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân gọi là làng Bình Thạnh Đông, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng; từ năm 1954-1968, gọi là xã Bình Thạnh Đông, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Bình Thạnh Đông, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Bình Thạnh Đông, Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Bình Thạnh Đông, quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Thạnh Đông được đổi tên thành Bình Đông, là một xã thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, khi huyện Gò Công được chia thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thì xã Bình Đông thuộc huyện Gò Công Đông. Năm 2008, xã Bình Đông thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 19.292 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55,39 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Phát triển theo hướng Nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, trong đó nông nghiệp là chủ yếu (71,79%). Những năm gần đây kinh tế của xã tăng trưởng khá.

Việc xây cầu Mỹ Lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại-dịch vụ phát triển, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân, có chợ Phạm Văn Kiệt ấp Trí Đồ, chợ Năm Châu, chợ Cộng Lạc - Hòa Thân.

**Giáo dục:**

Năm 2020, xã có 04 trường học:

- Trường trung học phổ thông Bình Đông

- Trường trung học cơ sở Bình Đông:

- Trường tiểu học Bình Đông

- Trường mẫu giáo Bình Đông (1 điểm trường chính tại ấp Trí Đồ và 4 điểm trường phụ tại ấp Hòa Thân, Muôn Nghiệp và Cộng Lạc.)

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 07 tổ y tế trên địa bàn 07 ấp, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (2020).

**Giao thông:**

Xã Bình Đông nằm trên tuyến Quốc lộ 50, qua cầu Mỹ Lợi đi Thành phố Hồ Chí Minh và Đường tỉnh 873, đảm bảo phương tiện lưu thông qua lại an toàn, các trục đường chính của xã và các đường liên ấp được đầu tư bê tông, cốt thép gồm 6 tuyến tổng chiều dài 8.954 km, mặt đường rộng 2 đến 3m, tạo điều kiện đi lại và lưu thông hàng hóa thuận lợi hơn, đáp ứng nhu cầu cuộc sống của nhân dân trên địa bàn xã; có đê bao dài 11,9 Km, sông Soài Rạp giáp phía Đông và phía Bắc của xã, có cầu Móng Sắt, cầu Mỹ Lợi, cống Rạch Băng, cống Rạch Giá và cống Bình Đông.

**Văn hóa:**

- 7/7 ấp được công nhận ấp văn hóa;

- Xã được công nhận đạt “Xã văn hóa nông thôn mới”;

- Có 06 Cơ sở thờ tự văn hóa” (gồm chùa Thiền Huệ ấp Năm Châu; chùa Phước Vân ấp Trí Đồ; miếu Ông Kiển ấp Muôn Nghiệp; miếu Bà ở khu B ấp Hòa Thân và miếu An Hòa ở khu A ấp Hòa Thân)

Hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hoá bình quân đạt trên 96*%*.

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 02 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấp Cộng Lạc - Hòa Thân; nhà văn hóa liên ấp Năm Châu - Muôn Nghiệp) và 07 Trụ sở ấp. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 250 chỗ ngồi, sức chứa của hội trường 02 nhà văn hóa liên ấp là 100 chỗ ngồi cho mỗi Nhà văn hóa; đảm bảo nhu cầu hội họp, họp mặt, vui chơi giải trí, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

**Du lịch:**

Có tiềm năng về du lịch sinh thái với ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các món ăn vùng sông nước và Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, thu hút nhiều khách đến tham quan thường xuyên.

**Thể thao:**

Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã và 02 sân bóng đá mini của tư nhân (tại ấp Năm Châu và Muôn Nghiệp) thu hút nhiều thanh thiếu và nhân dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao. Toàn xã có 1.114 / 3.874 hộ gia đình tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên chiếm 28,75% và 5.694/19.292 người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên, chiếm 29,53%. 07/07 ấp của xã đều được công nhận ấp có phong trào rèn luyện thân thể và xã cũng được tái công nhận xã có phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

**Tổng số liệt sĩ:** 367 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 52 Bà mẹ.

**3. Xã Bình Xuân**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

春 Xuân: Mùa xuân

平春社 Bình Xuân Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Xuân cách trung tâm thị xã Gò Công 13,3 km; phía Đông giáp xã Bình Đông, một phần xã Long Chánh, thị xã Gò Công; phía Tây giáp tuyến sông Vàm Cỏ, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; phía Nam giáp một phần xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây; phía Bắc giáp sông Vàm Cỏ, xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 2654,73 ha.

**Hành chính:**

Xã có 9 ấp: gồm ấp 1,2,3,4,5,6,7, Thành Nhứt, Thành Nhì.

**Lịch sử hình thành**:

Năm 1808, đời vua Gia Long, Bình Xuân là thôn thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Bình Xuân thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. 1841, đời vua Thiệu Trị, thôn này thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Năm 1873, dưới thời thực dân Pháp thống trị, làng Bình Xuân được trích ra một phần đất để lập làng mới Bình Thành. Trước Cách mạng tháng Tám (1945), làng Bình Xuân thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Bình Xuân, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân gọi là làng Bình Xuân, thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng; từ năm 1954-1968, gọi là xã Bình Xuân, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Bình Xuân, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Bình Xuân, Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Bình Xuân, quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Bình Xuân thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, khi huyện Gò Công được chia thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây thì xã Bình Xuân thuộc huyện Gò Công Đông. Năm 2008, xã Bình Xuân thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số**: 16.788 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 56.348.000đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế**: Chuyển dịch theo cơ cấu“nông nghiệp,tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ”, trong đó nông nghiệp là chủ yếu (70%).

**Giáo dục**:

Năm 2020, trên địa bàn xã có 04 trường học, gồm:

- Trường mẫu giáo Bình Xuân,

- Trường tiểu học Bình Xuân 1,

- Trường tiểu học Bình Xuân 2,

- Trường trung học cơ sở Bình Xuân.

Các trường đều được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế**:

Trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 09 tổ y tế trên địa bàn 09 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 90% (2020).

**Giao thông**:

Địa bàn xã có trục Đường tỉnh 873, Đường huyện 14, Đường huyện 99, Đường huyện 99c, sông Vàm Cỏ, sông Gò Công đi ngang qua tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, trao đổi hàng hóa cũng như phát triển kinh tế xã hội, năm 2020 nhà nước đầu tư xây dựng cầu Bình Xuân nối hai bờ sông Gò Công làm cho trục Đướng tỉnh 873 thông suốt, tạo nên tuyến giao thông mới giúp người dân thuận tiện hơn trong việc trao đổi hàng hóa cũng như đi lại trong địa bàn.

**Văn hóa**:

- 9/9 ấp được công nhận ấp văn hóa;

- Xã được công nhận đạt “Xã văn hóa nông thôn mới”;

 - Có 04 Cơ sở thờ tự văn hóa” (chùa Bửu Hưng, thánh thất Cao Đài, đình Bình Thành, miếu Bà Chúa Xứ ).

Hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hoá bình quân đạt trên 96*%*.

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 03 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấp 2- ấp 3; Nhà văn hóa liên ấp 1 và Thành Nhất, Thành Nhì; Nhà văn hóa liên ấp 4- ấp 5- ấp 6), có 09 Trụ sở ấp. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 200 chỗ ngồi, sức chứa của hội trường 03 nhà văn hóa liên ấp là 100 chỗ ngồi cho mỗi Nhà văn hóa; đảm bảo nhu cầu hội họp, họp mặt, vui chơi giải trí, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

**Du lịch:**

Có tiềm năng về du lịch sinh thái với các món ăn vùng sông nước và Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, thu hút nhiều khách đến tham quan thường xuyên.

**Thể thao**:

 Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã và các điểm luyện tập thể dục, thể thao tại các trường, trụ sở ấp thu hút đông đảo thanh thiếu và nhân dân tham gia luyện tập. Năm 2020, toàn xã có 25,2% hộ gia đình và 30,03% người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên. 09/09 ấp của xã đều được công nhận ấp có phong trào rèn luyện thân thể và xã cũng được tái công nhận xã có phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

**Tổng số liệt sĩ**: 339 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng** : 47 Bà mẹ.

**4. Xã Long Chánh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

**政** Chánh: ngay thẳng, chính trực

隆**政**社 Long Chánh Xã

**Vị trí địa lý**

Xã Long Chánh nằm về phía Tây của thị xã Gò Công. Về địa giới hành chính: Phía Bắc giáp xã Bình Xuân, thị xã Gò Công; phía Nam, giáp xã Long Hòa, thị xã Gò Công và 1 phần xã Yên Luông huyện Gò Công Tây; phía Đông giáp Phường 4, Thị xã Gò Công; phía Tây, giáp xã Thành Công huyện Gò Công Tây.

**Diện tích tự nhiên:** 787.07 ha.

**Hành chính:**

Xã Long Chánh gồm có 4 ấp: Long Bình, Long Hưng, Long Mỹ, Long Phước.

**Lịch sử hình thành**

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Long Chánh hiện nay nguyên là thôn Tân Long thuộc tổng Kiến Thạnh, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Long được đổi thành thôn Long Chánh, tổng Hòa Đồng, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Long Chánh thuộc tổng Hòa Đồng Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), làng Long Chánh thuộc tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Long Thuận (xã Long Chánh và làng Thành Phố gộp lại), tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Thuận, tổng Hòa Đồng Trung, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975); chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Long Thuận, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Long Thuận, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Long Thuận, Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Long Thuận, quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Long Chánh được tái lập trên cơ sở một phần đất của xã Long Thuận, thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1994, một phần diện tích của xã được tách ra để thành lập Phường 4, thị xã Gò Công. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số**: 6.815 người (2020).

**Thu nhâp bình quân đầu người:** 56,03 triệu/người/năm (2020)

**Kinh tế:**

Chuyển dịch theo cơ cấu nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, trong đó nông nghiệp là chủ yếu (70%).

Trong thời gian qua, nhờ những chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế của các ngành, các cấp nên tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ngày một phát triển. Đời sống và sinh hoạt của nhân dân được nâng lên.

Trên địa bàn xã Long Chánh có 01 hợp tác xã và 3 tổ hợp tác gồm: Hợp tác xã nông nghiệp Long Chánh; tổ hợp tác chăn nuôi dê; tổ hội nghề nghiệp chăn nuôi dê; tổ hợp tác nuôi ếch thương phẩm an toàn sinh học… đảm bảo được chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả cạnh tranh thị trường, đem lại lợi nhuận bền vững.

**Giáo dục:**

Năm 2020, trên địa bàn xã có 02 trường học, gồm: Trường mẫu giáo Long Chánh (trực thuộc Trường mầm non Phường 4) và Trường tiểu học Long Chánh. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 04 tổ y tế trên địa bàn 04 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (2020).

**Giao thông:**

Xã Long Chánh có 02 trục đường chính đi qua, là Quốc lộ 50 và Đường tỉnh 873, Đường tỉnh 873B nối liền xã Long Chánh với các xã của huyện Gò Công Tây; có các Đường huyện 98, 98B, 98C và 98D (thị xã quản lý) đi qua nối liền xã Long Chánh với các xã, phường khác của thị xã Gò Công.

Trên địa bàn xã còn có 18 tuyến đường giao thông của xã được đầu tư nâng cấp trải nhựa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đến trung tâm xã; có 18 tuyến dân sinh cũng được tráng bê tông đảm bảo thông suốt, thuận tiện việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa. Các công trình trên đường gồm cầu, cống đảm bảo khả năng khai thác đồng bộ với đường.

**Văn hóa:**

- 4/4 ấp được công nhận ấp văn hóa hàng năm.

- Xã được công nhận đạt xã văn hóa nông thôn mới.

- Có 3 cơ sở thờ tự văn hóa (chùa Tân Bửu, miếu Cây Sộp, miếu Long Mỹ).

- 10 tuyến đường văn hóa (đường Xóm Tròn - ấp Long Phước, đường kênh Tham Thu - ấp Long Hưng, Đường hẽm 10 - ấp Long Hưng, Đường hẽm số 5 - ấp Long Hưng, đường chùa Tân Bửu - ấp Long Hưng, đường kênh Bảy Vĩnh - ấp Long Mỹ, đường cổng ấp Văn hóa Long Bình, đường hẻm số 1, số 3, số 6 - ấp Long Bình).

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã diện tích là 252m2, đảm bảo 200 chỗ ngồi, 02 nhà văn hóa liên ấp (Long Bình - Long Phước, Long Hưng - Long Mỹ), 04 trụ sở ấp đáp ứng nhu cầu hội họp, vui chơi, sinh hoạt văn hóa.

**Du lịch:**

Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Có 07 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng. Các sân bãi của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, các trường học và các điểm luyện tập trên địa bàn thu hút nhiều người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao ở cộng đồng. Toàn xã có 2.293/6.815 người thường xuyên tham gia tập thể dục, thể thao đạt 33,64% so với dân số. Hàng năm được công nhận 4/4 ấp và xã có phong trào “*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

**Tổng số liệt sĩ:** 74 liệt sĩ

**Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 17 Bà mẹ.

**5. Xã Long Hòa**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

隆和社 Long Hòa Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Long Hòa cách trung tâm thị xã 2 km về hướng Nam. Về địa giới hành chính: phía Bắc giáp xã Long Chánh và phường 5; phía Nam giáp xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây và xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Long Thuận, phía Tây giáp xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây.

**Diện tích tự nhiên:** 642,64 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp, bao gồm: Chợ Mới, Giồng Cát, Kim Liên, Tân Xã, Việt Hùng.

**Lịch sử hình thành:**

Xã Long Hòa (thị xã Gò Công) được thành lập năm 1987 trên cơ sở một phần diện tích của xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, một phần diện tích của xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông và Khóm 8 của thị trấn Gò Công. Năm 2003, một phần diện tích của xã được tách ra để thành lập Phường 5, thị xã Gò Công. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 6.963 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 60,265 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Phát triển theo cơ cấu“nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp-công nghiệp và dịch vụ”. Trong đó, nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao.

**Giáo dục:**

Năm 2020, trên địa bàn xã có duy nhất 01 trường học là Trường tiểu học Long Hòa. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 05 tổ y tế trên địa bàn 05 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (2020).

**Giao thông:**

Có 02 tuyến Đường tỉnh 862, 877 và 03 tuyến Đường huyện 15, 19, 96B đi qua xã về các huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây; 01 tuyến đường xã, dài 1.310m; 12 tuyến đường ấp, dài 16.410m và 45 tuyến đường dân sinh dài 13.855m được nhựa, bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Tuyến đường này có hệ thống điện chiếu sáng công cộng 1.310m/1.310m, đạt 100%.

**Văn hóa:**

- 5/5 ấp được công nhận ấp văn hóa.

- Xã được công nhận đạt Xã văn hóa Nông thôn mới nâng cao.

- Có 12 tuyến đường văn hóa, trong đó:

+ 01 tuyến đường do thị xã quản lý (đường Thủ Khoa Huân nối dài ấp Việt Hùng và Tân Xã).

+ 11 tuyến đường do xã quản lý (Đường số 1 - ấp Việt Hùng, đường Giồng Cát, Đường lô 1 - ấp Kim Liên, Đường lô 2 - ấp Kim Liên, Đường tổ 3 - ấp Kim Liên, Đường lô 4 - ấp Kim Liên, Đường tổ 2 - ấp Việt Hùng, Đường tổ 6 - ấp Việt Hùng, Đường tổ 10- ấp Kim Liên, Đường số 1 - tổ 4 ấp Tân Xã, Đường Nam kênh 14 - ấp Việt Hùng).

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 02 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấp Kim Liên - Giồng Cát và Nhà văn hóa liên ấp Việt Hùng - Tân Xã) và 05 Trụ sở ấp. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 200 chỗ ngồi; sức chứa của hội trường 02 nhà văn hóa liên ấp là 100 chỗ ngồi cho mỗi Nhà văn hóa, đảm bảo nhu cầu hội họp, họp mặt,vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ -thể dục thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

Hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hoá bình quân đạt trên 96%.

**Du lịch:**

Có 01 Di tích lịch sử cấp tỉnh là Mộ Ông Đỗ Trình Thoại, phục vụ giáo dục truyền thống và nhân dân đến tham quan thường xuyên.

**Thể thao:**

Có 06 điểm tập thể dục, thể thao thu hút nhiều thanh, thiếu niên và nhân dân tham gia luyện tập, hiện có 2.643/7.691 người thường xuyên tham gia tập thể dục thể thao đạt 34,36% so với dân số, hàng năm, ấp và xã đều được công nhận có phong trào “*rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

**Tổng số liệt sĩ:** 64 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 08 Bà mẹ.

**6. Xã Long Hưng**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

興 Hưng: Hưng thịnh

隆興社 Long Hưng Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Long Hưng nằm về phía Bắc của thị xã Gò Công; phía Đông giáp xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp Phường 4; phía Nam giáp Phường 3, Phường 4 và xã Long Thuận, thị xã Gò Công; phía Bắc giáp xã Tân Trung.

**Diện tích tự nhiên:** 651,34 ha.

**Hành chính:**

Xã Long Hưng có 04 ấp: ấp Hưng Phú, ấp Hưng Hòa, ấp Hưng Thạnh, ấp Lăng Hoàng Gia.

**Lịch sử hình thành:**

Xã Long Hưng (thị xã Gò Công) được thành lập năm 1987 trên cơ sở một phần diện tích của ấp Bờ Kinh và một phần diện tích của ấp Bà Trà thuộc xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông; một phần diện tích Khóm 11 và một phần diện tích Khóm 12 thuộc thị trấn Gò Công. Năm 1994, một phần diện tích của xã được tách ra để thành lập Phường 3, thị xã Gò Công. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 6.579 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:**  61.401.000 đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Chuyển dịch theo cơ cấunông nghiệp,tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, trong đó nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao với 60%.

**Giáo dục:**

Năm 2020, xã Long Hưng có 02 trường học, gồm: Trường mầm non Long Hưng và Trường tiểu học Long Hưng. Cả 02 trường đều đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 04 tổ y tế trên địa bàn 04 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (2020).

**Giao thông:**

Long Hưng có Quốc lộ 50 dài 3km, Đường tỉnh 871 dài 2,5km có các đường Trần Hưng Đạo (đường thị xã) nối dài Đường tỉnh dài 5km (Quốc lộ 50; bến xe khách nằm trên địa bàn ấp Hưng Hòa…); có sông Gò Công dài 4km, sông Sơn Quy dài 1,3km đi qua; có các kênh/kinh, rạch: Rạch Lá dài 750m, kênh/kinh Hòa Thạnh dài 1,2km, kênh/kinh cầu Sơn Qui, kênh/kinh Cầu, Kênh/Kinh 3 tháng2, kênh/kinh Hưng Hòa; kênh/kinh Bảy Dân.

Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có các tuyến đường chính khác, như: tuyến đường Từ Dũ/Từ Dụ và tuyến đường Hồ Biểu Chánh (Quốc lộ 50); tuyến đường Mạc Văn Thành; toàn xã có 12 tuyến đường liên ấp được bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện, có 26 tuyến đường ngỏ xóm được bê tông hóa, đảm bảo theo tiêu chí của Bộ Giao thông; có 22 hệ thống kênh mương đảm bảo phục vụ tưới tiêu và sinh hoạt.

**Văn hóa:**

- 4/4 ấp được công nhận ấp văn hóa hàng năm.

- Xã được công nhận đạt xã văn hóa nông thôn mới.

- Có 01 cơ sở thờ tự văn hóa (Miếu Cây Giá, ấp Lăng Hoàng Gia).

- 11 tuyến đường văn hóa, trong đó:

+ 02 tuyến đường do thị xã quản lý (đường Từ Dũ, đường Hồ Biểu Chánh)

+ 09 tuyến đường do xã quản lý (đường Xương Sống, Hòa Phú ở ấp Hưng Phú; đường tổ 3, tổ 12, Hòa Phú ở ấp Hưng Hòa; đường trước Ao Làng, sau Ao Làng ở ấp Hưng Thạnh; đường Lăng Hoàng Gia, Kênh sườn - nhóm 2 ở ấp Lăng Hoàng Gia).

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn theo qui định với 250 chỗ ngồi; có 02 Nhà văn hóa liên ấp (Hưng Thạnh - Lăng Hoàng Gia và Hưng Hòa - Hưng Phú), mỗi nhà văn hóa có 100 chỗ ngồi bảo đảm đạt chuẩn sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ cộng đồng dân cư. Trong thời gian qua, các thiết chế văn hóa luôn các cấp quan tâm đầu tư xây dựng và sửa chữa, nhằm phục vụ tốt các hoạt động giao lưu, họp mặt, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ.

Xã Long Hưng có 1 thánh thất, 2 miễu, người dân hầu hết theo tín ngưỡng thờ cúng ông, bà; một số rất ít là người theo đạo Công giáo, Cao đài và các đạo khác; có Di tích lịch sử cấp Quốc gia Lăng Hoàng Gia.

**Du lịch:**

Xã có Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia Lăng Hoàng Gia thu hút người dân trong và ngoài thị xã đến tham quan thường xuyên.

**Thể thao:**

Trên địa bàn xã Long Hưng có sân vận động thị xã đạt chuẩn được trồng cỏ; 01 hồ bơi đạt chuẩn trong khuôn viên sân vận động thị xã; 02 sân bóng chuyền và sân cầu lông tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã và tại 02 nhà văn hóa liên ấp (Hưng Thạnh - Lăng Hoàng Gia; Hưng Hòa - Hưng Phú), thu hút nhiều người thường xuyên tham gia tập thể dục, thể thao. Xã có 01 Câu Lạc bộ bóng chuyền thường xuyên giao hữu với các đội trong và ngoài thị xã; có 2.065 người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, đạt 32,24% so với dân số của xã.

Hàng năm, ấp và xã đều được công nhận có phong trào “*rèn luyện thể thao theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

**Tổng số liệt sĩ:** 50 liệt sĩ

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 04 Bà mẹ.

**7. Xã Long Thuận**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

順 Thuận: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ

隆順社 Long Thuận Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Long Thuận nằm về phía Đông của thị xã Gò Công; phía Bắc giáp xã Long Hưng, thị xã Gò Công; phía Nam giáp Phường 5, xã Long Hòa, thị xã Gò Công và xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông; phía Đông giáp xã Bình Ân, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp Phường 2, Phường 3, thị xã Gò Công.

**Diện tích tự nhiên:** 615,32 ha.

**Hành chính**:

Xã Long Thuận có 04 ấp: Thuận An, Gò Tre, Thuận Hòa, Xóm Dinh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Long Thuận hiện nay là hai thôn Bình Thuận Đông và Bình Thuận Tây thuộc tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn Bình Thuận Đông và Bình Thuận Tây được đổi tên thành Thuận Ngãi và Thuận Tắc, thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1841, đời vua Thiệu trị, hai thôn này thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Năm 1852, đời vua Tự Đức, thôn Thuận Ngãi là huyện lỵ của huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1885, hai làng Thuận Ngãi và Thuận Tắc hợp nhất thành làng Thành Phố, thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, hạt tham biện Gò Công. Năm 1900, làng Thành Phố thuộc tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công và là tỉnh lỵ của tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Long Thuận, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân gọi là làng Long Thuận, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Long Thuận, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Long Thuận, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Long Thuận, Vùng 4, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Long Thuận, quận Hòa Lạc, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Long Thuận thuộc huyện Gò Công; năm 1979, thuộc huyện Gò Công Đông; năm 1987, một phần diện tích của xã được tách ra để thành lập Phường 1 và Phường 2, thị xã Gò Công. Xã Long Thuận thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** Có 7.594 người (năm 2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 62,751 triệu đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Chuyển dịch theo cơ cấunông nghiệp,tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, trong đó nông nghiệp là chủ yếu.

**Giáo dục:**

Năm 2020, xã có 02 trường học:

- Trường tiểu học Long Thuận (ấp Thuận An).

- Trường mẫu giáo Sao Mai (ấp Thuận An).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình; có 04 tổ y tế trên địa bàn 04 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt trên 90% (năm 2020).

**Giao thông:**

Xã Long Thuận có 02 trục đường chính đi qua, là Đường tỉnh 871 (đường Mạc Văn Thành) và Đường tỉnh 8710C (đường Nguyễn Thìn) nối liền xã Long Thuận với các xã của huyện Gò Công Đông;

Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 19 tuyến đường của xã và ấp được quan tâm đầu tư nâng cấp trải nhựa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; có 37 tuyến dân sinh được tráng bê tông đảm bảo thông suốt, thuận tiện việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa.

**Văn hóa:**

- 4/4 ấp được công nhận ấp văn hóa.

- Xã được công nhận đạt xã văn hóa nông thôn mới.

- Có 4/4 cơ sở thờ tự văn hóa (gồm chùa Thanh Trước (ấp Thuận An), đền thờ Võ Tánh (ấp Gò Tre), đình Thuận Ngãi (ấp Gò Tre), chùa Tịnh xá Ngọc Quang (ấp Thuận An).

 - 07 tuyến đường văn hóa (đường Lăng Ông, đường cặp hông Chùa Thanh Trước, ấp Gò Tre; đường Bờ Cái, đường kênh Đìa Tra, ấp Xóm Dinh; đường Xóm Rạch, ấp Thuận Hòa; đường Chùa Linh Châu, ấp Thuận An, đưởng liên ấp Thuận An-Gò Tre)

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 02 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấpThuận An - Gò Tre và Nhà văn hóa liên ấp Thuận Hòa - Xóm Dinh), có 04 Trụ sở ấp với tổng diện tích là 3.536,5 m2. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 200 chỗ ngồi, sức chứa của hội trường 02 nhà văn hóa liên ấp là 100 chỗ ngồi cho mỗi Nhà văn hóa; đảm bảo nhu cầu hội họp, họp mặt,vui chơi giải trí, Văn hóa Văn nghệ - Thể dục thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

Xã có 05 Câu lạc bộ (CLB) Đờn ca tài tử (trong đó: có 01 CLB Đờn ca tài tử xã và 04 CLB Đờn ca tài tử ở 04 ấp). Các CLB đều duy trì, hoạt động thường xuyên theo định kỳ hàng tháng tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, Nhà văn hóa liên ấp Thuận An – Gò Tre và Nhà văn hóa Thuận Hòa – Xóm Dinh. Có 01 CLB khiêu vũ, hàng tháng sinh hoạt 01 lần tại Trung tâm Văn hóa -Thể thao xã.

**Du lịch:**

Xã có tiềm năng về chuỗi du lịch miệt vườn (tham quan vườn sơ ri) gắn với tham quan các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn thị xã và xã (Lăng Hoàng gia, Đền thờ Trương Định, Đền thờ Võ Tánh,…). Hàng năm, có trên 1.000 lượt người dân trong và ngoài xã tham gia.

**Thể thao:**

Có 03 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng (tại trung tâm văn hóa xã 01 sân bóng đá mini; 01 điểm tập thể dục, thể thao tại Nhà văn hóa liên ấp Thuận Hòa - Xóm Dinh và 01 điểm tập thể dục, thể thao tại Nhà văn hóa liên ấp Gò Tre - Thuận An). Các sân bãi của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và các Nhà văn hóa liên ấp trên địa bàn, thu hút trên 50% số người dân tham gia các hoạt động văn hóa - thể thao ở cộng đồng. Năm 2020, toàn xã, có 2.875/8.881 người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, đạt 32,3% so với dân số của xã. Hàng năm, 4/4 ấp và xã được công nhận có phong trào “*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

**Tổng số liệt sĩ:** 89 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 13 Bà mẹ.

**8. Xã Tân Trung**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ.

忠 Trung: Trung thành

新忠社 Tân Trung Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Trung nằm về phía Đông Bắc thị xã Gò Công; phía Đông giáp xã Tân Tây, Tân Đông, Tân Phước, huyện Gò Công Đông; phía Tây giáp xã Bình Xuân, Bình Đông, thị xã Gò Công; phía Nam giáp xã Long Hưng, xã Long Chánh, thị xã Gò Công; phía Bắc giáp tỉnh Long An qua ranh giới tự nhiên là sông Vàm Cỏ.

**Diện tích tự nhiên:** 2019,74 ha.

**Hành chính:**

Xã có 7 ấp: Mỹ Xuân, Gò Xoài, Xã Lới, Ông Cai, Ông Non, Sơn Quy A và Sơn Quy B.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Tân Trung hiện nay nguyên là thôn Tân Niên Trung thuộc tổng Hòa Bình, Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Niên trung thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, chính quyền thực dân, sau năm 1862, cắt làng Mỹ Xuân ra lập làng Trường Cóc (Truông Cóc). Năm 1872, làng Trường Cóc đổi tên là Tân Xuân. Năm 1885, hai làng Tân Xuân và Mỹ Xuân nhập vào làng Tân Niên Trung. Năm 1900, làng Tân Niên Trung thuộc tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Niên Trung, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công; chính quyền thực dân gọi là làng Tân Niên Trung, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng, từ năm 1954-1968, gọi là xã Tân Niên Trung, huyện Gò Công, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1968-1972, gọi là xã Tân Niên Trung, huyện Đông, tỉnh Gò Công; từ năm 1972-1975, là xã Tân Niên Trung, Vùng 2, tỉnh Gò Công; chính quyền Sài Gòn gọi là xã Tân Niên Trung, quận Hòa Tân, tỉnh Gò Công.

Sau năm 1975, xã Tân Niên Trung được đổi tên thành xã Tân Trung thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 1979, xã Tân Trung thuộc thuộc huyện Gò Công Đông. Năm 2008, xã Tân Trung thuộc thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 14.497 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55 triệu đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Chuyển dịch theo cơ cấu“nông nghiệp,tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ”, trong đó nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao (70%). Ngành nghề chủ yếu là trồng lúa, nghề phụ là đóng tủ thờ với thương hiệu nổi tiếng “Tủ thờ Gò Công”, trồng hoa màu.

**Giáo dục:**

Năm 2020, trên địa bàn có 03 trường học: Trường mẫu giáo Tân Trung, Trường tiểu học Tân Trung và Trường trung học cơ sở Tân Trung. Cả 3 trường đều được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; có 07 tổ y tế trên địa bàn 07 ấp; tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 80,44% (2020).

**Giao thông:**

Có tuyến Quốc lộ 50 và Đường tỉnh 873B đi qua địa bàn xã; có sông Gò Công và sông Vàm Cỏ ngang qua địa bàn xã nên rất thuận lợi cho việc lưu thông trao đổi hàng hóa trên địa bàn xã và các vùng lân cận cả đường bộ lẫn đường thủy; các tuyến đường giao thông nông thôn của xã có tổng chiều dài 65.275m, đều được nhựa, bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Tuyến đường này có hệ thống điện chiếu sáng công cộng đạt 100%.

**Văn hóa:**

- 7/7 ấp được công nhận ấp văn hóa.

- Xã được công nhận đạt “Xã văn hóa nông thôn mới”.

- Có 08 cơ sở thờ tự văn hóa (miễu Tân Thạnh, ấp Sơn Qui A; miễu Tân Thạnh, ấp Sơn Qui B; miễu Bà Chúa xứ, xóm Ông Sư, ấp Ông Non; miễu Cây Sộp, ấp Ông Cai; miễu Sơn Linh, ấp Gò Xoài; miễu bà Chúa xứ, Xóm Trong, ấp Xã Lới; miễu Ao Đình, ấp Mỹ Xuân; Thánh thất Cao Đài, ấp Ông Non).

Hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hoá bình quân đạt trên 96*%*.

Trên địa bàn xã hiện có 01 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, 02 Nhà văn hóa liên ấp (gồm Nhà văn hóa liên ấp Sơn Qui A - Sơn Qui B và Nhà văn hóa liên ấp Mỹ Xuân - Gò Xoài)), có 07 trụ sở ấp. Sức chứa bình quân của hội trường Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã là trên 200 chỗ ngồi, sức chứa của hội trường 02 nhà văn hóa liên ấp là trên 100 chỗ ngồi cho mỗi nhà văn hóa; đảm bảo nhu cầu hội họp, họp mặt, vui chơi giải trí, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao của cán bộ và nhân dân trên địa bàn.

**Du lịch:**

Có tiềm năng về du lịch sinh thái với Làng nghề mộc tủ thờ truyền thống Gò Công, các món ăn vùng sông nước và Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, thu hút nhiều du khách đến tham quan thường xuyên.

**Thể thao:**

Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của xã và các điểm luyện tập thể dục, thể thao tư nhân thu hút đông đảo thanh thiếu và nhân dân tham gia luyện tập, toàn xã có 1.065/3.488 hộ gia đình tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên chiếm 30,53% và 4.547/15.560 người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên, chiếm 29,22%. 07/07 ấp của xã đều được công nhận ấp có phong trào rèn luyện thân thể và xã cũng được tái công nhận xã có phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

**Tổng số liệt sĩ:** 226 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 38 Bà mẹ.

**9. Phường 1**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (1)

**Vị trí địa lý:**

Phường 1 nằm ở trung tâm của thị xã Gò Công, phía Bắc giáp Phường 3, phía Đông giáp Phường 2, phía Nam giáp Phường 5, phía Tây giáp Phường 4.

**Diện tích tự nhiên:** 49 ha.

**Hành chính:**

Phường có 04 khu phố gồm: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3 và Khu phố 4.

**Lịch sử hình thành:**

Ngày 16/02/1987, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 37- QĐ/HĐBT thành lập thị xã Gò Công, đơn vị hành chính Phường 1 chính thức được thành lập, trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Long Thuận. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016 - 2020.

**Dân số:** 4.826 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 94 triệu đồng/1 người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Phát triển theo cơ cấu Thương mại, dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; trong đó, thương mại, dịch vụ là chủ yếu.

Chợ thị xã cũ nằm tại phía Bắc khu phố 1, buôn bán các loại hàng hóa nông sản, thủy sản, thực phẩm, tạp hóa; chợ thị xã mới được xây dựng năm 2004 nằm ở phía Tây khu phố 1, chuyên kinh doanh các mặt hàng trang trí nội thất, may mặc, giày dép,...

**Giáo dục:**

Năm 2020, trên địa bàn Phường có 03 trường học, gồm:

- Trường tiểu học Phường 1.

- Trường trung học cơ sở Phường 1.

- Trường mẫu giáo Hướng Dương.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Địa bàn Phường 1 có các tuyến đường giao thông chính như đường Hai Bà Trưng, Lý Tự Trọng, Lê Lợi, Lưu Thị Dung, Trương Định, Rạch Gầm, Trần Hưng Đạo, Võ Duy Linh, Nguyễn Huệ, Nguyễn Thái Học. Qua địa bàn phường còn có sông Gò Công dài 1 km, có cầu Long Chánh trọng tải 25 tấn.

Các tuyến đường giao thông trên toàn địa bàn Phường 1 toàn bộ đã được nhựa và bê tông hóa thuận tiện phục vụ cho quá trình sản xuất phát triển kinh tế-xã hội và nhu cầu đi lại của người dân. Phường cũng có 29/29 hẻm đều được tráng bê tông hoặc tráng nhựa, bảo đảm giao thông rất thuận tiện.

**Văn hóa:**

- 4/4 khu phố được công nhận khu phố văn hóa.

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị.

- Có 8 cơ sở thờ tự văn hóa, gồm 2 chùa (chùa Thiên Liên, chùa An Sơn); 05 Công sở người Hoa (Công sở Hẹ, Công sở Quảng Đông, Công sở Triều Châu, Công sở Phước Châu, Phước Kiến) và miễu Bà Thủy Long.

- Có 14 tuyến đường đạt tiêu chuẩn văn hóa; trong đó:

+ 12 đường nội thị do thị xã quản lý (các đường Hai Bà Trưng, Lê Lợi, Phan Chu Trinh, Nguyễn Tùng Châu, Nguyễn Thái Học, Lý Tự Trọng, Trần Hưng Đạo, Lê Thị Hồng Gấm, Lý Thường Kiệt, Phan Bội Châu, Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Ngũ Lão);

+ 02 đường hẻm do phường quản lý (hẻm Nguyễn Huệ ở Khu phố 4, hẻm Võ Duy Linh ở Khu phố 3).

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi và 4/4 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

- Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* phát triển mạnh ở các khu phố, Nhân dân đăng ký thực hiện gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; thực hiện 05 tiêu chuẩn phường “*Văn minh đô thị*”, 05 tiêu chuẩn khu phố văn hóa.

**Du lịch:**

Phường 1 có 02 Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Quốc gia: Đền thờ và lăng mộ Anh hùng dân tộc Trương Định, Di tích Nhà Đốc Phủ Hải; 01 Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh: Đình Trung. Các di tích này luôn thu hút khách thập phương từ nơi xa trong và ngoài nước đến tham quan du lịch, góp phần quảng bá hình ảnh đẹp của vùng đất, con người Gò Công nói chung và Phường 1 nói riêng.

**Thể thao:**

Phường có 03 điểm hoạt động thể dục thể thao cộng đồng. Các điểm hoạt động thể dục thể thao cộng đồng và các sân bãi của các trường học trên địa bàn, thu hút trên 70% số người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao ở cộng đồng. Hàng năm, 4/4 khu phố và phường được công nhận có phong trào “*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

**Tổng số liệt sĩ**: 62 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 04.

**10. Phường 2**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (2).

**Vị trí địa lý:**

Phường 2 nằm về phía Nam khu vực trung tâm của thị xã Gò Công. Phía Bắc giáp với Phường 3; phía Nam giáp với Phường 5; phía Đông giáp với xã Long Thuận; phía Tây giáp với Phường 1.

**Diện tích tự nhiên:** 71,38 ha.

**Hành chính :**

Phường có 05 khu phố, gồm khu phố 1, 2, 3, 4 và 5.

**Lịch sử hình thành:**

Ngày 16/02/1987, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 37- QĐ/HĐBT thành lập thị xã Gò Công, đơn vị hành chính Phường 1 chính thức được thành lập, trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Long Thuận. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

**Dân số:** 7.180 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 73,09 triệu đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Định hướng phát triển kinh tế theo cơ cấu Thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

**Giáo dục:**

Năm 2020, trên địa bàn Phường 2 có 06 trường học, gồm:

- Trường trung học phổ thông Trương Định.

- Trường trung học cơ sở Phường 2.

- Trường tiểu học Phường 2.

- Trường mẫu giáo Bình Minh.

- Trường mẫu giáo tư thục Hoa Lan.

- Trường mẫu giáo Hướng Dương.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Địa bàn Phường 2 có các tuyến đường giao thông chính như đường Thủ Khoa Huân, Nguyễn Văn Côn, Nguyễn Trọng Dân, Trần Hưng Đạo, Trương Định, Hai Bà Trưng, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học, Lưu Thị Dung cùng với 06 tuyến đường nội thị khác được thị xã quan tâm đầu tư nâng cấp trải nhựa, bó vỉa hè hoàn chỉnh, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, vận chuyển, mua bán trao đổi hàng hóa giữa Phường 2 và các xã, phường khác trong thị xã Gò Công. Phường cũng có 43/43 hẻm đều được tráng bê tông hoặc tráng nhựa, bảo đảm giao thông rất thuận tiện.

**Văn hóa:**

- 5/5 khu phố được công nhận khu phố văn hóa.

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị.

- 5/7 cơ sở thờ tự văn hóa (Hưng Thành tự, Tịnh xá Ngọc Hiệp, vhùa Thiên Quang, chùa Giác Phước, Nhà thờ Giuse).

- Có 19 con đường văn hóa; trong đó:

+ 13 con đường nội thị do thị xã quản lý (các đường Trương Định, Nguyễn Văn Côn, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trọng Dân, Nguyễn Trãi, Phan Đình Phùng, Lưu Thị Dung, Phan Bội Châu, Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Thủ Khoa Huân, Hai Bà Trưng và Nguyễn Thái Học).

+ 06 đường hẻm do phường quản lý (Hẻm số 1 ở Khu phố 1, hẻm Nguyễn Văn Côn - Nguyễn Trãi ở Khu phố 2, hẻm Thủ Khoa Huân ở Khu phố 4, Hẻm số 11 ở Khu phố 5; Hẻm số 6 ở Khu phố 3 và hẻm số 12 ở Khu phố 5).

+ 01 Công viên văn hóa Tết Mậu Thân.

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi và 5/5 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

**Du lịch:**

Trên địa bàn phường có 02 Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Tượng đài Anh hùng dân tộc Trương Định (đường Trương Định) và Dinh tỉnh Trưởng (đường Nguyễn Văn Côn), thu hút khách đến tham quan, tìm hiểu.

**Thể thao:**

Có 17 điểm hoạt động thể dục thể thao cộng đồng. Các sân bãi của Trung tâm Văn hóa - Thể thao thị xã và các trường học trên địa bàn, thu hút trên 60% số người dân tham gia các hoạt động văn hóa thể thao ở cộng đồng. Hàng năm được công nhận 5/5 khu phố và phường có phong trào “*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

**Tổng số liệt sĩ**: 47 liệt sĩ.

**Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng**: 01 Bà mẹ.

**11. Phường 3**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (3).

**Vị trí địa lý**

Phường 3 nằm ở hướng Đông bắc, là cửa ngõ tiếp giáp trung tâm thị xã Gò Công, phía Đông giáp Xã Long Hưng; phía Tây giáp Phường 1, Phường 4 (qua sông Gò Công); phía Nam giáp xã Long Thuận, Phường 2; phía Bắc giáp xã Long Hưng.

**Diện tích tự nhiên:** 109,7 ha.

**Hành chính:**

**-** Phường có 4 khu phố, gồm Khu phố 1, 2, 3 và 4.

**Lịch sử hình thành:**

Phường 3 được thành lập theo Nghị định 69/NĐ-CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ “Về việc thành lập Phường 3 thuộc thị xã Gò Công trên cơ sở một phần diện tích và nhân khẩu của xã Long Hưng”. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

**Dân số:** 5.172 người (2020)

**Thu nhập bình quân đầu người:** 63.400.000 đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Phát triển theo cơ cấuthương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp; trong đó thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng cao.

Việc chỉnh trang đô thị đã tạo nên diện mạo mới của phường; hoạt động thương mại-dịch vụ được thuận lợi hơn, vì vậy kinh tế của phường trong những năm gần đây tăng trưởng khá.

**Giáo dục:**

Trên địa bàn Phường 3 có 01 cơ sở giáo dục là Trường trung học cơ sở Phường 3.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 85% (2020).

**Giao thông:**

Địa bàn Phường 3 có 8 tuyến đường giao thông chính như đường Nguyễn Trãi nối dài; Nguyễn Văn Côn, Mạc Văn Thành, Nguyễn Trọng Dân, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ, Hai Bà Trưng, đường Ao Thiếc (hẻm 25, Mã Cả Trượng). Toàn bộ các tuyến đường giao thông đã được nhựa, bê tông hóa phục vụ cho quá trình sản xuất phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của người dân. Phường cũng có 40 hẻm đều được tráng bê tông hoặc tráng nhựa, bảo đảm giao thông rất thuận tiện.

**Văn hóa:**

- 4/4 khu phố được công nhận khu phố văn hóa.

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị.

- Có 05 cơ sở thờ tự văn hóa (chùa Duy Khánh, chùa Phật Huệ, Thánh tịnh Long Đức Quy Châu, miễu Thổ Trì (khu phố 2), miễu Minh Đức (khu phố 3).

 - 05 tuyến đường văn hóa (các đường Mạc Văn Thành, Tết Mậu Thân, Ao Thiếc, Nguyễn Trọng Dân và đường Nguyễn Trãi nối dài).

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi và 4/4 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

**Du lịch:**

Trên địa bàn phường có Công viên Ao Thiếc (đường Nguyễn Trọng Dân nối dài) mới được chỉnh trang và mở rộng, thu hút du khách đến tham quan.

**Thể thao:**

Có 05 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng, thu hút 311 hộ và 2.574 người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, chiếm 21,99% số hộ và 41,46% số dân.

Hàng năm, 4/4 khu phố và phường được công nhận có phong trào “*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

**Tổng số liệt sĩ:** 29 liệt sĩ.

**Tổng số Bà Mẹ Việt Nam anh hùng:** 02 Bà mẹ.

**12. Phường 4**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (4).

**Vị trí địa lý:**

Phường 4 nằm về phía Tây của thị xã Gò Công; phía Đông giáp Phường 1, Phường 3; phía Tây và Bắc giáp xã Long Chánh; phía Nam giáp Phường 1, Phường 5.

**Diện tích tự nhiên:** 134 ha.

**Hành chính**:

**Lịch sử hình thành:**

Phường 4 được thành lập theo Nghị định 69/NĐ-CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ “Về việc thành lập Phường 4 thuộc thị xã Gò Công trên cơ sở một phần diện tích và nhân khẩu của xã Long Chánh”. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

**Dân số:** 7.224 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 53 triệu đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Chuyển dịch theo cơ cấu thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, trong đó thương mại - dịch vụ giữ vai trò chủ yếu.

**Giáo dục:**

Năm 2020, trên địa bàn có 02 trường học: Trường tiểu học Phường 4 và Trường mầm non Phường 4.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Địa bàn Phường 4 thuận lợi về giao thông đường bộ, có trục đường Quốc lộ 50 tỏa đi hướng thành phố Mỹ Tho và hướng đi Thành Phố Hồ Chí Minh sau khi thị xã mở rộng vành đai phía Nam. Ngoài hai trục đường chính còn có các đường liên khu phố được trãi nhựa và bê tông, ngoài ra còn có con sông Gò Công thông ra sông Vàm Cỏ, sông Soài Rạp và sông Vàm Giồng.

**Văn hóa:**

- 5/5 khu phố được công nhận khu phố văn hóa.

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị.

- 02 cơ sở thờ tự văn hóa (Thánh thất Cao Đài, Điện thờ phật mẫu).

- Có 02 con đường văn hóa do thị xã quản lý (các đường Đồng Khởi, Phan Thị Bạch Vân).

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi, và 5/5 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

- Các khu phố duy trì được phong trào sinh hoạt câu lạc bộ, đội nhóm sở thích, phong trào văn hóa, văn nghệ và thể thao quần chúng. Mỗi khu phố có 1 đội văn nghệ duy trì hoạt động thường xuyên.

**Du lịch:**

Do trên địa bàn phường không có các di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng nên du lịch có phần nào hạn chế.

**Thể thao:**

Có 25 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng thu hút 2.466 người tham gia các luyện tập thể dục, thể thao, đạt 34,05%. Hàng năm, 5/5 khu phố và phường được công nhận có phong trào “*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

**Tổng số liệt sĩ:** 51 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 07 Bà mẹ.

**13. Phường 5**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính: Phường 5**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (5).

**Vị trí địa lý:**

Phường 5 nằm về phía Nam của thị xã Gò Công, các phía Đông, Tây và Nam đều giáp xã Long Hòa; phía Bắc giáp các Phường 1, 2 và 4 của thị xã Gò Công.

**Diện tích tự nhiên:** 166,35ha.

**Hành chính:**

Phường 5 có 4 khu phố, gồm khu phố 1, 2, 3 và 4.

**Lịch sử hình thành:**

Theo Nghị Định 154/2003/NĐ-CP về việc thành lập phường, xã thuộc thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, tại Điều 4: Thành lập Phường 5 thuộc thị xã Gò Công trên cơ sở 160 ha diện tích tự nhiên và 7.740 nhân khẩu của xã Long Hòa. Phường đã được công nhận đạt chuẩn Văn minh đô thị giai đoạn 2016-2020.

**Dân số:**  5.507người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 70,20 triệu đồng/người/năm (2021).

**Kinh tế:**

Chuyển dịch theo cơ cấu kinh tế là thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp. Trên địa bàn phường có Siêu thị CoopMart, Bách hóa Xanh, đã giải quyết tốt nhu cầu lao động, việc làm, góp phần cải thiện nâng cao đời sống của Nhân dân.

**Giáo dục:**

Năm 2020, trên địa bàn Phường 5 có 04 trường học:

- Trường trung học phổ thông Gò Công.

- Trường mẫu giáo Phường 5.

- Trường trung học cơ sở Phường 5.

- Trường mẫu giáo tư thục Phường 5.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế, tỷ lệ bảo hiểm y tế trên địa bàn đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Qua địa bàn Phường 5 có Đường tỉnh 862 và đường vành đai phía Nam thị xã đến ấp Việt Hùng, xã Long Hòa; có các tuyến đường giao thông chính như các đường Thủ Khoa Huân, Trần Công Tường, Võ Văn Kiết, Võ Duy Linh, Hoàng Tuyển, Đỗ Trình Thoại, cùng với các tuyến đường trong khu dân cư Trương Định tạo cho Phường 5 có nhiều thuận lợi trong việc giao lưu, vận chuyển, mua bán trao đổi hàng hóa giữa Phường 5 và các xã, phường khác trong thị xã Gò Công.

**Văn hóa**:

- 4/4 khu phố được công nhận khu phố văn hóa;

- Phường được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị;

- Có 03 cơ sở thờ tự văn hóa (Chùa Huệ Quang, chùa Bửu Minh và Phú Vạn miếu);

- Có 16 con đường văn hóa; trong đó:

+ 13 con đường nội thị do thị xã quản lý (các đường Hoàng Tuyển, Đỗ Trình Thoại, Võ Duy Linh, Trương Định, Đường số 1, Đường số 3, Đường số 10, Đường số 12, Đường số 12A, Đường số 12B, Đường số 5, Đường số 6 và đường Thủ Khoa Huân*);*

+ 03 đường hẻm do phường quản lý (Hẻm 1 ở Khu phố 1, Hẻm 1 ở Khu phố 2 và Hẻm 1 ở Khu phố 4).

- Hàng năm, toàn phường có trên 97% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa.

- Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao của Phường với sức chứa 200 chỗ ngồi và 4/4 khu phố của phường đều có điểm sinh hoạt văn hóa phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cơ bản về sinh hoạt, giao lưu văn hóa, văn nghệ của Nhân dân trên địa bàn.

**Du lịch:**

Trên địa bàn phường có Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh là Mộ Bà Trần Thị Sanh (ở Khu phố 2), là một trong nhiều di tích thu hút khách trong và ngoài địa phương đến tham quan, tìm hiểu.

**Thể thao:**

Phường có 14 điểm hoạt động thể dục, thể thao cộng đồng, phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương. Các sân bãi của Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, trường học và các điểm hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn, thu hút nhiều người dân tham gia luyện tập. Toàn phường có 356 hộ gia đình và 1.791 người thường xuyên tham gia tập thể dục, thể thao, chiếm tỷ lệ 24,36% so với tổng số hộ và 32,52% so với dân số. Hàng năm, 4/4 khu phố và phường đều được công nhận có phong trào “*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”.

**Tổng số liệt sĩ:** 37 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 10 Bà mẹ.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ, đường cao tốc, đường tỉnh:**

**+ Quốc lộ 50**, **đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (50).

Quốc lộ 50 là tuyến đường nối liền từ Thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Long An đến tỉnh Tiền Giang, bắt đầu từ cầu Nhị Thiên Đường, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo hướng nam đi qua huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh), sang hai huyện Cần Giuộc và Cần Đước, tỉnh Long An, đến thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại trung tâm thị xã Gò Công, con đường rẽ sang hướng tây qua hai huyện  Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, với tổng chiều khoảng dài 95 km.

Quốc lộ 50 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 41 tại cầu Mỹ Lợi, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, xuyên qua thị xã Gò Công, hai huyện  Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại km 95, ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, dài 54 km.

 **Đường tỉnh:**

1. **Đường tỉnh 862**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (862).

Đường tỉnh 862, có số hiệu đường bộ ĐT.862; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, cạnh Bến xe thị xã Gò Công); điểm cuối: Đèn đỏ (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 21,140 km.

1. **Đường tỉnh 871**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871).

Đường tỉnh 871, có số hiệu đường bộ ĐT.871; điểm đầu: Ngã tư Nguyễn Văn Côn (Phường 3, thị xã Gò Công); điểm cuối: Cảng cá Vàm Láng (thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 13,236 km

**3.** **Đường tỉnh 871B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871B).

Đường tỉnh 871B, có số hiệu đường bộ ĐT.871B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Trung, thị xã Gò Công); điểm cuối: Tiếp giáp Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, huyện Gò Công Đông; chiều dài: 7,840 km.

**4**. **Đường tỉnh 871C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (871C).

Đường tỉnh 871C, có số hiệu đường bộ ĐT.871C; điểm đầu: Ngã tư Bình Ân (xã Long Thuận, thị xã Gò Công); điểm cuối: Đê biển xã Tân Điền (huyện Gò Công Đông); chiều dài: 11,180 km.

**5**. **Đường tỉnh 873**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (873).

Đường tỉnh 873, có số hiệu đường bộ ĐT.873; điểm đầu: Quốc lộ 50 (Ngã ba xã Thành Công, huyện Gò Công Tây và xã Long Chánh, thị xã Gò Công); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Bình Đông, thị xã Gò Công); chiều dài: 13,942 km.

**6**. **Đường tỉnh 873B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (873B).

Đường tỉnh 873B, có số hiệu đường bộ ĐT.873B; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, thị xã Gò Công); điểm cuối: Đường đê sông Vàm Cỏ (xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông); chiều dài: 17,558 km.

**7**. **Đường tỉnh 877**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (877).

Đường tỉnh 877, có số hiệu đường bộ ĐT.877; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Phường 5 và xã Long Hòa, thị xã Gò Công); điểm cuối: Kênh Chợ Gạo - Bến đò Quơn Long (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 29,734 km.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở thị xã Gò Công: 50 địa danh.**

**Đường huyện: 16 địa danh.**

**1. Đường huyện 14**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (14).

Đường huyện 14 có số hiệu đường bộ ĐH.14; điểm đầu: Cầu Bình Thành - Đường tỉnh 873 (xã Bình Xuân); điểm cuối: Đường đê - Bến đò Cả Nhồi cũ (xã Bình Xuân); chiều dài: 2,605 km, chiều rộng: 7 m.

**2. Đường huyện 15**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (15).

Đường huyện 15 có số hiệu đường bộ ĐH.15; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Đường Trần Công Tường, xã Long Hòa); điểm cuối: Giáp ranh huyện Gò Công Tây (xã Long Hòa); chiều dài: 1,700 km, chiều rộng: 7 m.

**3. Đường huyện 19**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (19).

Đường huyện 19 có số hiệu đường bộ ĐH.19; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (xã Long Hòa); điểm cuối: Cầu Lợi An (xã Long Hòa); chiều dài: 1,650 km, chiều rộng: 7 m.

**4. Đường huyện 96**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (96).

Đường huyện 96 có số hiệu đường bộ ĐH.96; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Đường Trần Công Tường, Phường 5); điểm cuối: Cầu Tân Cương (xã Long Hòa); chiều dài: 1,660 km, chiều rộng: 7 m.

**5. Đường huyện 96B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (96) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 96B có số hiệu đường bộ ĐH.96B; điểm đầu: Đường tỉnh 862 (Đ.Thủ Khoa Huân, Phường 5 - xã Long Hòa); điểm cuối: Đường huyện 19 (Đường Việt Hùng, xã Long Hòa); chiều dài: 1,830 km, chiều rộng: 7 m.

**6. Đường huyện 97**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (97)

Đường huyện 97 có số hiệu đường bộ ĐH.97; điểm đầu: Đường tỉnh 871C (xã Long Thuận); điểm cuối: Quốc lộ 50 (Đường Hồ Biểu Chánh, xã Long Hưng); chiều dài: 7,490 km, chiều rộng: 7 m.

**7. Đường huyện 97B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (97) + Chữ cái La tinh (B), chiều rộng: 7 m.

Đường huyện 97B có số hiệu đường bộ ĐH.97B; điểm đầu: Đường Từ Dũ (xã Long Hưng); điểm cuối: Đường tỉnh 871 (Đường Mạc Văn Thành, xã Long Hưng); chiều dài: 2,120 km, chiều rộng: 7 m.

**8. Đường huyện 98**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (98).

Đường huyện 98 có số hiệu đường bộ ĐH.98; điểm đầu: Đường tỉnh 873 (xã Long Chánh); điểm cuối: Đường tỉnh 873 (xã Long Chánh); chiều dài: 1,800 km, chiều rộng: 7 m.

**9. Đường huyện 98B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (98) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 98B có số hiệu đường bộ ĐH.98B; điểm đầu: Đường Đồng Khởi (Phường 4); điểm cuối: Đường tỉnh 873B (đường Phùng Thanh Vân, xã Long Chánh); chiều dài: 3,080 km, chiều rộng: 7 m.

**10. Đường huyện 98C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (98) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 98C có số hiệu đường bộ ĐH.98C; điểm đầu: Đường tỉnh 873B (xã Long Chánh); điểm cuối: Đường huyện 98B (xã Long Chánh); chiều dài: 1,410 km, chiều rộng: 7 m.

**11. Đường huyện 98D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (98) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 98D có số hiệu đường bộ ĐH.98D; điểm đầu: Đường tỉnh 873B (xã Long Chánh); điểm cuối: Đường tỉnh 873 (xã Long Chánh); chiều dài: 2,740 km, chiều rộng: 7 m.

**12. Đường huyện 99**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99).

Đường huyện 99 có số hiệu đường bộ ĐH.99; điểm đầu: Đường tỉnh 873 (xã Bình Xuân); điểm cuối: Đường tỉnh 873B (xã Tân Trung); chiều dài: 2,950 km, chiều rộng: 7 m.

**13. Đường huyện 99B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 99B có số hiệu đường bộ ĐH.99B; điểm đầu: Cống Vàm Tháp, giáp Huyện Gò Công Đông (xã Tân Trung); điểm cuối: Đường tỉnh 873B (xã Tân Trung); chiều dài: 33,360 km, chiều rộng: 7 m.

**14. Đường huyện 99C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 99C có số hiệu đường bộ ĐH.99C; điểm đầu: Cống Rạch Sâu, giáp Huyện Gò Công Tây (xã Bình Xuân); điểm cuối: Đường tỉnh 873 (xã Bình Xuân); chiều dài: 12,330 km, chiều rộng: 7 m.

**15. Đường huyện 99D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 99D có số hiệu đường bộ ĐH.99D; điểm đầu: Đường tỉnh 873B (xã Tân Trung); điểm cuối: Đường tỉnh 873 (xã Bình Xuân); chiều dài: 0,650 km, chiều rộng: 7 m.

**16. Đường huyện 99E**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (99) + Chữ cái La tinh (E).

Đường huyện 99E có số hiệu đường bộ ĐH.99E; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Trung); điểm cuối: Cầu Vàm Tháp (xã Tân Trung); chiều dài: 2,890 km, chiều rộng: 7 m.

**\* Đường phố: 34 địa danh.**

**1. Đường Ao Thiếc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + + Công trình xây dựng (Ao: hồ nước nhân tạo, được đào sâu để chứa nước) + Kim loại (Thiếc). Thuở xưa, ở đây có một xóm nhà làm đồ gia dụng bằng thiếc. Xóm nhà này ở gần cái ao to, nên có địa danh Ao Thiếc. Đường Ao Thiếc là tuyến đường chay ngang qua Ao Thiếc.

Đường Ao Thiếc có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trọng Dân; điểm cuối: giáp với Trung tâm Thú y TX. Gò Công; chiều dài: 0,490 km; chiều rộng: 7 m.

**2. Đường Bạch Đằng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Đia danh lịch sử (Bạch Đằng).

Địa danh lịch sử:

Sông Bạch Đằng hay Bạch Đằng Giang (Sông rừng) là một con sông chảy giữa thị xã Quảng Yên (tỉnh Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (thành phố Hải Phòng). Điểm đầu của sông là phà Rừng, Hải Phòng (ranh giới Hải Phòng và Quảng Ninh), điểm cuối là cửa Nam Triệu, Hải Phòng. Sông có chiều dài 32 km.

## **Sông Bạch Đằng gắn liền với ba chiến thắng nổi tiếng của nhân dân Việt Nam trong lịch sử:**

### **- Chiến thắng Bạch Đằng lần 1 năm 938**

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 là trận đánh của Ngô Quyền đập tan âm mưu xâm lược của quân Nam Hán (Trung Quốc), mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc ta.

### **- Chiến thắng Bạch Đằng lần 2 năm 981**

Chiến thắng Bạch Đằng năm 981 gắn với tên tuổi nhà cầm quân tài ba vua Lê Hoàn (Lê Đại Hành), đánh bại cuộc xâm lược của nhà Tống (Trung Quốc) đối với đất nước ta.

### **- Chiến thắng Bạch Đằng lần 3 năm 1288**

Đây là chiến thắng vẻ vang của quân Đại Việt do Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo cùng với Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông chỉ huy trước quân xâm lược hung hãn Nguyên Mông (Trung Quốc). Đại thắng trên sông Bạch Đằng lần 3 được xem là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử Việt Nam và là thắng lợi tiêu biểu nhất của quân dân ta trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.

Đường Bạch Đằng có điểm đầu: giáp với đường Hai Bà Trưng; điểm cuối: giáp với Sông Gò Công; chiều dài: 0,170 km; chiều rộng: 5 m.

**3. Đường Phan Bội Châu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Bội Châu).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN BỘI CHÂU**

**(1867 – 1940)**

Phan Bội Châu tên thật là Phan Văn San, tự là Hài Thu, bút hiệu là Sào Nam, Thị Hán, Độc Kinh Tử, Việt Điểu, Hàn Mãn Tử,... sinh năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng học giỏi. Năm 19 tuổi (1885) ông cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội nghĩa quân Cần Vương chống Pháp nhưng việc không thành. Năm 1900, ông dự khoa thi Hương ở trường thi Nghệ An và đỗ cử nhân thủ khoa.

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ, ông bôn ba khắp nước Việt Nam liên kết với các nhà yêu nước, như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại để cùng họ chống Pháp. Ông chọn một hoàng thân nhà Nguyễn là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm lãnh tụ phong trào Cần Vương.

Năm 1904, ông cùng 20 nhà yêu nước họp tại Quảng Nam để thành lập Hội Duy Tân. Năm 1905, ông cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Quốc rồi sang Nhật Bản để gặp gỡ các nhà cách mạng Nhật và Trung Quốc và cầu viện trợ tài chính cho phong trào do ông thành lập. Tại Trung Quốc ông gặp Lương Khải Siêu và được khuyên nên dùng thơ văn để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Từ đó, ông viết nhiều tác phẩm có tác động lớn với sĩ phu trong nước (Việt Nam quốc sử khảo, Ngục trung thư, Lưu Cầu huyết lệ tân thư, Việt Nam vong quốc sử, Việt Nam quốc sử bình diễn ca,…). Cùng thời điểm này chiến thắng của Nhật Bản trong Chiến tranh Nga - Nhật đã tạo nên nhiều lạc quan cho các phong trào chống thực dân ở châu Á. Do đó, các tác phẩm của ông đã tạo nên một làn sóng mới thúc đẩy nhiều thanh niên yêu nước tham gia phong trào Đông Du, xuất ngoại học tập để tìm đường chống Pháp.Ngày 30 tháng 6 năm 1925, ông lại bị Pháp bắt tại Hàng Châu, ông bị dẫn giải về Hà Nội và xử án chung thân khổ sai. Về sau, bản án được đổi lại thành án quản thúc tại gia. Theo Việt Nam Pháp Thuộc Sử, ông được giảm án vì phản ứng mạnh mẽ của toàn dân đối với nhà cầm quyền Pháp.

Từ năm 1926, ông bị đưa về sống ở Bến Ngự, Huế, cho đến khi mất tại Huế vào năm 1940.

Đường Phan Bội Châu có điểm đầu: giáp với đường Trương Định; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Trãi; chiều dài: 0,516 km; chiều rộng: 7 m.

**4. Đường Nguyễn Đình Chiểu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Đình Chiểu).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

**(1822 - 1888)**

Nguyễn Đình Chiểu tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai. Sinh ngày 1 tháng 7 năm 1822, tại làng Tân Khánh , phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay).
Năm 1833, Lê Văn Khôi nổi lên chống triều Nguyễn, chiếm Gia Định, ông theo cha về Thừa Thiên tránh loạn và học tập. Năm 1843 ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định, đúng vào năm 21 tuổi.

Năm 1847, ông ra Huế học để chờ thi khoa Kỷ Dậu 1849. Nhưng chưa kịp thi thì được tin mẹ mất tại Sài Gòn (1849). Trên đường trở về chịu tang mẹ, vì thời tiết thất thường, vất vả và khóc thương nhiều nên ông bị bệnh rồi mù cả đôi mắt. Trong thời gian nghỉ lại Quảng Nam chữa bệnh, tuy bệnh không hết, nhưng ông đã được một vị danh y truyền dạy nghề thuốc. Ông mở trường dạy học, học trò rất đông.

Thời gian này, ông viết *Dương Từ - Hà Mậu*, nội dung cuốn sách nhằm bênh vực Nho giáo chân chính, chống bọn giả đạo đức, tham danh lợi. Khoảng năm 1850, ông viết truyện thơ *Lục Vân Tiên*, tỏ rõ lòng yêu chính nghĩa, ghét gian tà của mình. Quyển sách mang tính “tự truyện” này có tính chất nhân dân, có tác dụng giáo dục đạo đức rất lớn đối với quần chúng.

Ngày 17 tháng 2 năm 1859, Pháp chiếm thành Gia Định. Ông cùng gia đình chạy về quê vợ ở làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc. Cũng tại nơi đây, ông đã sáng tác *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, được nhiều người đánh giá cao.

Khi 3 tỉnh miền Đông rơi vào tay quân Pháp, không chịu sống trong vùng bị chiếm đóng, Nguyễn Đình Chiểu cùng gia đình xuôi thuyền về làng An Đức, tổng Bảo An, tỉnh Vĩnh Long (nay là huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Tại đây, ông tiếp tục dạy học, bốc thuốc, đồng thời vẫn giữ mối liên hệ với những sĩ phu yêu nước như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông và các lực lượng kháng chiến; từ chối trước mọi cám dỗ của đối phương. Thời gian này, ông sáng tác nhiều thơ văn bi tráng nhất, tiếc thương những đồng bào, bạn bè, nghĩa sĩ đã mất vì nước.

Ngày 3 tháng 7 năm 1888, ông cũng qua đời tại Ba Tri, thọ 66 tuổi. Người ta kể lại rằng ngày đưa đi an táng, cả cánh đồng An Bình Đông, nay là An Đức, trắng xóa khăn tang của những người mến mộ ông. Ông được an táng cạnh mộ vợ, nay thuộc ấp 3, xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Tên ông được đặt tên trường học, đường phố, công trình công cộng trên cả nước.

Đường Nguyễn Đình Chiểu có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Huệ; chiều dài: 0,255 km; chiều rộng: 7 m.

**5. Đường Nguyễn Văn Côn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN VĂN CÔN**

**(1893 – 1981)**

Nguyễn Văn Côn, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1893 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nỗ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 5-1945, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công. Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1981, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên các công trình công cộng ở thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây).

Đường Nguyễn Văn Côn có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Trần Hưng Đạo; chiều dài: 1,040 km; chiều rộng: 12 m.

**6. Đường Nguyễn Trọng Dân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trọng Dân).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TRỌNG DÂN**

**(1917 – 1971)**

Nguyễn Trọng Dân, bí danh Tư Hiệu, Bảy Dân, sinh năm 1917 tại làng Bình Nghị, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Tháng 8-1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông gia nhập đội du kích xã chiến đấu chống thực dân Pháp khi bọn này quay trở lại xâm chiếm Gò Công. Sau đó, ông lần lượt giữ các vụ Xã đội trưởng, Bí thư xã Bình Nghị, Huyện ủy viên huyện Gò Công.

Sau hiệp định Genève (tháng 7-1954), ông được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Tuy bị địch theo dõi ráo riết, nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, xây dựng cơ sở cách mạng ở các xã ven biển của huyện và lãnh đạo quần chúng ở những nơi đó đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, đòi chính quyền Diệm thi hành hiệp định Genève, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Năm 1958, địch tăng cường đánh phá phong trào cách mạng ở Gò Công vô cùng ác liệt. Do đó, theo sự phân công của cấp trên, ông đi “điều lắng” ở Sài Gòn và Tây Ninh. Nhưng chỉ một năm sau, mặc dù tình hình cách mạng ở địa phương còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng ông vẫn trở về Gò Công hoạt động, gầy dựng lại cơ sở cách mạng và tham gia lãnh đạo phong trào “Đồng Khởi” ở huyện nhà.

Năm 1961, ông được bầu làm Huyện ủy viên huyện Gò Công. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào nổi dậy, tiến công, phá ấp chiến lược và chiến tranh du kích của huyện tiếp tục được đẩy mạnh.

Năm 1969, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Gò Công, Bí thư Thị xã ủy Gò Công. Đây là thời kỳ địch tập trung lực lượng, tiến hành phản kích ở khắp nơi trong tỉnh với mức độ ngày càng khốc liệt. Tại thị xã Gò Công, nhiều cơ sở cách mạng bị vỡ lở và không ít cán bộ đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

Tuy vậy, ông vẫn bám trụ tại nhà của một cơ sở ở bến xe thuộc nội ô thị xã để tiện việc lãnh đạo phong trào cách mạng ở một địa bàn vô cùng trọng yếu đối với ta cũng như đối với địch ở tỉnh Gò Công. Dưới sự lãnh đạo của Thị xã ủy, phong trào cách mạng ở thị xã vẫn được giữ vững và ngày càng phát triển. Được sự chỉ đạo trực tiếp của ông, Thị xã ủy đã tổ chức hàng trăm cuộc mít tinh với sự tham gia của hàng chục ngàn quần chúng, đấu tranh chống địch cào nhà, càn quét, bắt lính, cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, chống bắt gia đình cách mạng “đi học nội trú”, đòi trở về quê cũ làm ăn,… Phong trào binh vận phát triển mạnh, ta đã động viên, giáo dục hàng trăm gia đình binh sĩ học tập chủ trương của cách mạng, xây dựng cơ sở nội tuyến cách mạng trong hàng ngũ binh lính, vận động nhiều binh sĩ bỏ ngũ, hợp tác với cách mạng, cung cấp vũ khí, tin tức hoặc đấu tranh không đôn quân, không đổi đi nơi khác, tạo thuận lợi cho các cuộc đấu tranh của nhân dân. Phong trào diệt ác phá kềm được đẩy mạnh, ta đã diệt hàng chục tên công an, tề ấp, cảnh cáo, giáo dục hàng trăm tên khác, khiến cho nhiều tên phải bỏ trốn, nghỉ việc,… Những cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân, phong trào binh vận, diệt ác phá kềm chứng tỏ cơ sở Đảng và cách mạng bất chấp sự đánh phá điên cuồng của địch, vẫn tồn tại vững chắc trong nội ô thị xã; đồng thời, nó đã hỗ trợ tích cực cho các cuộc tiến công quân sự nhằm tiêu diệt địch của lực lượng vũ trang tỉnh nhà.

Sáng ngày 20-01-1971, ông bị địch bắt. Mặc dù bị tra tấn rất dã man, nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần và khí tiết, nhất quyết không khai báo, thậm chí, không để cho địch trói. Bất lực trước ý chí gang thép của người chiến sĩ cộng sản chân chính, bọn địch đã hèn hạ bắn chết ông ngay tại chỗ. Ông đã anh dũng hy sinh trong niềm tiếc thương, mến phục của đồng bào thị xã Gò Công. Mặc dù, chính quyền địch ra sức bưng bít, o ép, đe dọa, nhưng đám tang của ông có hàng ngàn người đến dự và đưa tiễn linh cửu đến nơi yên nghỉ cuối cùng tại xã Bình Nghị.

Ông là một cán bộ cách mạng trung kiên, bất khuất, không sợ hy sinh, gian khổ, luôn bám sát cơ sở, lãnh chỉ đạo phong trào cách mạng ở thị xã Gò Công trong thời kỳ khó khăn, ác liệt, góp phần quan trọng vào sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh cách mạng trên địa bàn toàn tỉnh.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công và tên trường trung học cơ sở ở xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Trọng Dân có điểm đầu: giáp với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối: giáp với kênh Bến Xe; chiều dài: 0,850 km; chiều rộng: 8 m.

**7. Đường Lưu Thị Dung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lưu Thị Dung).

Tiểu sử danh nhân:

**LƯU THỊ DUNG**

**(1928 – 1969)**

Lưu Thị Dung sinh năm 1928 tại làng Long Thuận, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1945, bà tham gia cách mạng ở địa phương. Sau năm 1954, bà được phân công ở lại miền Nam hoạt động bí mật. Tháng 3-1957, bà giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Hòa Đồng. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt. Tuy vậy, bà vẫn kiên cường bám trụ và cùng với tập thể Huyện ủy lãnh, chỉ đạo quân dân huyện Hòa Đồng đấu tranh chống chiến dịch tố cộng, diệt cộng của địch với nhiều hình thức phong phú, như diệt ác, trừ gian; viết thư cảnh cáo, giáo dục những người lầm đường, lạc lối, làm tay sai cho địch; chống bắt bớ, đánh đập; đòi giải tán các lớp “tố cộng”, “diệt cộng” và các quyền dân sinh, dân chủ, v.v…

Tháng 7-1958, bà được cấp trên điều lắng lên Sài Gòn làm thợ may. Tháng 1/1959, bà được phổ biến Nghị quyết mới của Tỉnh ủy về việc đưa cán bộ và huyện ủy ra hoạt động theo phương châm “bí mật, hợp pháp”; đồng thời, bà cũng được Tỉnh ủy dự kiến đưa về hoạt động ở Chợ Gạo với vỏ bọc là thợ may. Tuy nhiên, dự kiến của Tỉnh ủy chưa được thực hiện thì bà bị địch bắt. Trải qua nhiều nhà tù, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng bà vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân, kiên quyết không khai báo, giữ vững bí mật của tổ chức. Sau đó, do không có đủ chứng cớ để buộc tội, địch đành phải trả tự do cho bà.

Trở về địa bàn Gò Công, bà ra sức xây dựng cơ sở cách mạng, tiếp tục hoạt động. Tháng 8-1968, khi Tỉnh ủy Gò Công được chính thức thành lập, bà được cử làm Bí thư Thị xã ủy Gò Công. Lúc này, phong trào cách mạng ở tỉnh Gò Công bị địch đánh phá hết sức ác liệt. Bọn chúng đẩy mạnh bắt lính, mở rộng nhiều cuộc càn quét, tấn công vào hạ tầng cơ sở của ta ở nông thôn, tăng cường bom pháo, rải chất độc hóa học vào vùng căn cứ, triển khai kế hoạch bình định nhằm đánh bật lực lượng của ta ra khỏi địa bàn.

Mặc dù tình hình rất căng thẳng; nhưng bà vẫn kiên cường bám đất, bám dân; và cùng với tập thể thị xã ủy lãnh đạo quân dân thị xã đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng theo phương châm “hai chân, ba mũi” (vũ trang - chính trị, quân sự - chính trị - binh vận); nhất là tổ chức học tập, củng cố tư tưởng, tinh thần đấu tranh, xây dựng, rèn luyện khí tiết cho cán bộ, đảng viên. Đối phó với kế hoạch bình định và tuyên truyền phản động của địch, bà chỉ đạo cho cán bộ, đảng viên tăng cường giáo dục, động viên quần chúng tin tưởng vào cách mạng, không khai báo với địch; đồng thời, hướng dẫn lý lẽ đấu tranh cho quần chúng. Đối với việc địch tăng cường bắt lính, bà yêu cầu các đoàn thể giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thanh niên, bố trí thanh niên trong gia đình cách mạng vào hàng ngũ địch; từ đó, xây dựng cơ sở nội tuyến trong lòng địch.

Giữa lúc phong trào đấu tranh cách mạng ở thị xã Gò Công đang có chiều hướng dâng cao; thì trong một trận chống địch càn quét ở xã Thạnh Vĩnh Đông (nay là xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An), bà đã bị trúng đạn, anh dũng hy sinh năm 1969.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, bà luôn kiên trì bám đất, bám dân, tù đày không nao núng, khiếp sợ, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân, sáng tạo và mưu trí trong mọi lĩnh vực công tác và anh dũng đền nợ nước. Hiện nay, tại thị xã Gò Công có một con đường mang tên của bà.

Đường Lưu Thị Dung có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; chiều dài: 0,550 km; chiều rộng: 7 m

**8. Đường Từ Dũ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Từ Dũ).

Tiểu sử danh nhân:

**TỪ DŨ**

**(1810 - 1902)**

Từ Dũ/Từ Dụ tên thật là Phạm Thị Hằng, sinh năm 1810 tại giồng Sơn Quy, thôn Tân Niên Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1824, lúc 14 tuổi, bà được tiến cung; và trở thành vợ của hoàng tử trưởng Nguyễn Phúc Miên Tông. Theo sách *Đại Nam liệt truyện*, sở dĩ bà được Thuận Thiên Cao hoàng hậu, vợ thứ hai của vua Gia Long, mẹ của vua Minh Mạng, bà nội của hoàng tử trưởng Nguyễn Phúc Miên Tông (con của vua Minh Mạng), chọn làm cháu dâu là do:

- Bà “*thích đọc sách, thông nghĩa lớn kinh sử, có đức hiền*”; đồng thời, “*có đức trang kính, giữ nết thuận tòng*” và “*lại thông minh nhớ lâu, hết thảy việc cũ và nghe tuyên đọc các sách, giấy tờ gì, là hiểu ngay, không đợi mở xem*”.

- Bà là ái nữ của Thượng thư bộ Lễ Phạm Đăng Hưng - một đại công thần của triều Nguyễn, mà lúc bấy giờ, hoàng gia thường chọn vợ cho vua từ con gái của các vị quan lại cao cấp trong triều.

Năm 1825, khi được 15 tuổi, bà sinh con gái đầu lòng là công chúa Nguyễn Phúc Tĩnh Hảo (Diên Phước). Năm sau, bà lại sinh công chúa thứ hai là công chúa Nguyễn Phúc Uyên Ý; nhưng đến 3 tuổi thì lại mất sớm. Năm 1829, bà sinh người con thứ ba là hoàng tử, đặt tên là Nguyễn Phúc Thì, sau đổi tên thành Nguyễn Phúc Hồng Nhậm.

Năm 1841, khi hoàng tử trưởng Nguyễn Phúc Miên Tông lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Thiệu Trị, bà được phong Cung tần. Năm 1842, bà được vua Thiệu Trị cho theo hầu khi nhà vua ngự giá Bắc tuần. Do siêng năng, cẩn thận, chu đáo, bà được nhà vua tin tưởng giao cho việc giữ ấn tín và những vật quan trọng. Sau chuyến vi hành này, bà được giữ chức Thượng nghi có nhiệm vụ coi sóc Lục thường. Đó là sáu công việc hầu hạ vua ở trong cung gồm: thường quan (mão), thường y (áo), thường thực (ăn), thường mộc (tắm), thường tịch (chiếu), thường thư (sách). Năm 1843, bà được phong Thành phi. Sắc phong của nhà vua ghi: “*Cung tần làm Phạm thị, văn phép vốn nếp nhà dòng dõi, phong tư như chất ngọc trắng trong, kính sửa túi khăn, khi tiềm để đã lâu tin tức tốt, đông nhiều con cháu, chốn khuê phòng đều mát mẻ gió hòa. Đoan trang nối sánh tiếng hay, chăm kính thêm dày nết tốt. Kịp khi trẫm lên ngôi báu, gây khuôn mẫu cho phong hóa buổi đầu tiên; đến nay định lại cung giai, cần nêu khen người đức hiền thêm rạng rỡ. Đã xét điển cũ, ban cho trật tôn. Nay tấn phong nàng làm Thành phi, nàng nên lấy xưng hiệu mới vẻ vang, chăm lo công việc trong khuê khổn. Kính theo khuôn phép, nhớ trong lòng chớ sai, lâu chịu ơn vinh, mãi về sau không hết*”.

Năm 1846, vua Thiệu Trị cử các quan đại thần là Vũ Quân Cẩn và Tạ Quang Cự mang sách vàng đến tuyên phong bà làm Quý phi. Sắc phong ghi: “*Trẫm nghĩ, nguồn gốc cây nên phong hóa, trị nước cốt ở nghiêm sửa trong nhà, triều đình ban xuống ân vinh, trước người nhà sau mới đến người khác. Ngày tốt đã hợp, sắc phong ban ra. Nghĩ nay Thành phi Phạm thị, nghi lễ nhà dòng, đoan trang nết tốt, như ngọc trong sáng, nên khuôn hòa kính, cung giai chín bậc đứng đầu, đông nhiều con cháu, đầm ấm khí hòa. Phụng dưỡng giữ đạo trong khuê khổn, hòa vui hả dạ cung Từ Ninh, tuổi hoa bốn chục xanh tươi, phần hưởng thụ còn nhiều phúc lớn, đức tốt sáu cung tiêu biểu, điển bao phong xứng vẽ áo thêu. Đã xét điển thường, ban cho danh tốt. Nay tấn phong nàng làm Quý phi. Nàng nên kính vâng ân mệnh, giữ đạo cung vi, để dạ chớ quên, đức hòa nhu dùng làm khuôn mẫu, hưởng phúc không chán, ơn bao vinh rộng mãi lâu dài*”.

Trong thời gia trị vì từ năm 1841 - 1847, vua Thiệu Trị rất tin tưởng bà, mỗi khi thiết triều ở điện Khâm Văn, nhà vua đều cho phép bà được ngồi phía sau bức tường để nghe lời vua huấn thị và các quan tâu việc. Ở trong cung, bà hết lòng nuôi dưỡng, dạy dỗ tất cả các hoàng tử, hoàng nữ, không phân biệt con của mình hay con của các phi tần khác. Vì thế, nhà vua thường khen bà: “*Phi tính hạnh đoan cẩn, nuôi nấng các con như con của mình đẻ ra, có đức tất có phúc, con cháu hẳn được nhờ ơn*”.

Năm 1847, vua Thiệu Trị băng hà, con trai của bà với nhà vua là hoàng tử Nguyễn Phúc Hồng Nhậm nối ngôi, lấy niên hiệu là Tự Đức. Nhà vua nhiều lần ngỏ ý định tấn tôn cho mẹ, nhưng bà nhất định chối từ. Mãi đến năm 1849, nhân dịp khánh thành cung Gia Thọ, bà mới đồng ý nhận Kim bảo (sách vàng và ấn vàng) và tôn hiệu là Hoàng Thái hậu.

Năm 1883, vua Tự Đức mất, để di chiếu tôn bà làm Từ Dụ Thái hoàng thái hậu (Từ: lòng nhân từ, thương yêu, Dụ: rộng rãi. Từ Dụ là rộng lòng nhân từ, thương yêu). Nhưng lúc bấy giờ, việc nước rất rối ren, cho nên đến năm 1885, vua Hàm Nghi mới có dịp làm lễ tấn tôn cho bà theo di chiếu. Cũng trong năm đó, sau lễ tấn tôn, kinh đô Huế bị quân Pháp đánh chiếm, bà cùng với hai bà vợ của vua Tự Đức theo vua Hàm Nghi xuất cung, chạy ra đến Quảng Trị. Sau đó, chuẩn lời tâu xin của nhà vua, bà và hai người con dâu mới trở lại Huế.

Năm 1887, vua Đồng Khánh tấn tôn mỹ hiệu cho bà là Từ Dụ Bác huệ thái hoàng thái hậu. Năm 1889, vua Thành Thái, nhân dịp mừng bà thọ 80 tuổi, tấn tôn mỹ hiệu bà là Từ Dụ Bác huệ khang thọ thái thái hoàng thái hậu.

Vốn là người thông tuệ, bà rất chú trọng đến việc giáo dục vua Tự Đức, nhất là đạo làm vua, đạo làm người. Những lời dạy của bà được nhà vua ghi chép thành một cuốn sách, gọi là “*Từ huấn lục*”. Công lao sinh thành, dưỡng dục của bà đối với vua Tự Đức tựa như trời biển. Nhà vua thường nói: “*Nuôi con là mẹ, dạy con cũng là mẹ, mẹ là thầy vậy. Sinh ra con là mẹ, biết con cũng là mẹ, mẹ là trời vậy*”.

Trong việc dùng người của vua Tự Đức, bà thường nhắc nhà vua phải trọng dụng những người có đức, có tài, mẫn cán tận tụy, hết lòng vì nước vì dân. Bà thường nêu gương, khen ngợi những người trung nghĩa, như Nguyễn Tri Phương, Vũ Trọng Bình; và ước ao: “*Nếu được nhiều người như thế, bổ đi mỗi tỉnh một người, thì ta không phải lo sớm tối quên ăn nữa*”.

Đối với những trường hợp vua Tự Đức xử trị oan trái những người khẳng khái, trung trực, bà buộc nhà vua phải sửa sai. Bà răn dạy vua Tự Đức rất nghiêm khắc. Có lần, nhà vua đi săn bắn, nước dâng lên bất ngờ, nên không về kịp để ngự triều, khiến các quan phải ra về. Bà hay chuyện, gọi nhà vua đến cung phạt roi; mọi người ra sức can khuyên, bà mới nguôi giận, nhưng cấm nhà vua không được tự tiện đi săn bắn nữa.

Mặc dù ở ngôi cao, nhưng bà là một phụ nữ rất khiêm tốn. Bà luôn tìm cách từ chối những danh hiệu và nghi lễ tôn vinh dành riêng cho mình. Các lễ chúc thọ ngũ tuần (50 tuổi), lục tuần (60 tuổi); lấy lý do mùa màng thất bát, dân còn nghèo khổ, bà không cho triều đình tổ chức.

Bà còn là người chuộng sự tiết kiệm, ghét thói lãng phí, xa xỉ. Đồ dùng sinh hoạt hàng ngày của bà thường mộc mạc, bình dân. Quần áo, đồ trang sức cũng rất đỗi đơn giản, không cầu kỳ, xa hoa. Bà thường răn dạy các hoàng tử, công chúa tính cần kiệm.

Nghiêm khắc với bản thân và con cái, nhưng bà lại rất thương dân. Năm 1898, do thiên tai nên dân ở nhiều nơi bị đói kém. Cảm thông với nổi khổ của dân, bà đứng ra xin miễn, giảm thuế cho họ. Hiện nay, ở Huế còn lưu truyền bài vè dài đến 700 câu ca ngợi công đức đó của bà.

Điều đặc biệt là, bà không hề có ý định tham chính, nhất là từ sau khi vua Tự Đức mất (1883), triều đình nhà Nguyễn lâm vào tình trạng rối ren. Có đại thần chính thức đề nghị bà chủ trì công việc của triều đình. Nhưng, bà từ chối và bảo rằng: “*Phép nhà nước ta, từ trước không có phép hoàng hậu ngồi trong nhà mành nghe chính sự*”.

Năm 1902, bà mất tại kinh thành Huế, thọ 92 tuổi. Triều thần tôn thụy bà là “Nghi thiên tán thánh Từ Dụ Bác huệ trai túc huệ đạt thọ đức nhân công chương hoàng hậu”, gọi tắt là “Từ Dụ Nghi thiên chương hoàng hậu”. Bà xứng đáng là bậc “mẫu nghi thiên hạ”.

Lăng của bà được gọi là lăng Xương Thọ, tọa lạc ở bờ bắc sông Hương, thuộc xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế, gần với lăng của vua vua Thiệu Trị (Xương lăng) và lăng vua Tự Đức (Khiêm lăng), cách TP Huế khoảng 8 km. Bài vị của bà được thờ ở điện Biểu Ðức trong Xương lăng và ở Thế miếu trong Hoàng thành Huế. Ở thị xã Gò Công có một con đường mang tên bà. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có một bệnh viện phụ sản lớn mang tên Từ Dũ (thực ra là Từ Dụ).

Đường Từ Dũ/Từ Dụ có điểm đầu: giáp với đường Hồ Biểu Chánh; điểm cuối: giáp với Bến xe Long Hưng; chiều dài: 1,173 km; chiều rộng: 9 m.

**9. Đường Trần Hưng Đạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Hưng Đạo).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN HƯNG ĐẠO**

**(1228 - 1300)**

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1288 tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc nhà Trần, là nhà quân sự và văn hóa kiệt xuất, giữ chức Quốc công tiết chế, chỉ huy quân đội nhà Trần cùng với nhân dân Đại Việt ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông xâm lược vào các năm 1258, 1285, 1288, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Năm 1300, trước lúc lâm chung, ông vẫn còn dâng vua Trần Anh Tông kế sách giữ nước, rằng: “Quân giặc cậy vào trường trận, quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: Nếu thấy quân giặc tràn sang như gió như lửa, thì thế giặc có thể dễ dàng chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tằm ăn dâu, không vơ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì ta phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ tùy thời cơ mà ứng biến cho đúng, làm thế nào thu hút được binh sĩ, như cha con một nhà mới có thể dùng để chiến thắng được. Phải khoan thư sức dân để làm cái kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”.

Do có công lao to lớn, ông được vua Trần Nhân Tông phong là Quốc Công Tiết Chế Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương hay là Đức Thượng Từ. Vua Trần Anh Tông phong ông là Đức Thượng Phụ Thượng Quốc Công Bình Bắc đại nguyên soái Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương.

Các tác phẩm của ông:

- Hịch tướng sĩ.

- Binh thư yếu lược.

- Vạn Kiếp tông bí truyền thư.

Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam  đã ghi tên ông trong danh sách 14 vị anh hùng tiêu biểu nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông được nhân dân phong Thánh. Nhiều tỉnh thành trên cả nước có tên đường, tên trường học, tượng đài và đền thờ ông.

Đường Trần Hưng Đạo có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; chiều dài: 0,535 km; chiều rộng: 7,0 m.

**10. Đường Trương Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯƠNG ĐỊNH**

**(1820 – 1864)**

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có “*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*”. Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*”. Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức “*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*”. Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục.Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực “Đám lá tối trời” ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ:

*Trời Bến Nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp bước gian truân;*

 *Đất Gò Công cây cỏ ủ ê, cám niềm thần tử hết lòng trung ái.*

*Xưa còn làm tướng, dốc rạng dồi hai chữ Bình Tây,*

*Nay thác theo thần, xin dâng hộ một câu phục thái.*

(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Tuy nhiên, sự nghiệp của ông luôn sống mãi với hồn thiêng sông núi và gắn liền với những chiến công hiển hách:

*Trong Nam tên họ nổi như cồn,*

*Mấy trận Gò Công để tiếng đồn.*

*Dấu đạn hãy rêm tàu bạch quỷ,*

*Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn*.

(*Thơ điếu Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

và:

“*Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất cũng cam.*

*Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.*

*Rạch Lá, Gò Công mấy trận, giặc thấy đã kinh,*

*Cửa Khâu, Trại Cá mấy nơi, ai nghe chẳng hãi*”.

(*Văn tế* *Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: “Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di”. Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương khác trên cả nước. Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2004. Đền thờ ông tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2023.

Ngoài ra, đền thờ ông còn có ở một số nơi khác, như Tân Phước, Tân Tây, Tân Hòa (huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), Bửu Hòa, Phước Hòa (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai),...

Năm 1995, tượng đài ông được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 8 m, bệ bằng bê tông ốp đá cao 4 m. Đến năm 2006, tượng được thay bằng chất liệu đồng, tọa lạc tại phường 2, thị xã Gò Công, là di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh.

Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu và điện ảnh, như hai vở cải lương *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nghệ sĩ Nhân dân Nguyễn Thành Châu (1978), *Cờ nghĩa giồng Sơn Quy* của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh (vở này đạt Huy chương Bạc tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 2010), bộ phim *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nhà biên kịch Phạm Thùy Nhân do Hãng phim Cửu Long sản xuất năm 2013.

Lễ hội tưởng niệm ông diễn ra trong các ngày 17 và 18/8 hàng năm tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và trong các ngày 19 và 20/8 tại lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công cũng như tại đền thờ ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Định có điểm đầu: giáp với đường Hai Bà Trưng; điểm cuối: giáp với đường Trần Công Tường; chiều dài: 0,915 km; chiều rộng: 20 m.

**11. Đường Nguyễn Thái Học**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thái Học).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN THÁI HỌC**

**(1902 – 1930)**

Nguyễn Thái Học sinh năm 1902 tại làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc).

Năm 19 tuổi (1921), ông thi đậu vào Trường Cao đẳng sư phạm thuộc Viện Đại học Đông Dương đặt tại Hà Nội. Do tính tình cương trực và không khuất phục lối giáo dục của người Pháp, ông bỏ học vào năm thứ ba. Sau đó, ông thi đậu vào Trường Cao đẳng Thương mại cũng thuộc Viện Đại học Đông Dương (1925-1927). Trong thời gian này, ông tham gia thành lập Nam Đồng thư xã ở Hà Nội. Đây là một tiệm sách và cơ sở ấn loát chuyên in và phổ biến sách có nội dung cổ vũ tinh thần yêu nước.

Sau một thời gian vận động, năm 1927, các thành viên của Nam Đồng thư xã thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng. Nguyễn Thái Học được bầu làm Chủ tịch. Việt Nam Quốc dân Đảng theo chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên. Tức là phấn đấu: Dân tộc độc lập - Dân quyền tự do - Dân sinh hạnh phúc. Đường lối chiến lược của Đảng là: Trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới. Đảng lấy lực lượng trí thức tiểu tư sản, tư sản dân tộc làm nòng cốt. Chỉ trong một thời gian ngắn Việt Nam Quốc dân Đảng đã phát triển mạnh mẽ lan rộng khắp các tỉnh ở Bắc kỳ.

Tuy nhiên, do tổ chức thiếu chặt chẽ, kỷ luật không nghiêm, lộ bí mật, nhiều tay chân mật thám của Pháp trà trộn trong Đảng, nên cuộc vận động quần chúng của Việt Nam Quốc dân Đảng gặp nhiều trở ngại. Trước tình hình đó, Nguyễn Thái Học cùng các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương khởi nghĩa với phương châm: “Không thành công thì thành nhân”.

Dưới sự lãnh đạo của Việt Nam Quốc dân Đảng đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Thái Học, phong trào bạo động chống Pháp ở các tỉnh đã nổ ra, mà đỉnh cao là khởi nghĩa Yên Bái vào đêm 10, rạng ngày 11/2/1930. Cuộc bạo động đã không thành công. Việt Nam Quốc dân Đảng và khởi nghĩa Yên Bái bị thực dân Pháp dìm trong bể máu. Nguyễn Thái Học cùng các đồng chí của ông bị giặc Pháp bắt và hành hình vào ngày 17/6/1930 tại Yên Bái. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn Thái Học có điểm đầu: giáp với đường Võ Duy Linh; điểm cuối: giáp với đường Thủ Khoa Huân; chiều dài: 1,017 km; chiều rộng: 7 m.

**12. Đường Thủ Khoa Huân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Thủ Khoa Huân).

Tiểu sử danh nhân:

**THỦ KHOA HUÂN**

**(1830 – 1875)**

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830 tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

*Hãn mã gian quan báo quốc cừu,*

*Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.*

*Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,*

*Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.*

*Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,*

*Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.*

*Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,*

*Long đảo thu phong khởi mộ sầu.*

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

*Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,*

*Binh bãi cho nên mạng mới cùng.*

*Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,*

*Hơn thua sá kể với anh hùng.*

*Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,*

*Quyết thác không hàng rạng núi sông.*

*Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,*

*Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.*

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

*Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,*

*Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.*

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

*Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,*

*Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.*

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

*Một lòng đền nợ nước non,*

*Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.*

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương “Trăng soi dòng Bảo Định” của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên công trình công cộng tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Thủ Khoa Huân có điểm đầu: giáp với đường Hai Bà Trưng; điểm cuối: giáp với đường Trương Định; chiều dài: 0,820 km; chiều rộng: 7 m.

**13. Đường Nguyễn Huệ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Huệ).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN HUỆ**

**(1753 – 1792)**

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 ra tại thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, huyện Hoài Nhơn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Năm 1771, ông dựng cờ khởi nghĩa, trở thành một trong ba lãnh tụ cao nhất của phong trào Tây Sơn (Nguyễn Nhạc , Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ).

Năm 1775, ông chỉ huy đánh chiếm Phú Yên, tạo ra bước ngoặt quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển mạnh mẽ sau đó của phong trào.

 Năm 1777, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ hai, lật đổ cơ đồ thống trị của dòng họ chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Năm 1782, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ tư, đánh cho Nguyễn Ánh đại bại.

Năm 1783, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm, đánh đuổi tập đoàn Nguyễn Ánh ra khỏi bờ cõi.

Năm 1785, ông chỉ huy trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

Năm 1786, ông chỉ huy các đợt tấn công tiêu diệt chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

Ngày 22/12/1788, ông lên ngôi Hoàng đế tại Núi Bân (Phú Xuân - Huế). Niên hiệu vua Quang Trung bắt đầu xuất hiện từ đây.

Năm 1789, ông chỉ huy trận Ngọc Hồi - Đống Đa, quét sạch 29 vạn quân Thanh và bè lũ tay sai phản quốc Lê Chiêu Thống ra khỏi bờ cõi.

Từ năm 1789 đến năm 1792, ông ban bố Chiếu khuyến nông, Chiếu lập học, tiến hành những cải cách tích cực nhằm phát triển đất nước.

Ngày 15/9/1792, ông đột ngột qua đời. Ông xứng danh là vị Anh hùng dân tộc, có công lớn trong việc thống nhất đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Nguyễn Huệ có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: giáp với đường Võ Duy Linh; chiều dài: 1,340 km; chiều rộng: 7 m.

**14. Đường Lê Thị Hồng Gấm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Thị Hồng Gấm).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ THỊ HỒNG GẤM**

**(1951 – 1970)**

Lê Thị Hồng Gấm sinh năm 1951 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Tháng 12-1967, bà tham gia cách mạng, làm giao liên xã. Đây là công tác vô cùng khó khăn, nguy hiểm; bởi vì, xã Long Hưng nằm cận kề với căn cứ Đồng Tâm của sư đoàn 9 Mỹ, địch thường xuyên đánh phá hết sức ác liệt.

Năm 1968, địch tăng cường lực lượng, điên cuồng phản kích nhằm đẩy quân giải phóng và du kích ra khỏi địa bàn đứng chân. Tình hình trở nên rất căng thẳng. Tuy vậy, bà vẫn dũng cảm bám chặt địa bàn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Bất kể bom pháo và địch càn quét hay phục kích; hàng ngày, bà như “con thoi” chuyển công văn, chỉ thị đến các nơi tuyệt đối an toàn. Có lúc cao điểm, mỗi ngày, bà đi từ 7 đến 10 chuyến. Nhiều khi gặp địch kiểm soát gắt gao, bà giả dạng dân thường, bình tỉnh, mưu trí, vượt qua.

Tháng 12-1968, bà được cấp trên chỉ định làm Xã đội phó xã Long Hưng. Bà đã cùng với Ban Chỉ huy Xã đội chỉ huy đội du kích xã đánh 49 trận, diệt và làm bị thương 217 lính địch (trong đó có 22 lính Mỹ). Tháng 8-1969, bà là Trung đội phó du kích vành đai liên xã. Ở cương vị mới, bà đã phối hợp với các Xã đội, Xã đoàn xây dựng được 5 trung đội dân quân tự vệ, 5 tổ du kích xã của các xã thuộc Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức. Tính đến tháng 3-1970, bà cùng đồng đội trực tiếp chiến đấu trên 10 trận, diệt 63 lính địch, bắn rơi 01 máy bay trực thăng.

Ngày 18-4-1970, bà cùng 2 đồng đội đi công tác. Khi ra đến cánh đồng, cả 3 bị 2 chiếc máy bay trực thăng của địch phát hiện. Từ trên máy bay, địch vừa bắn uy hiếp, vừa gọi hàng. Thế nhưng, bà vẫn bình tỉnh và dũng cảm bắn trả nhằm thu hút hỏa lực của địch về phía mình, tạo điều kiện cho đồng đội chạy thoát. Sau một lúc chiến đấu, bà bắn rơi một chiếc trực thăng; chiếc còn lại nã đại liên dữ dội về nơi người nữ du kích kiên cường đang ẩn nấp và bay ra xa đổ quân bao vây. Mặc dù quân địch rất đông và bản thân lại bị thương nặng, song bà không hề nao núng, dựa vào bờ ruộng đánh bật các đợt xung phong của bọn chúng, tiêu diệt thêm một số lính địch. Cuối cùng, khẩu súng của bà hết đạn. Quyết không để vũ khí lọt vào tay địch, bà lấy hết sức mình đập gãy khẩu carbine. Một loạt đạn từ phía quân địch vang lên; và bà đã anh dũng hy sinh.

Bà được tặng thưởng 3 bằng Dũng sĩ diệt Mỹ, 1 bằng Dũng sĩ diệt máy bay,1 Huân chương Chiến công hạng II, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì. Ngày 20-9-1971, bà được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.

Tấm gương chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bất khuất của bà là nguồn cảm hứng để nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác ca khúc *Những cánh chim Hồng Gấm*. Xưởng phim tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã sản xuất bộ phim truyện có tựa đề *Lê Thị Hồng Gấm* của hai nhà biên kịch Võ Trần Nhã và Lê Văn Duy nhằm ca ngợi cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà. Tên bà được đặt tên cho một đại đội nữ chiến sĩ quân giải phóng - đại đội nữ Lê Thị Hồng Gấm - được thành lập ngày 22-2-1972 tại dốc Ba Hầm thuộc ranh giới huyện Ba Tơ và huyện Đức Phổ (tỉnh Quảng Ngãi). Đây là đại đội nữ quân giải phóng đầu tiên thành lập ở miền Nam trong thời kỳ chống giặc ngoại xâm.

Sau năm 1975, tên bà được đặt tên trường học, tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và nhiều địa phương khác tên cả nước.

Đường Lê Thị Hồng Gấm có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Hai Bà Trưng; chiều dài: 0,324 km; chiều rộng: 12 m.

**15. Đường Rạch Gầm**

\* Nguồn gốc địa danh Rạch Gầm

- Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được. Ở Trung Bộ và Bắc Bộ hoàn toàn vắng mặt từ này. Còn ở Nam Bộ, nó hết sức phổ biến[[11]](#footnote-11).

Theo Lê Trung Hoa, rạch là tiếng Việt gốc Khmer *P*rêk, có nghĩa là *Dòng sông nhỏ*.Về ngữ âm, *prêk* có thể chuyển hóa thành *rạch*. Trong tiếng Việt, hiện tượng tổ hợp phụ âm đầu có âm lỏng “r” bị rụng âm “r” là điều rất phổ biến, như crème thành kem, frein thành phanh (thắng xe), fromage thành phó mát hay phô mai, (tấm) drap thành (tấm) ra: tấm trải giường, grève - (làm) reo: biểu tình. Như vậy, ***Pr*** hoàn toàn có khả năng chuyển thành ***R***. Âm tiết ***êk*** có thể chuyển thànhách, như méc - mách, (cù) léc - (cù) nách, vêk mục (tiếng Khmer) - vạch mặt[[12]](#footnote-12).

- Về từ “Gầm” có nhiều cách giải thích khác nhau:

+ Cách thứ nhất: Ngày xưa, Rạch Gầm là một vùng đất hoang vu. Thuở đó, khi những người Việt tiền phong đến đây khẩn đất, lập điền, thì chỉ thấy toàn là rừng rậm, cây cối mịt mùng, còn dã thú nhiều không sao kể, nhất là cọp. Tiếng rống của cọp vang dậy cả một vùng, nên những người đi khai hoang đặt tên là rạch Cọp Gầm, rồi về sau, gọi trại thành Rạch Gầm.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của động vật (Cọp Gầm).

- Cách thứ hai: Thuở xưa, tại vùng đất Rạch Gầm ở bên bờ tả ngạn sông Tiền và Phú Túc ở bên bờ hữu ngạn (nay thuộc tỉnh Bến Tre), trời đất tối tăm, mịt mù. Bỗng một đêm nọ, trời mưa như trút nước, sấm chớp nổi lên đùng đùng. Bất chợt, có tiếng gầm từ bờ bên này vang sang bờ bên kia; rồi sau đó, có tiếng hét dội lại, như đối đáp nhau. Đến sáng ra, trời quanh mây tạnh, phong cảnh sáng sủa, tươi tốt. Nhờ vậy, dân chúng làm ăn ngày càng khấm khá, phát đạt. Để ghi lại chuyện này, nhân dân đặt tên cho con rạch ở bờ tả ngạn là rạch Ông Gầm, sau đó gọi tắt là Rạch Gầm, còn con rạch ở bờ hữu ngạn đối diện thuộc cù lao Phú Túc là rạch Bà Hét.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của người đàn ông (Ông Gầm).

Với cách giải thích thứ nhất và thứ hai, rạch Gầm là địa danh gọi tắt từ rạch Cọp Gầm hay rạch ông Gầm mà ra. Như vậy, rạch Cọp Gầm hay rạch Ông Gầm là địa danh có ba âm tiết. Các địa danh loại này được lược bỏ âm tiết ở giữa là hiện tượng thường xảy ra, như cầu Xóm Kiệu - cầu Kiệu (Thành phố Hồ Chí Minh), sông Ông Đốc - sông Đốc (Cà Mau),…

- Cách thứ ba: Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, có dẫn tư liệu từ quyển *Dictionnaire Vietnamien - Chinois – Français* (*Từ điển Việt Nam - Trung Hoa - Pháp*) của E.Gouin, cho biết “Gầm” là biến âm của “gằm” là tên cây. Cũng theo Lê Trung Hoa thì “không biết đó là loại cây gì, bởi vì không thấy tự điển nào định nghĩa”[[13]](#footnote-13). Riêng chúng tôi đã nhiều lần đi điền dã vùng Rạch Gầm, được gặp và hỏi nhiều vị bô lão về cây Gằm (?), nhưng không ai biết cả.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây gằm).

- Cách thứ tư: Theo tác giả Việt Tuấn trong bài “Rạch Gầm – Xoài Mút” được in trong quyển *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Rạch Gầm có xuất xứ từ tiếng Khmer: Ca Răm, có nghĩa là Con Cọp. Ca Răm gọi trại thành Gầm[[14]](#footnote-14).

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Ca Răm: Con Cọp).

\* Sự kiện lịch sử có liên quan đến Rạch Gầm

Địa danh Rạch Gầm có liên quan đến chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (20/01/1785) của nghĩa quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền, bảo vệ vững chắc lãnh thổ phía Nam của Tổ quốc.

Đường Rạch Gầm có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Hai Bà Trưng; chiều dài: 0,302 km; chiều rộng: 7 m.

**16. Đường Lý Thường Kiệt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lý Thường Kiệt).

Tiểu sử danh nhân:

**LÝ THƯỜNG KIỆT**

**(1019 – 1105)**

 Lý Thường Kiệt, tên thật là Ngô Tuấn, tự là Thường Kiệt, sinh năm 1019, quê ở phường Thái Hoà, thành Thăng Long (Hà Nội). Từ nhỏ, ông đã có chí hướng, ham đọc sách, say sưa nghiên cứu binh thư, luyện tập võ nghệ. Ông có tài văn, võ. Năm 23 tuổi, ông được bổ nhiệm làm quan theo hầu vua Lý Thái Tông. Trải qua 3 triều vua: Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, ông có nhiều công lao trong việc chống giặc ngoại xâm, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh.

Năm 1061, một số tù trưởng ở miền Thanh Hoá, Nghệ An nổi lên quấy rối, chống lại triều đình. Vua Lý Thánh Tông cử ông giữ chức Kinh phòng sứ, sau một thời gian ông đã đem lại trật tự yên vui cho vùng đất này. Vua rất quý ông và ban cho Quốc tính. Từ đó, ông mang họ Lý.

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông mất, thái tử Lý Càn Đức lên ngôi kế vị, lúc đó nhà vua mới được 7 tuổi. Vốn sẵn dã tâm xâm lược, giặc phương Bắc xem đây là cơ hội tốt và ráo riết tiến hành mưu đồ tiến đánh nước ta. Khi ấy, Nguyên Phi Ỷ Lan buông rèm nhiếp chính, ông với cương vị như Tể tướng nắm toàn quyền cả văn lẫn võ. Gánh vác trách nhiệm lớn và nặng nề với vận mệnh giang sơn xã tắc, ông nhận sứ mệnh thiêng liêng, trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Năm 1075, ông chủ trương tấn công các châu Khâm, Liêm, Ung của nhà Tống (Trung Quốc) để ngăn chặn trước cuộc xâm lược của kẻ địch. Chủ trương ấy đã giành thắng lợi rực rỡ.

Tháng 4/1076, ông rút quân về lập phòng tuyến sông Cầu nhằm ngăn chặn 10 vạn quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy tràn sang xâm lược nước ta. Tại khúc sông Như Nguyệt thuộc phòng tuyến này, giữa lúc trận chiến diễn ra vô cùng gay go, quyết liệt, vào một đêm, ông cho người tâm phúc đọc vang bài thơ thần “Nam Quốc Sơn Hà” trong đền thờ Trương Hống, Trương Hát:

**“Nam quốc sơn hà Nam đế cư,**

**Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,**

**Như hà nghịch lỗ, lai xâm phạm,**

**Nhữ đẵng hành khan thủ bại hư”.**

**Dịch:**

**“Sông núi nước Nam, vua Nam ở,**

**Rành rành đã định tại sách trời,**

**Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,**

**Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”.**

Bài “thơ thần” truyền đi đã có một sức mạnh kỳ lạ, làm nao núng tinh thần quân địch, làm tăng nhuệ khí và sức chiến đấu cho quân ta, trực tiếp góp phần làm xoay chuyển cục diện cuộc chiến, tạo điều kiện cho cuộc phản công chiến lược của quân ta giành thắng lợi quyết định. Bài thơ đã đi vào lịch sử của dân tộc ta như một Bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất.

Sau đó, ông gửi thư cho Quách Quỳ mở đường giảng hòa để giặc giữ thể diện rút lui về nước.

Năm 1105, ông mất, thọ 86 tuổi, được truy tặng tước Kiểm hiệu Thái Uý Việt Quốc Công. Ông được lịch sử ghi nhận là anh hùng dân tộc kiệt xuất, một con người đã hiến dâng trí tuệ, tâm hồn, sức lực và tài năng cho sự nghiệp bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Tên ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Lý Thường Kiệt có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: giáp với đường Hai Bà Trưng; chiều dài: 0,104 km; chiều rộng: 7 m.

**17. Đường Đồng Khởi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (Đồng Khởi).

Sự kiện lịch sử:

**Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959), từ cuối 1959 đến năm 1960, nhân dân miền Nam vùng lên khởi nghĩa đồng loạt để giành chính quyền. Tiêu biểu là cuộc nổi dậy của nhân dân huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận (ngày 7/2/1959 đến cuối năm 1959); cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, Quảng Ngãi (28/8/1959); cuộc đồng khởi của nhân dân tỉnh Bến Tre (17/1/1960); cuộc nổi dậy đồng loạt của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên (20/10/1960),...**

Tính đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam đã căn bản làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nông thôn. Trong 2.627 xã toàn miền Nam, nhân dân đã lập chính quyền tự quản ở 1.383 xã, đồng thời làm tê liệt chính quyền Mỹ-Diệm ở hầu hết các xã khác. Dân số vùng giải phóng toàn miền Nam có khoảng 5,6 triệu người. Kế hoạch lập khu trù mật của địch bị phá sản. Chính sách “cải cách điền địa”của địch bị thất bại nặng. Hai phần ba số ruộng đất bị Mỹ-Diệm cướp (khoảng 17 vạn héc ta) đã trở về tay nhân dân. Phong trào Đồng khởi ở nông thôn thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị.

Phong trào Đồng khởi đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đã giáng một đòn bất ngờ vào chiến lược Aixenhao (Tổng thống Mỹ), làm thất bại cuộc chiến tranh đơn phương của Mỹ ở miền Nam. Đây là một mốc mới rất quan trọng của cách mạng miền Nam, tạo cơ sở vững chắc để nhân dân miền Nam Việt Nam đánh thắng “chiến lược chiến tranh đặc biệt” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Đường Đồng Khởi có điểm đầu: giáp với cầu Long Chánh; điểm cuối: giáp với đường Hồ Biểu Chánh; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 7 m.

**18. Đường Phạm Ngũ Lão**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phạm Ngũ Lão).

Tiểu sử danh nhân:

**PHẠM NGŨ LÃO**

**( 1255 - 1320)**

**Phạm Ngũ Lão** sinh năm 1255 tại làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, phủ Hải Dương (nay là xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

Ông là người có chí khí và nghị lực. Phạm Đình Hổ trong tác phẩm “Vũ trung tùy bút” có kể lại chuyện ông ra mắt Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đại ý như sau: Hưng Đạo Vương cùng tuỳ tùng đi ngang qua Đường Hào thấy Phạm Ngũ Lão ngồi bên vệ đường đan sọt. Quân lính kéo đến, dẹp lối đi. Ông vẫn ngồi thản nhiên, như không để ý đến ai cả. Quân lính cầm giáo đâm vào đùi chảy máu mà ông vẫn không cử động, thấy vậy Hưng Đạo Vương dừng lại hỏi, bấy giờ ông mới trả lời rằng đang nghĩ một câu trong binh thư nên không để ý. Biết người có tài, Hưng Đạo Vương cho ông ngồi cùng kiệu đưa về kinh sư. Từ đó, ông trở thành của gia tướng của Hưng Đạo Vương.

Trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông (Trung Quốc), ông lập được nhiều chiến công. Năm 1285, trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ hai (1285), ông cùng với Thượng tướng Trần Quang Khải tiến đánh Chương Dương (nay là xã Chương Dương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội), Hàm Tử (nay là xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng yên), đập tan đội binh thuyền của giặc và diệt quân Nguyễn Mông chiếm đóng Thăng Long. Sau đó, ông được lệnh mang 3 vạn quân phục kích đánh địch ở Vạn Kiếp (nay thuộc xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương), chặn đường địch rút chạy lên biên giới phía bắc và diệt được hai phó tướng địch là Lý Quán và Lý Hằng.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ ba (1288), dưới sự chỉ huy của Hưng Đạo Vương, ông cùng các tướng bày trận phục kích đường rút lui của giặc trên sông Bạch Đằng, trong trận này quân ta bắt sống các tướng chỉ huy của quân Nguyên Mông là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Áo Lỗ Xích. Sau đó, ông nhận lệnh mang quân truy kích cánh quân chủ lực của địch do Thoát Hoan chỉ huy rút chạy trên đường bộ.

Năm 1290, vua Trần Nhân Tông giao cho ông cai quản quân Thánh Dực (còn gọi là quân Cấm Vệ), phong chức Hữu Kim ngô Đại tướng quân. Đến đời vua Trần Anh Tông, ông được thăng chức Điện súy Thượng tướng quân, tước Quan nội hầu. Ông đã ba lần chỉ huy quân đội nhà Trần đánh tan các cuộc xâm lấn biên giới phía Tây của quân Ai Lao vào các năm 1294, 1297 và 1301; hai lần đánh thắng quân Chiêm Thành quấy rối biên giới phía Nam vào các năm 1312 và 1318, bảo vệ vững chắc sự toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Không chỉ có tài về quân sự, mà ông còn để lại nhiều bài thơ về chí trai, lòng yêu nước. Hiện nay, tác phẩm của ông chỉ còn lại hai bài là “Thuật Hoài”**(“Tỏ lòng”)**và**“**Vãn Thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương”**(**“Viếng Thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương”**).**

Ông mất năm 1320, hưởng thọ 66 tuổi. Vua Trần Minh Tông ra lệnh nghỉ chầu 5 ngày để tỏ lòng thương tiếc ông. Sách “Đại việt sử ký toàn thư”viết: “Ngũ Lão xuất thân trong hàng quân ngũ nhưng rất thích đọc sách, là người phóng khoáng, có chí lớn, thích ngâm thơ, tựa như không để ý đến việc võ binh. Nhưng quân ông chỉ huy, thực là đội quân phụ tử, hễ đánh là thắng. Ông huấn luyện quân đội rất có kỷ luật, đối đãi tướng hiệu tựa như người nhà, cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ, là bậc danh tướng của một thời vậy”. Nhân dân xã Phù Ủng dựng đền thờ ngay trên nền nhà cũ của ông. Ông cũng được phối thờ tại đền Kiếp Bạc, Chí Linh, Hải Dương tại đền thờ Trần Hưng Đạo. Hàng năm, lễ hội truyền thống đền Phù Ủng được tổ chức từ ngày 25 tháng chạp, chính hội được tổ chức vào ngày 11 tháng giêng âm lịch, thu hút đông đảo nhân dân khắp nơi đế chiêm bái, tham quan. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Phạm Ngũ Lão có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Thái Học; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 7 m.

**19. Đường Võ Duy Linh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Duy Linh).

Tiểu sử danh nhân:

**VÕ DUY LINH**

**(1919 - 1968)**

Võ Duy Linh là bí danh, tên thật Võ Văn Di, sinh năm 1919 tại làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

Năm 1945, ông giác ngộ cách mạng, tham gia đội du kích xã, rồi lần lượt giữ các chức vụ Xã đội trưởng, Huyện ủy viên kiêm Bí thư xã.

Sau khi hiệp định Genève (1954) được ký kết, ông tiếp tục làm Huyện ủy viên huyện Gò Công và được tổ chức phân công ở lại miền Nam hoạt động. Đây là thời kỳ chính quyền Ngô Đình Diệm được Mỹ giật dây thẳng tay khủng bố, đàn áp quần chúng. Vì thế, phong trào cách mạng ở Gò Công bị tổn thất nghiêm trọng, hàng loạt cán bộ hoặc bị địch bắt bớ, giết hại hoặc theo chủ trương của cấp trên phải “điều lắng” tạm lánh đi nơi khác.

Năm 1957, chấp hành mệnh lệnh của tổ chức, ông chuyển đổi địa bàn hoạt động lên Sài Gòn. Nhưng, với tinh thần tiến công cách mạng cao độ, không sợ hy sinh, gian khổ, chỉ một năm sau (1958), ông trở về Gò Công đang bị địch bình định trắng, kiên trì bám đất, bám dân, gầy dựng lại cơ sở cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình, chống tố cộng, diệt cộng.

Ngày 21-01-1960, ông đại diện cho Huyện ủy Gò Công dự hội nghị triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng do Tỉnh ủy Mỹ Tho triệu tập. Tại hội nghị quan trọng này, ông được phân công nhiệm vụ phát động cuộc “Đồng khởi” ở hai huyện Gò Công (nay là huyện Gò Công Đông và thị xã Gò Công) và Hòa Đồng (nay là huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông).

Tháng 2-1960, ông trở về căn cứ Rừng Sác, thành lập Ban Cán sự Đảng hai huyện Gò Công và Hòa Đồng; trong đó Ban Cán sự Đảng huyện Gò Công do ông làm Bí thư. Cùng với tập thể Ban Cán sự, ông đã ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang cách mạng; đồng thời, lãnh chỉ đạo hai lực lượng này thực hiện liên tục các cuộc tấn công và nổi dậy trong suốt năm 1960, phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền địch ở cơ sở, chấm dứt thời kỳ thoái trào của Gò Công, mở ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở địa phương, tiến cùng nhịp độ phát triển trong toàn tỉnh.

Tháng 6-1961, ông được bầu làm Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy Gò Công. Với trách nhiệm của mình, ông đã chỉ đạo xây dựng các cơ quan Huyện ủy, cơ sở Đảng từ huyện xuống tận xã, ấp, lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang huyện. Từ năm 1961- 1963, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, phong trào du kích chiến tranh, phá “Ấp chiến lược”, đấu tranh chính trị và công tác binh vận ở huyện Gò Công phát triển vô cùng mạnh mẽ, được Tỉnh ủy công nhận và tuyên dương là huyện có phong trào phát triển mạnh và vững chắc ở trong toàn tỉnh.

Đầu năm 1963, ông được cấp trên cử đi học; rồi được điều lên tỉnh, giữ chức vụ Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Trưởng ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Dưới sự chỉ đạo của ông, Ban An ninh tỉnh và các huyện được kiện toàn; và đã đập tan âm mưu chống phá cách mạng của địch bằng phương thức tình báo, gián điệp mà chúng đang ráo riết triển khai để thực hiện kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược.

Đầu năm 1964, ông được Tỉnh ủy cử trở lại Gò Công với nhiệm vụ là Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy. Trong thời kỳ ông làm Bí thư Huyện ủy, hệ thống cơ sở Đảng vẫn được giữ vững, cán bộ bám chặt trong dân, vùng giải phóng được củng cố, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, hoạt động vũ trang của bộ đội địa phương và du kích xã, ấp tiếp tục tiến lên mạnh mẽ mặc dù địch tăng cường đánh phá rất ác liệt nhằm thực hiện âm mưu biến nơi đây thành mô hình bình định kiểu mẫu của bọn chúng.

Tháng 10-1967, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Gò Công (vừa mới được tái lập theo quyết định của Khu ủy Khu 8), ông và tập thể Huyện ủy ráo riết lãnh chỉ đạo quân dân huyện nhà chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, nhất là lực lượng vũ trang, tuyển quân, hậu cần, dân công, sẵn sàng thực hiện lệnh nổi dậy và tiến công của cấp trên.

Đúng 2 giờ ngày Mùng 2 Tết Mậu Thân (ngày 01-02-1968), theo kế hoạch của Tỉnh ủy, ông phát lệnh cho bộ đội địa phương và du kích các xã thuộc huyện Gò Công nổ súng tiến công địch trên địa bàn toàn huyện; đồng thời, chi viện cho bộ đội tỉnh tiến công vào thị xã Gò Công. Cuộc tiến công của quân dân ta nổ ra rất mãnh liệt, khiến địch bị tổn thất nặng nề, phần lớn đồn bót, tháp canh của bọn chúng đều bị ta bị tiêu diệt, các xã trên địa bàn huyện, như Tân Thành, Tân Bình Điền, Bình Ân, Bình Xuân, Phước Trung đã thành lập Ủy ban nhân dân giải phóng cấp xã.

Sau đó, ông chỉ huy lực lượng vũ trang huyện đánh địch phản kích. Ngày 16-02-1968, trên đường đi công tác từ vùng C về vùng A, ông bị địch phục kích, anh dũng đền nợ nước tại ấp Gò Một, xã Tân Niên Đông. Được biết, ông có người em ruột là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Võ Văn Kiết.

Sau năm 1975, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập. Bí danh của ông - Võ Duy Linh - được đặt tên đường ở thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông; tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Võ Duy Linh có điểm đầu: giáp với đường Hai Bà Trưng; điểm cuối: giáp với đường Trần Công Tường; chiều dài: 0,678 km; chiều rộng: 12 m.

**20. Đường Võ Thị Lớ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Thị Lớ).

Tiểu sử danh nhân:

**VÕ THỊ LỚ**

**(1950 – 1969)**

Võ Thị Lớ sinh năm 1950 tại làng Tăng Hòa, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

 Năm 1968, bà giác ngộ cách mạng; và được cấp trên phân công làm giao liên cho Ban An ninh thị xã Gò Công. Dưới vỏ bọc hợp pháp là một thợ may ở thị xã Gò Công, bà luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được cấp trên giao phó, mặc dù điều kiện công tác rất nguy hiểm, bởi vì, lúc bấy giờ, Gò Công là địa bàn bình định trọng điểm của địch, cơ sở cách mạng bị đánh phá vô cùng ác liệt.

Đầu năm 1969, mạng lưới giao liên của Ban An ninh thị xã bị địch phát hiện. Vì thế, bà được chuyển sang làm giao liên bán công khai. Đây là công tác khó khăn và nguy hiểm hơn gấp nhiều lần so với việc làm giao liên hợp pháp khi bà mới vừa tham gia cách mạng. Tuy các ngả đường ở Gò Công khi ấy giăng đầy cảnh sát, mật thám, chỉ điểm; nhưng bà đã chuyển tuyệt đối an toàn tài liệu, vũ khí từ căn cứ của Tỉnh ủy Gò Công đóng ở Đồng Ninh B (còn gọi là Đồng Sơn Xép, nay thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) vào thị xã Gò Công và ngược lại.

Sáng sớm ngày 5-8-1969, địch huy động lực lượng Sư đoàn 7 và các tiểu đoàn địa phương quân thuộc Tiểu khu Gò Công ồ ạt tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy Gò Công ở xã Đồng Sơn. Mới tờ mờ sáng, máy bay và pháo binh của địch đã thi nhau ném bom, bắn phá ác liệt vào ấp Đồng Ninh B. Khi đó, chỉ huy việc bảo vệ căn cứ là ông Trần Thanh Tâm, Trưởng ban An ninh thị xã, ra lệnh cho các chiến sĩ trong Đội An ninh võ trang hướng dẫn các vị lãnh đạo xuống hầm bí mật tránh địch. Bà ẩn nấp trong căn hầm thứ hai cùng với hai người nữa.

Ngay sau khi bom pháo vừa dứt, địch chia nhiều cánh quân hùng hổ tràn vào; trong đó có một cánh quân tiến ngay vào nơi có các hầm bí mật. Do có chỉ điểm nên địch phát hiện được căn hầm thứ nhất và căn hầm thứ hai. Sau khi phát loa gọi hàng không kết quả, bọn lính tập trung hỏa lực các cỡ bắn xối xả vào nắp hai căn hầm.

Trước tình thế đã bị lộ, các chiến sĩ của ta lập tức xông lên chiến đấu; nhưng đều anh dũng hi sinh. Riêng bà bị bắt sống. Thấy bà còn trẻ, địch hy vọng có thể đe dọa, mua chuộc hoặc trấn áp tinh thần để khai ra vị trí hầm của lãnh đạo, chỉ huy. Chúng bắn 2 đồng đội của bà ngay bên miệng hầm để uy hiếp tinh thần. Uy hiếp tinh thần không được, chúng chuyển sang dụ dỗ, rồi đến tra tấn dã man.

Tuy bị địch đánh đập rất tàn bạo, nhưng với tinh thần kiên trung, bất khuất và ý thức bảo vệ đồng chí, đồng đội; bà vẫn một lòng giữ vững khí tiết, chỉ nói có một câu duy nhất: “Tôi có chỉ huy, nhưng chỉ huy của tôi ở đâu tôi không biết”. Đến 11 giờ cùng ngày, biết không thể lay chuyển được ý chí của người nữ chiến sĩ gang thép, bọn địch đã hèn hạ bắn chết bà. Người nữ chiến sĩ an ninh đã anh dũng hy sinh, nêu cao tinh thần chiến đấu ngoan cường, không sợ hy sinh, gian khổ, tuyệt đối trung thành với cách mạng. Tuy còn trẻ, nhưng bà đã tỏ rõ là một cán bộ cách mạng kiên trung, bất khuất, dũng cảm và mưu trí, chấp nhận hy sinh tính mạng để bảo vệ đồng chí, đồng đội được an toàn. Tấm gương ngời sáng của bà là nguồn sức mạnh để lực lượng An ninh thị xã Gò Công chiến đấu, góp phần vào chiến thắng của quê hương, đất nước.

Ngày 3-8-1995, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng võ trang nhân dân. Tên bà được đặt tên trường tiểu học ở xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông; tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Võ Thị Lớ có điểm đầu: giáp với đường Đồng Khởi; điểm cuối: giáp với đường Hồ Biểu Chánh; chiều dài: 0,630 km; chiều rộng: 7 m.

**21. Đường Lê Lợi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Chu Trinh).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ LỢI**

**(1385 – 1433)**

Lê Lợi sinh năm 1385 tại làng Lam Giang hay Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa) xuất thân trong một gia đình hào trưởng giàu có.

Trước ách thống trị tàn bạo của nhà Minh (Trung Quốc) trên đất nước ta, năm 1416, ông cùng với 18 người bạn tâm giao, cùng chí hướng tham gia hội thề Lũng Nhai (Lam Sơn, Thanh Hóa) nguyện đánh quân Minh cứu nước. Hay tin ông dựng cờ nghĩa, anh hùng hào kiệt từ bốn phương kéo về đất Lam Sơn tụ nghĩa. Sau một thời gian chuẩn bị, đầu năm 1418, ông xưng là Bình Định Vương phát động cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và truyền hịch đi khắp nơi, kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. Ông là linh hồn và là lãnh tụ tối cao của cuộc khởi nghĩa.

Trong suốt 10 năm đấu tranh gian khổ, tuy phải nếm mật nằm gai, nhiều lần bị địch bao vây, thiếu thốn lương thực; nhưng ông đã tổ chức xây dựng lực lượng, tổ chức nhiều trận đánh lớn, cuối cùng đã đánh thắng giặc Minh xâm lược, buộc chúng phải cầu hòa, rút quân về nước. Năm 1427, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng. Nếu Ngô Quyền với chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt thời kỳ 1.000 năm mất nước, mở ra thời kỳ độc lập mới của dân tộc thì Lê Lợi với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã kết thúc 20 năm thống trị của giặc Minh, khôi phục nền độc lập lâu dài cho Tổ quốc, mở ra một kỷ nguyên mới trong việc xây dựng và phát triển của đất nước.

Năm 1428, ông lên ngôi vua với đế hiệu là Lê Thái Tổ, tiến hành xây dựng lại đất nước, chăm lo phục hồi phát triển kinh tế, văn hóa, mở mang giáo dục, củng cố nền độc lập của dân tộc.

Năm 1433, ông qua đời và được an táng tại Vĩnh Lăng (Lam Sơn). Văn bia tại mộ ông do Nguyễn Trãi viết đã ghi lại công lao và sự nghiệp của Lê Lợi - vị vua khai sáng của triều đại nhà Lê, vị Anh hùng dân tộc Việt Nam. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Lê Lợi có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Hai Bà Trưng; chiều dài: 0,320 km; chiều rộng: 12 m.

**22. Đường Trương Công Luận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Công Luận).

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯƠNG CÔNG LUẬN**

**( - 1865)**

Trương Công Luận chưa rõ năm sinh, tên thật là Bùi Luận, nguyên quán ở Quảng Ngãi, vào huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là Gò Công, Tiền Giang) lập nghiệp.

Năm 1861, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định, có thừa tài trí và lòng dũng cảm, lập được nhiều công trạng trong chiến đấu. Do đó, ông được đổi thành họ Trương là họ của chủ tướng Bình Tây đại tướng quân Trương Định.

Sau khi Trương Định hy sinh (20/8/1864), ông rút quân về Rạch Bùn, Tân Bình Điền (nay là xã Tân Điền, huyện Gò Công Đông). Theo quyển *Gò Công; cảnh cũ - người xưa* của Việt Cúc, đây là vùng đất có “*rừng cây rất sâu rộng … thông lên Rạch Cùng (Tân Thành) nhờ rừng Giá và lùm bụi sầm uất, cây cối dầy đặc hiểm trở*”.

Theo truyền thuyết dân gian, để có “danh chánh ngôn thuận” cho cuộc kháng chiến, ông tự xưng là Bình Tây phó tướng. Tại Rạch Bùn, dựa vào địa thế hoang hiểm, ông lập căn cứ mới, chiêu mộ thêm nghĩa dũng, vận động nhân dân quyên góp lương thực và tiền bạc, rèn đúc vũ khí, tiếp tục cuộc chiến đấu chống quân Pháp. Với lối đánh du kích, nay ẩn mai hiện, nghĩa quân do ông chỉ huy đã tiến hành các trận đánh phục kích nhằm vào những toán lính địch đi càn quét và gây cho bọn chúng nhiều thiệt hại.

Sau đó, thực dân Pháp tổ chức bao vây, phong tỏa, lùng sục và đàn áp nghĩa quân. Cuối cùng, ông sa vào tay giặc. Dụ hàng không được, ngày 06/5/1865, bọn chúng đã hèn hạ xử trảm ông tại bến sông Gò Công (nay là khu chợ trái cây ở thị xã Gò Công). Cảm thương vị anh hùng đã vị quốc quên thân, dân làng Tăng Hòa đã mang thi thể ông an táng tại xóm Gò; đồng thời, các vị bô lão còn lập ngôi miếu thờ tại xóm Lò Gạch, hằng năm, cứ đến ngày mùng 7 tháng 6 âm lịch, tổ chức cúng tế rất long trọng.

Hiện nay, mộ, miếu thờ và nhà lưu niệm của ông đã được trùng tu khang trang, tọa lạc tại xóm Gò và xóm Lò Gạch thuộc thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Mộ của ông được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. Bia mộ có chạm khắc câu đối ca ngợi nghĩa khí của ông:

*Dũng tướng hầu nguyên soái.*

Kiên trung dũng Trương công.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Công Luận có điểm đầu: giáp với đường Thủ Khoa Huân; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Huệ; chiều dài: 0,215 km; chiều rộng: 7 m.

**23. Đường Mả Cả Trượng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Mả hay Mộ) + Chức vụ làng xã thời xưa và tên người (Cả Trượng).

Đường Mả Cả Trượng có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trọng Dân; điểm cuối: giáp với mả Cả Trượng; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 7 m.

**24. Đường Phan Đình Phùng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Đình Phùng).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN ĐÌNH PHÙNG**

**(1847 – 1895)**

Phan Đình Phùng hiệu là Châu Phong, sinh năm 1847 tại làng Đông Thái, xã Yên Hạ, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh).

Năm 1877, ông đậu Đình nguyên Tiến sĩ lúc 34 tuổi, được bổ làm tri huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, nổi tiếng vì tính thẳng thắn và liêm khiết, sau đó được triệu về kinh làm Ngự sử ở Đô sát viện.

Năm 1883, ông đã can gián đại thần Tôn Thất Thuyết về việc không tuân theo di chiếu của vua Tự Đức mà tự tiện phế bỏ vua Dục Đức, nên bị bắt giam vào ngục Cẩm y rồi bị cách chức đuổi về làng. Lúc này, đất nước đang rơi vào họa ngoại xâm, triều đình Huế chia thành hai phe chủ chiến và chủ hoà, phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết cầm đầu tổ chức cuộc tấn công vào vào đồn binh của quân Pháp tại Mang Cá, kinh thành Huế ngày 4-5-1885; nhưng thất bại. Vua Hàm Nghi rời khỏi kinh thành và ban Chiếu Cần Vương.

Tháng 9/1885, khi vua Hàm Nghi ra đến Sơn phòng Hà Tĩnh ở Hương Khê, Phan Đình Phùng và một số văn thân đã đến yết kiến vua và Tôn Thất Thuyết tại căn cứ Vụ Quang - Ngàn Trươi (nay thuộc huyện Vũ Quang, tĩnh Hà Tĩnh). Ông được nhà vua giao cho chức Thống đốc quân vụ đại thần để lãnh đạo phong trào chống Pháp ở 4 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, đại bản doanh đặt tại căn cứ Vụ Quang - Ngàn Trươi. Tại đây, nghĩa quân đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của quân Pháp vào vùng căn cứ kháng chiến.

Đầu năm 1887, nhận thấy nếu chỉ chiến đấu đơn độc thì phong trào sẽ đi vào chỗ thất bại, nên ông giao nhiệm vụ chỉ huy cho Cao Thắng rồi ra Bắc vận động sĩ phu và nhân dân cùng nổi dậy chống Pháp. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, năm 1889, ông từ ngoài Bắc trở về, lúc này phong trào Cần Vương ở bốn tỉnh Bắc Trung Kỳ đã được dấy lên đều khắp, khá mạnh mẽ và quy về một mối do ông lãnh đạo. Lực lượng nghĩa quân đã lập được một số chiến công oanh liệt; tiêu biểu là chiến thắng Vụ Quang ngày 26/10/1895, tiêu diệt hơn 100 tên vừa lính Pháp vừa lính triều đình, trong đó có 3 sĩ quan Pháp.

Sau 10 năm kiên cường chiến đấu, ông lâm bệnh và qua đời ngày 28/12/ 1895 tại núi Quạt. Có tài liệu cho rằng, trong một trận giao chiến ác liệt với địch ở núi Quạt ngày 28/12/1895, ông bị thương nặng và đã anh dũng hy sinh. Tên của ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng ở các tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Phan Đình Phùng có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Trương Định; chiều dài: 0,135 km; chiều rộng: 7 m.

**25. Đường Nguyễn Tri Phương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tri Phương).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TRI PHƯƠNG**

**(1800 – 1873)**

Nguyễn Tri Phương tên thật là Nguyễn Văn Chương, sinh năm 1800 tại thôn Đường Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế); tên Nguyễn Tri Phương là do vua Tự Đức đặt năm 1850, hàm ý nói về con người nghĩa dũng, nhiều mưu chước.

Xuất thân trong một gia đình nông dân, không được qua trường lớp, nhưng nhờ trí thông minh và ý chí tự học, tự lập cao, đã làm nên sự nghiệp lớn. Bắt đầu từ chức thư lại ở cấp huyện, do tài năng mà được tiến cử lên triều đình Minh Mạng, được thu dụng và lần lượt giữ nhiều chức vụ trọng yếu suốt ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Năm 1823, ông làm Điển bộ (bí thư ở nội điện), năm sau thăng Tu soạn, rồi Thừa chỉ ở Nội các, hai năm sau thăng Thị độc, Thị giảng học sĩ (1827), rồi Hồng lô tự khanh (1831). Năm 1832, sung phái bộ sang Trung Quốc thương lượng về quan hệ thương mại. Năm 1835, được cử vào Gia Định cùng Trương Minh Giảng tổ chức lại việc khẩn hoang. Năm 1840, được bổ Tuần phủ Nam – Ngãi trông coi việc bố phòng cửa biển Đà Nẵng, thăng Tham tri bộ Công. Năm 1844, vua Thiệu Trị cử ông làm Tổng đốc An - Hà (An Giang và Hà Tiên), rồi Tổng đốc Long - Tường (Vĩnh Long và Định Tường). Năm 1853, làm Kinh lược sứ Nam Kỳ.

Ngày 01/9/1858, tàu chiến Pháp - Tây Ban Nha dưới quyền chỉ huy của Rigault de Genouilly nổ súng, tấn công Đà Nẵng. Quân và dân ta đã anh dũng chiến đấu, ngăn bước tiến của giặc. Đô thống Lê Đình Lý trúng đạn, sau đó hy sinh. Vua Tự Đức điều ông đang làm Kinh lược sứ Nam Kỳ ra làm Tổng thống quân thứ Quảng Nam. Ông đã bố trí lại lực lượng phòng thủ và đề ra phương thức tác chiến phù hợp với tương quan lực lượng giữa ta và địch lúc bấy giờ. Ông chủ trương tránh những mũi tiến công chính diện của địch, mà bao vây, đánh chặn địch ở mé ngoài, liên tục phục kích tiêu hao địch, làm vườn không nhà trống, cô lập địch với dân.

Thực tế những diễn biến tình hình quân sự ở Đà Nẵng sau đó đã minh chứng tài thao lược và chiến thuật đánh địch của ông là hợp lý, đúng đắn. Đầu tháng 2/1859, Rigault de Genouilly buộc phải chuyển hướng tiến công vào Gia Định. Tháng 7/1860, ông lại được sung chức Gia Định quân thứ, Thống đốc quân vụ. Trong trận đánh ngày 25/10/1861, người em ruột của ông là Tán lý Nguyễn Duy tử trận, còn ông bị thương, đại đồn Chí Hòa thất thủ. Ông bị giáng chức xuống làm Tham tri, sau đó được Tự Đức cho khôi phục hàm Binh bộ Thượng thư Đổng nhung quân vụ Biên Hòa.

Năm 1862, ông được cử ra làm Tổng thống quân vụ Hải An. Năm 1871, được điều về kinh, giữ chức Lại bộ Thượng thư. Tháng 7/1872, vì ở Bắc Kỳ, giặc giã quấy nhiễu nhiều nơi, vị tướng tài ba này một lần nữa lại được cử làm Bắc Kỳ Khâm mạng Tuyên sát đổng sức đại thần thay vua để xử lý việc quân.

Ngày 19/11/1873, đại úy Pháp Francis Garnier theo lệnh của Soái phủ Nam Kỳ đánh úp thành Hà Nội và chỉ sau mấy giờ thì hạ được thành. Con trai ông, phò mã Nguyễn Lâm, trúng đạn chết tại trận, còn ông bị trọng thương. Giặc Pháp đưa ông xuống tàu để cứu chữa, nhưng ông khẳng khái từ chối. Chúng đem thuốc băng bó, ông giật đi, vứt bỏ, chúng đưa thức ăn vào miệng, ông đều phun ra, không chịu nuốt, mà nói rằng: “Bây giờ nếu ta chỉ gắng lây lất mà sống, sao bằng thong dong mà chết vì việc nghĩa”. Sau đó, ông tuyệt thực gần một tháng và mất ngày 1 tháng 11 năm Quý Dậu (20/12/1873). Tên ông được đặt tên nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Nguyễn Tri Phương có điểm đầu: giáp với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối: giáp với đường Lưu Thị Dung; chiều dài: 0,082 km; chiều rộng: 7 m.

**26. Đường Tết Mậu Thân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (Tết Mậu Thân).

Sự kiện lịch sử:

Phát huy những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam, nhất là từ sau thắng lợi mùa khô 1966 - 1967, tháng 5-1967, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chủ trương: “Gấp rút chuẩn bị mọi mặt, kịp thời nắm lấy thời cơ để giành thắng lợi, buộc Mỹ phải chịu thua về quân sự”.

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết: Ðộng viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Ðảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định; kết hợp tiến công quân sự với tiến công chính trị và tiến công ngoại giao, trong đó, cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang trên các chiến trường lớn và sự nổi dậy của nhân dân ở các đô thị lớn là hai mũi tiến công chính.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (12-1967) và Nghị quyết hội nghị lần thứ 14 (01-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thành ủy Mỹ Tho, Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tổ chức và triển khai cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 với phương châm vừa xây dựng lực lượng, vừa tấn công địch để tạo ra thế và lực mới. Thành phố Mỹ Tho được Khu ủy Khu 8 chọn làm trọng điểm chính trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Mục tiêu chủ yếu là thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện tự lực giải phóng.

Thắng lợi của quân và dân ta trong năm 1967 đã đẩy quân địch vào thế bị động, nhưng lực lượng của chúng vẫn còn đông. Tỉnh ủy Mỹ Tho và Thành ủy Mỹ Tho gấp rút xây dựng lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công và nổi dậy. Đảng bộ chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng 3 thứ quân, bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích; đồng thời, ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng. Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tập trung phát động quần chúng xây dựng các cơ sở Đảng, nhất là chi bộ; phát triển các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang nhằm tấn công tiêu diệt, tiêu hao quân địch, phá rã thế kềm kẹp, bình định của địch.

24 giờ đêm Mùng 1 Tết Mậu Thân (tức đêm 29-01-1968), cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân bắt đầu.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân dân Mỹ Tho và Gò Công đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy hàng chục đồn bót, căn cứ quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh của bọn chúng.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân Mỹ Tho - Gò Công trong Tết Mậu Thân năm 1968 đã góp phần vào thắng lợi chung của cả nước. Ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của chúng. Đồng thời, ta đã tấn công quyết liệt vào các cơ quan đầu não của địch ở thị xã, thị trấn và hệ thống ấp chiến lược trong tỉnh, giải phóng một vùng nông thôn rộng lớn, tạo ra bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho góp phần cùng cả nước làm thất bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Chính phủ Mỹ phải nhận rằng không thể dùng lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ để thắng trong chiến tranh ở Việt Nam; đồng thời, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh; chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền bắc; ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris (Pháp) và sau đó phải rút quân Mỹ về nước, mở ra một cục diện mới trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đường Tết Mậu Thân có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Côn; điểm cuối: giáp với Quốc lộ 50; chiều dài: 0,430 km; chiều rộng: 7 m.

**27. Đường Đỗ Trình Thoại**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Trình Thoại).

Tiểu sử danh nhân:

**ĐỖ TRÌNH THOẠI**

**(1816 – 1861)**

Đỗ Trình Thoại sinh năm 1816, người thôn Yên Luông Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học giỏi. Năm 1843, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Gia Định; được triều đình bổ làm Tri huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định (bao gồm khu vực Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay); nên được mọi người quen gọi là Huyện Thoại.

Năm 1859, giặc Pháp tấn công thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn của một trí thức chân chính và với trách nhiệm của một viên quan đứng đầu một huyện thuộc tỉnh Gia Định, ông tham gia công cuộc chống Pháp ở mặt trận Chí Hòa (Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Tháng 02-1861, đại đồn Chí Hòa bị thất thủ, ông trở về Tân Hòa (Gò Công), mộ nghĩa dũng và kết hợp với Trương Định nổi lên kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Sau khi hạ thành Mỹ Tho vào trung tuần tháng 4-1861, quân Pháp tiến đánh Gò Công; sau đó, bọn chúng đã cho thiết lập nhiều đồn bót ở đây nhằm kiểm soát và bình định vùng đất vừa mới chiếm được.

Với quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước và bảo vệ chủ quyền dân tộc, ông đã chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận tập kích táo bạo vào các vị trí chiếm đóng của quân viễn chinh Pháp ở Gò Công, gây cho chúng những thiệt hại đáng kể.

Tiêu biểu là trận tập kích đồn Gò Công ngày 22-6-1861. Vào lúc tờ mờ sáng, ông trực tiếp điều động 600 nghĩa quân bất ngờ mở cuộc tấn công. Với cương vị là tướng chỉ huy, ông đã dũng cảm xông lên phía trước, bất chấp hiểm nguy mặc dù súng của địch từ trong đồn bắn ra hết sức dữ dội.

Sau khi vượt qua những vòng rào phòng thủ kiên cố, nghĩa quân đã đột nhập được vào bên trong đồn. Một trận giáp chiến kịch liệt giữa quân ta và quân Pháp đã diễn ra. Hàng ngũ của quân địch trở nên rối loạn. Bằng võ nghệ cao cường, ông đã dùng gươm giết chết tên lính thủy quân lục chiến Bodiez và làm trọng thương tên trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công.

Nhưng, thật không may, ông bị trúng đạn và hy sinh cùng với 12 nghĩa sĩ, hưởng dương 45 tuổi. Sau khi mất, ông được triều đình nhà Nguyễn cho lập đền thờ. Từ một sĩ phu và quan lại yêu nước, ông đã trở thành lãnh tụ nghĩa quân, trực tiếp xông pha nơi trận mạc, kiên cường chiến đấu chống lại kẻ thù và đã anh dũng đền nợ nước, để lại bao niềm thương tiếc của sĩ dân Gò Công. Phần mộ của ông tọa lạc tại ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công đã được công nhận Di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia năm 2016.

Đường Đỗ Trình Thoại có điểm đầu: giáp với đường Trần Công Tường; điểm cuối: giáp với đường Hoàng Tuyển; chiều dài: 0,260 km; chiều rộng: 7 m.

**28. Đường Nguyễn Trường Tộ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trường Tộ).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TRƯỜNG TỘ**

**(1830 – 1871)**

Nguyễn Trường Tộ sinh năm 1830 tại làng Bùi Chu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (nay thuộc xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An).

Thưở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học hành chăm chỉ. Năm 1855, ông được mời dạy chữ Hán cho Tu viện Xã Đoài (nay thuộc xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An). Đồng thời, tại đây, ông cũng được học Tiếng Pháp. Sau đó, ông được linh mục Gautier (tên Tiếng Việt là Ngô Gia Hậu) đưa sang Singapore, Hồng Kông, Roma (Italia) và Paris (Pháp) để học các môn khoa học thường thức, thực nghiệm,… Đương thời, ông là một trong những trí thức người Việt hiếm hoi được tiếp xúc trực tiếp, chứng kiến nhiều thành tựu văn minh, kỹ nghệ phương Tây. Chính những điều đó đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng của ông. Khi bước vào tuổi 30, ông đã có một vốn kiến thức rộng và sâu cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật; có hoài bão lớn, khát khao canh tân đất nước.

Năm 1861, ông về Sài Gòn lúc thực dân Pháp đã chiếm Gia Định. Trong một thời gian ngắn, ông đóng vai trò phiên dịch giữa triều Nguyễn và Pháp cốt để góp phần vào việc giảng hòa. Sau đó, ông ra Huế làm việc trong triều đình dưới thời vua Tự Đức. Từ năm 1861 đến năm 1868, ông đã trình lên nhà vua 58 bản điều trần, đề nghị cải cách trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục, ngoại giao,… nhằm phát triển đất nước. Tuy nhiên, những đề nghị của ông đều không được triều đình sử dụng.

Năm 1871, ông mất tại quê nhà. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Nguyễn Trường Tộ có điểm đầu: giáp với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối: giáp với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,079 km; chiều rộng: 7 m.

**29. Đường Nguyễn Trãi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trãi).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TRÃI**

**(1380 – 1442)**

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, sinh năm 1380, quê ở làng Chi Ngại (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương) sau rời về làng Ngọc Ổi (nay thuộc xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội). Cha là Nguyễn Phi Khanh, một học trò nghèo, học giỏi, đỗ Thái học sinh. Mẹ là Trần Thị Thái, con quan tư đồ Trần Nguyên Đán, dòng dõi quí tộc.

Ông thi đỗ Thái học sinh năm 1400 và từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi đất nước bị rơi vào ách thống trị của nhà Minh (Trung Quốc), năm 1418, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo và trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn trong việc bày tính mưu kế cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với quân Minh.

Ông là bậc khai quốc công thần và là văn thần có uy tín ở thời đầu nhà Hậu Lê. Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình của ông bị tru di tam tộc trong vụ án Lệ Chi Viên. Ngày 01 tháng 9 năm 1442, sau khi vua Lê Thái Tông đi duyệt binh ở Chí Linh, đã vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Khi vua rời Côn Sơn, về đến Trại Vải (Lệ Chi Viên, Bắc Ninh) bị chết đột ngột. Lúc chết có Nguyễn Thị Lộ, người thiếp của Nguyễn Trãi, lúc ấy phụ trách dạy dỗ các cung nữ (chức Lễ nghi học sĩ) hầu bên cạnh. Bọn triều thần bấy lâu nay muốn hãm hại Nguyễn Trãi, nhân cơ hội này liền vu cho ông cùng Nguyễn Thị Lộ mưu giết vua, khiến ông phải nhận án tru di tam tộc (bị giết cả ba họ). Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho ông.

Các tác phẩm của ông: *Đại cáo bình Ngô* xứng đáng là áng “Hùng văn muôn thuở”, được xem là bản Tuyên độc lần thứ hai của nước ta, bộ *Quốc âm thi tập* là tập thơ tiếng Việt (chữ Nôm) sớm nhất có giá trị lớn còn lại đến ngày nay. Ông đã góp phần xây đắp nền móng vững chắc cho nền văn học dân tộc. Năm 1980, ông được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới và tổ chức kỷ niệm 600 năm năm sinh của ông.

Đường Nguyễn Trãi có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trọng Dân; điểm cuối: giáp với đường Nguyễn Huệ; chiều dài: 0,840 km; chiều rộng: 9 m.

**30. Đường Phan Châu Trinh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Châu Trinh).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN CHÂU TRINH**

**(1872 – 1926)**

Phan Châu Trinh, tự là Tử Cán, hiệu Tây Hồ, Hy Mã, sinh năm 1872 tại làng Tây Lộc, huyện Hà Đông, nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, học giỏi, đỗ cử nhân (1900), đỗ phó bảng (1901). Năm 1903, ông được bổ làm Thừa biện bộ Lễ. Chính vào thời gian làm việc ở kinh đô Huế, ông có dịp tiếp xúc với tân thư của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, sách của các nhà cách mạng dân chủ Âu Tây cùng những kế sách của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ.

Từ đó, ông bước đầu nhận thức ra con đường cứu nước mới, nên ông đã từ quan, đi tìm một phương sách cứu nước. Năm 1904, ông cùng hai người bạn đồng hương và cũng là đồng chí (Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp) phát động phong trào Duy tân ở Quảng Nam.

Đầu năm 1906, ông ra Bắc bàn với nhân sĩ Bắc Kỳ về phong trào Duy tân, tham gia giảng dạy ở Đông Kinh nghĩa thục Hà Nội. Ông còn lên tận Phồn Xương thuộc chiến khu Yên Thế, gặp Hoàng Hoa Thám, rồi tìm đường sang Trung Quốc, Nhật Bản gặp Phan Bội Châu để quan sát tìm hiểu, nghiên cứu đường lối duy tân, tự cường của Nhật. Cuối năm này, ông về nước, viết “Đầu Pháp chính phủ thư” (thường gọi là Thư gửi Chính phủ Pháp), trình bày những nỗi khổ cực, bần hàn của dân ta dưới chế độ bảo hộ. Bằng sự khôn khéo của mình, ông đã vận động được một người Pháp cấp tiến, lúc bấy giờ đang làm chủ nhiệm tờ “Đại Việt tân báo” dịch từ bản chữ Hán sang Pháp văn và đăng trên Tập san nghiên cứu của Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp ở Hà Nội. Bài viết được bất ngờ tung ra, gây thành dư luận xôn xao trong tầng lớp trí thức, viên chức Pháp, Việt và được coi như là tuyên ngôn của phong trào Duy Tân.

Năm 1908, khi phong trào chống thuế, đòi giảm sưu bùng phát ở Quảng Nam, rồi lan nhanh ra 10 tỉnh Trung Kỳ, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp. Lúc này, Phan Châu Trinh đang làm báo ở Hà Nội, nhưng thực dân Pháp viện cớ cho ông là người khởi xướng, bắt ông giải về Huế, giao cho Nam triều kết án, đày đi Côn Đảo.

Nhờ Hội Nhân quyền ở Pháp can thiệp, nên đến cuối năm 1911, chính quyền thực dân buộc phải trả tự do cho ông, nhưng đưa về quản thúc ở Mỹ Tho. Ông phản đối quyết liệt, gửi thư cho Chính phủ Pháp yêu cầu hoặc trả ông về Côn Lôn, hoặc để ông tự do sang Pháp. Thực dân Pháp cuối cùng đành chấp nhận để ông sang Pháp với người con trai là Phan Châu Dật.

Trong thời gian sống ở Pháp (1911-1925), Phan Châu Trinh đã phải tự lao động để sống, nhiều khi đói lạnh, cơ cực, nhưng không quên nhiệm vụ vận động cứu nước. Ông có nhiều quan hệ gắn bó với Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh), thường giao du mật thiết với Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh. Nguyễn Tất Thành gọi ông là “Nghi bá” (người bác kết nghĩa với cha mình) hoặc là bác và tự xưng là cháu, hoặc “cuồng điệt” (đứa cháu hăng say).

Năm 1914, chiến tranh Pháp - Đức bùng nổ, ông bị vu cáo là làm gián điệp cho Đức và bị bắt giam ở ngục Santé gần một năm. Thời gian ở Pháp, ông đã viết “Trung Kỳ dân biến thỉ mạt ký” (nói rõ nguyên nhân dẫn đến các cuộc biểu tình năm 1908 và minh oan cho các nhân sĩ bị Pháp bắt, tù đày, đặc biệt ông đã vạch trần bản án gian trá giết chết tiến sĩ Trần Quý Cáp).

Cũng trong thời gian ở Pháp, ông viết các tác phẩm: Tỉnh quốc hồn ca I và II; Santé thi tập. Đặc biệt tác phẩm cuối cùng là Thư thất điều gởi cho vua Khải Định khi ông vua bù nhìn này sang thăm nước Pháp.

Tháng 6-1925, ông được Chính phủ chấp thuận cho về nước. Do làm việc quá sức, bệnh cũ tái phát, ông lâm bệnh nặng và mất tại Sài Gòn ngày 24-3-1926. Đám tang ông đã trở thành một quốc tang (Deuil national), được cử hành trọng thể ở Sài Gòn. Hơn 140.000 người tham dự cuộc tiễn đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng. Đước biết, dân số Sài Gòn thời ấy chưa đến nửa triệu người.

Học giả Hoàng Xuân Hãn nhận xét đám tang Phan Châu Trinh là một cuộc biểu dương lực lượng vĩ đại tinh thần yêu nước chống thực dân Pháp không phải chỉ của mười mấy vạn người ở Sài Gòn, mà là của hàng triệu đồng bào cả nước. Tên ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Phan Châu Trinh có điểm đầu: giáp với đường Lưu Thị Dung; điểm cuối: giáp với đường Phan Đình Phùng; chiều dài: 0,340 km; chiều rộng: 7 m.

**31. Đường Lý Tự Trọng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lý Tự Trọng).

Tiểu sử danh nhân:

**LÝ TỰ TRỌNG**

**(1914 – 1931)**

Lý Tự Trọng tên thật là Lê Hữu Trọng sinh năm 1914 tại Bản Mạy, tỉnh Nakhon, Thái Lan; nguyên quán làng Việt Xuyên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Do không chịu nổi cảnh áp bức, bóc lột của thực dân phong kiến, gia đình của ông cùng bà con rời quê hương sang Thái Lan sinh sống và tham gia hoạt động yêu nước. Gia đình Lê Hữu Trọng là một trong những cơ sở cách mạng, đây là nơi bồi dưỡng cán bộ và là trường quốc ngữ của Hội Việt kiều. Lớn lên, ông được gia đình cho đi học tại ngôi trường trong Trại Cày do cụ Đặng Thúc Hứa - một sỹ phu yêu nước tổ chức dạy văn hóa. Vốn có tư chất thông minh, ông tiếp thu nhanh, đặc biệt thuộc và say mê văn thơ yêu nước của cụ Phan Bội Châu.

Sau đó, ông được gia đình đưa vào học tại “Hoa Anh học hiệu” - đây là trường chuyên dạy tiếng Trung và tiếng Anh. Ông là học sinh giỏi của Trường, nói tốt tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Thái Lan.

Mùa hè năm 1926, thực hiện ý kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Hồ Tùng Mậu - thành viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đến Thái Lan gặp cụ Đặng Thúc Hứa, truyền đạt yêu cầu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về việc chọn một số con em gia đình Việt kiều yêu nước đưa sang Quảng Châu đào tạo lâu dài để chuẩn bị xây dựng tổ chức cộng sản ở Việt Nam, ông là một trong số các thiếu niên được lựa chọn. Đến Quảng Châu, nhóm thiếu niên này được gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (lúc này mang tên Lý Thụy). Để đảm bảo bí mật, các thiếu niên đều mang họ Lý coi như người trong một gia tộc, do đó Lê Hữu Trọng đổi tên thành Lý Tự Trọng.

Năm 1929, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam lần lượt ra đời, ông được cử về nước hoạt động tại Sài Gòn - Chợ Lớn, đảm nhận nhiệm vụ liên lạc trong và ngoài nước cho Xứ ủy Nam Kỳ và Trung ương Đảng, đồng thời được giao nhiệm vụ đặc biệt: vận động tập hợp thanh niên trong các nhà máy, trường học để chuẩn bị thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản trong nước.

Nhân dịp kỷ niệm một năm cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930-1931), Xứ ủy Nam Kỳ quyết định tổ chức một đợt tuyên truyền tố cáo tội ác của thực dân Pháp và kêu gọi quần chúng đấu tranh. Ngày 08/02/1931, lợi dụng lúc bà con đi xem bóng đá ở sân vận động Sài Gòn, các chiến sĩ cách mạng tổ chức một cuộc mít tinh chớp nhoáng, cờ đỏ búa liềm giương cao, một đồng chí đứng lên diễn thuyết kêu gọi quần chúng đánh đổ thực dân Pháp. Giữa lúc ấy tên thanh tra mật thám Pháp Le Grand và bọn cảnh sát đi cùng ập tới. Không còn cách nào khác, để cứu đồng chí mình, ông đã rút súng tiêu diệt tên thanh tra mật thám cứu thoát đồng chí diễn thuyết. Bị vây hãm ráo riết, ông đã bị bắt.

Một tên phản bội khai ra tên anh là “Trọng con” và làm công tác liên lạc quan trọng, địch đã dùng nhiều đòn tra tấn dã man với ông, nhưng bằng tinh thần thép và ý chí cách mạng kiên cường, ông đã thản nhiên chịu đựng tất cả đòn roi của kẻ địch.  Giam cầm, tra tấn ở khám lớn Sài Gòn một thời gian không thu được kết quả, địch đưa anh về xử án, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã mở một phiên tòa đại hình để xử một chiến sĩ cộng sản Việt Nam chưa đầy 18 tuổi. ông đã bị kết án tử hình.

Đứng trước cái chết, ông không hề run sợ, chủ động biến phiên tòa của đế quốc thành một diễn đàn của người chiến sĩ cộng sản. Khi luật sư bào chữa xin bọn thực dân “mở lượng khoan hồng” vì ông chưa đến tuổi trưởng thành và “hành động thiếu suy nghĩ”, ông đã gạt phắt đi và dõng dạc nói: “Tôi hành động có suy nghĩ, tôi hiểu việc tôi làm, tôi làm vì mục đích cách mạng. Tôi chưa đến tuổi thành niên thật, nhưng tôi đủ trí khôn để hiểu rằng con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng và không thể là con đường nào khác”. Ý chí và hành động của ông là minh chứng hùng hồn về bản lĩnh kiên cường, lòng trung thành, tinh thần bất khuất của người cộng sản, đồng thời là bức thông điệp báo trước sự sụp đổ của thực dân phong kiến và sự tất thắng của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực dân Pháp không dám thi hành án công khai, lợi dụng lúc nửa đêm về sáng ngày 21/11/1931 chúng đã hèn hạ dựng máy chém ở ngay khám lớn Sài Gòn hòng giết ông trong im lặng, nhưng tấm gương đấu tranh kiên cường, anh dũng và những tiếng hô của ông: “Đả đảo thực dân Pháp”, “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”, “Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm” đã cổ vũ mạnh mẽ, tạo một làn sóng phản đối tội ác của thực dân Pháp, tinh thần cách mạng bất khuất của ông đã làm cho kẻ thù khiếp sợ và đã động viên, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng trong cả nước lúc bấy giờ và là tấm gương cho các thế hệ thanh niên noi theo.

Đường Lý Tự Trọng có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giáp với đường Trương Định; chiều dài: 0,210 km; chiều rộng: 12 m.

**32. Đường Hai Bà Trưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hai Bà Trưng).

Tiểu sử danh nhân:

**HAI BÀ TRƯNG**

Hai Bà Trưng là danh xưng của bà Trưng Trắc và bà Trưng Nhị.

Trưng Trắc sinh năm 14 sau công nguyên, là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh (nay là huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) thuộc dòng dõi Hùng Vương. Bà là một phụ nữ đảm đang, dũng cảm, giàu lòng yêu nước. Chồng bà là Thi Sách, con trai Lạc tướng huyện Châu Diên (nay thuộc hai tỉnh Nam Định và Hà Nam) cũng là một người yêu nước và có chí khí quật cường.

Trưng Nhị sinh năm 14 sau công nguyên. Tương truyền, bà là em sinh đôi với Trưng Trắc, có tính cách mạnh mẽ giống như chị.

Dưới ách thống trị của nhà Hán (Trung Quốc), nhân dân ta bị đàn áp và bóc lột tàn bạo. Trước tình hình đó, hai gia đình Lạc tướng Mê Linh và Châu Diên với sự ủng hộ của nhân dân cùng nhau liên kết với các thủ lĩnh khác chuẩn bị khởi nghĩa. Đúng lúc đó, Thi Sách bị Thái thú Tô Định giết chết. Hành vi bạo ngược của Tô Định không làm bà nhụt chí; mà ngược lại, bà càng quyết tâm tiến hành cuộc khởi nghĩa để đền nợ nước, trả thù nhà, giành lại nền độc lập cho đất nước

Tháng 3 năm 40, bà Trưng Trắc cùng em là bà Trưng Nhị phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát (nay thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội). Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh. Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến đánh Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội); rồi từ đó tiến về Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), trung tâm của chính quyền đô hộ.

Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, các cuộc khởi nghĩa ở bốn quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đã thống nhất thành một phong trào nổi dậy rộng lớn cả nước. Bị đòn bất ngờ, chính quyền đô hộ tan rã và sụp đổ nhanh chóng. Quân Hán hoảng sợ bỏ hết của cải, vũ khí, chạy tháo thân về nước. Tô Định phải cắt tóc, cạo râu, mặc giả thường dân, lẩn vào đám tàn quân trốn về Trung Quốc. Chỉ trong vòng không đầy một tháng, cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi, giành lại nền độc lập dân tộc sau hơn hai thế kỷ bị phong kiến nước ngoài đô hộ. Bà Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua (Trưng Vương) và đóng đô ở Mê Linh.

Năm 42, nhà Hán sai Mã Viện đem 2 vạn quân và 2 ngàn xe thuyền sang xâm lược nước ta. Trong cuộc chiến đấu chống giặc ở Lãng Bạc (nay là khu vực Hồ Tây thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), quân của Hai Bà Trưng bị thiệt hại nặng, phải lui về Cổ Loa, rồi Cấm Khê (nay thuộc huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) lập căn cứ chống giữ. Sau một năm chiến đấu quyết liệt, Hai Bà Trưng đã anh dũng hy sinh vào mùa hè năm 43.

Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai nữ anh hùng dân tộc đầu tiên trong  lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Đường Hai Bà Trưng có điểm đầu: giáp với đường Võ Duy Linh; điểm cuối: giáp với đường Thủ Khoa Huân; chiều dài: 0,560 km; chiều rộng: 7 m.

**33. Đường Hoàng Tuyển**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hoàng Tuyển).

Tiểu sử danh nhân:

## HOÀNG TUYỂN

**(1912 – 1999)**

Hoàng Tuyển, có tên thật là Chung Kim Tiền, sinh năm 1912 tại làng Tân Niên Trung, tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Tân Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Do có năng khiếu hội học, ông được gia đình cho đi học vẽ với ông Nguyễn Thanh Dương, một họa sĩ học từ Pháp về, ở làng Đồng Sơn (nay là xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Sau đó, được sự giới thiệu của thầy, ông học vẽ với họa sĩ Huỳnh Phan, cũng học từ Pháp về. Được các gánh cải lương ở Nam kỳ mời, ông cùng với họa sĩ Huỳnh Phan chuyển sang chuyên vẽ phông màn và trang trí sân khấu.

Khoảng năm 1932 - 1933, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, nhiều gánh cải lương bị giải tán, ông được một người làm thầu khoán xây dựng tên là René Được nhận vào làm nghề trang trí nội thất. Được một thời gian, ông thầu khoán này kinh doanh bị thất bại, ông chuyển đến gánh cải lương Hề Lập với nhiệm vụ vẽ phông màn và trang trí sân khấu.

Từ đây, ông mở rộng mối quan hệ làm ăn với các gánh cải lương danh tiếng (đại ban) ở Sài Gòn, như Hoa Sen, Tiến Hóa, Tô Huệ, Phụng Hảo, v.v… Trong thời kỳ này, tài năng của ông bắt đầu nở rộ. Tuy chuyên vẽ phông màn và trang trí sân khấu cho những gánh cải lương lớn, nhưng những gánh cải lương nhỏ, hát ở các tỉnh, nhờ ông vẽ phông màn, ông cũng không từ chối. Biết những gánh này nghèo, nên ông đã sáng tạo ra cách vẽ phông màn mới, chỉ cần có một tấm mà dùng được cho nhiều cảnh bằng cách vẽ lộn đầu đuôi vẫn dựng được. Các phông đó để chiều này là vườn hoa, xoay ngược lại là cảnh rừng núi, có suối chảy, có mây bay; hoặc như nội thất thì để xuôi là cảnh nhà giàu, xoay ngang ra lại là cảnh nhà nghèo, tường long, vách lở, chỉ thay đổi đôi chút trang trí bàn ghế là đạt yêu cầu. Còn đối với những gánh hát giàu có, ông lại có cách vẽ khác là làm sao thật rực rỡ, chiếu đèn vô trông lung linh, nhìn không chán mắt. Cách vẽ này được các bầu gánh và khán giả hoan nghinh nhiệt liệt.

Tháng 8-1945, ông tham gia cách mạng tại quê nhà. Đầu tháng 10/1945, ông trích tay lấy máu vẽ chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bức tranh được trưng bày tại cuộc triển lãm được tổ chức ở đình Trung, thị xã Gò Công; và được ông Trương Văn Huyên - một nhân sĩ ở làng Tân Duân Đông (nay là xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) mua với giá 15.000 đồng. Đó là một số tiền rất lớn, tương đương mấy ngàn giạ lúa. Số tiền đó đã được nộp vào Quỹ “Tuần lễ vàng” để giúp cho cách mạng có kinh phí hoạt động.

Bằng tác phẩm nghệ thuật độc đáo đó, ông là họa sĩ đầu tiên ở nước ta vẽ chân dung Bác Hồ bằng máu của chính mình; thể hiện lòng tôn kính của người nghệ sĩ; và qua đó, của nhân dân Nam bộ đối với vị Lãnh tụ anh minh của dân tộc. Ông đã để lại một dấu ấn đặc biệt của nền hội họa hiện đại Việt Nam. Tiếc rằng, bức tranh bằng máu vô giá này không còn nữa, vì sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh.

Cuối tháng 10-1945, sau khi giặc Pháp tái chiếm Gò Công, ông cùng với lực lượng bộ đội chuyển quân đến căn cứ Rừng Sác - Lý Nhơn (nay thuộc huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh) tiếp tục kháng chiến. Giữa năm 1946, ông được điều động về Phòng Chính trị thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 8 đóng ở chiến khu Đồng Tháp Mười làm công tác văn nghệ, tuyên truyền.

Năm 1947, ông được cấp trên phân công thiết kế Nhà triển lãm tại Thiên Hộ (nay thuộc xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) nhân Đại lễ kỷ niệm hai năm ngày Quốc khánh nước ta (02/9/1945 – 02/9/1947) do Ủy ban Kháng chiến Nam bộ tổ chức. Nhà triển lãm được hoàn thành chỉ trong vòng một tháng, rất hoành tráng, rực rỡ và tuyệt đẹp.

Mùa nước nổi năm 1948, trong điều kiện hết sức khó khăn, chỉ trong vòng một tháng, ông đã hoàn thành việc vẽ 12 bức tranh chân dung Hồ Chủ tịch, khổ 1m x 1,2m, theo yêu cầu của cấp trên để làm phần thưởng cho các đơn vị đạt được thành tích xuất sắc trong chiến đấu của quân khu. Với những tác phẩm hội họa này, ông đã được bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Chủ tịch Ủy ban Hành chánh - Kháng chiến Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, gởi thư khen:  “… Tôi cùng với phái đoàn Nam Bộ vừa đi họp Hội nghị từ Trung ương mới về tới. Đâu đâu, phái đoàn chúng tôi cũng được chính quyền và đồng bào địa phương chào mừng, đón tiếp trọng thể… Tôi đã được chính quyền và đồng bào địa phương tặng cho một tấm hình chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là một bức vẽ rất đẹp, rất giống… Tôi đã đưa về cơ quan lồng kiếng và treo ngay văn phòng, để ngày nào tôi cũng được trông thấy và tưởng như Người đang ở trước mặt mình… Được biết chân dung này do họa sĩ Hoàng Tuyển thuộc Phòng Chính trị Quân khu 8 tạo nên. Tôi gởi thư này tỏ lòng khen ngợi người nghệ sĩ đã đem tài năng mình cống hiến cho cách mạng…”.

Cũng trong thời gian này, ông đã thiết kế mỹ thuật cho tất cả các vở cải lương và kịch nói do Đoàn Văn công Nam bộ trình diễn. Những sân khấu do ông thiết kế đều lộng lẫy, mặc dù vật liệu chủ yếu vẫn là tre nứa và đệm bàng.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, công tác tại Đoàn cải lương Nam bộ, phụ trách công việc trang trí sân khấu và thiết kế phục trang. Đặc biệt, tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 1956, với vở Quang Trung do Đoàn tuồng cổ Liên khu V trình diễn, ông được trao tặng Huy chương Vàng về thiết kế sân khấu và phục trang.

Sau đó, ông được mời thiết kết trang phục cho Đoàn ca múa Việt Nam đi dự Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới được tổ chức tại thủ đô Viên (Vienne) của nước Áo; sau đó, sẽ đi biểu diễn tiếp ở Liên Xô, các nước XHCN Đông Âu, Ấn Độ và Miến Điện (nay là Myanmar). Với tinh thần trách nhiệm cao độ, ông đã miệt mài lao động nghệ thuật sáng tạo trong suốt sáu tháng để cho ra đời hơn một trăm phác thảo trang phục cho 12 tiết mục ca, múa của đoàn, chủ yếu là múa nón, múa quạt, múa bướm, múa cồng chiêng, múa dưới trăng… Những phác thảo đó đã được Hội đồng nghệ thuật nhất trí thông qua.

Trước ngày lên đường, với tư cách là Phó Bí thư chi bộ và phụ trách nội bộ của đoàn, ông cùng với toàn thể diễn viên được vào Phủ Chủ tịch biểu diễn báo cáo; nhất là được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên, dặn dò Đoàn khi lần đầu tiên đi biểu diễn ở nước ngoài.

Sau ngày đất nước được hòa bình, thống nhất (năm 1975), ông trở về miền Nam, sinh sống và công tác ở thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1992, mặc dù tuổi cao sức yếu, ông vẫn cùng với người học trò giỏi của mình là nhà điêu khắc Diệp Minh Châu miệt mài lao động nghệ thuật, sáng tác tượng đài Trương Định đặt tại trung tâm thị xã Gò Công; và xem đó là nghĩa vụ của người con Gò Công đối với quê hương của mình.

Năm 1993, ông được Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý: Nghệ sĩ Nhân dân. Tuy đã về hưu, nhưng ông vẫn sống lạc quan và tiếp tục sáng tác, phục vụ đất nước và nghệ thuật. Vì thế, nghệ sĩ lão thành Hồ Bông đã có bài thơ ca ngợi ông:

Mạch máu tim tuôn thắm đỏ dòng,

Suốt đời gạn đục để khơi trong…

Chim bằng tung cánh bay chưa mỏi…

Ngang dọc trời xanh trải tấm lòng.

Bát ngát mênh mông một chữ tình.

Dẫu đà trắng tóc, mộng luôn xanh…

Rỏ máu tưới hoa, tô cuộc sống

Rút ruột tặng đời, dệt gấm tranh.

Bóng xế… đường xa… vẫn đón Xuân,

Xuân đi, xuân đến, đã bao lần?!

Mạch đời tiếp nối, mừng Xuân mới,

Gởi Anh lời chúc:“VẠN HỒI XUÂN!

Ông mất năm 1999 tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã có công lao to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và nền nghệ thuật nước nhà. Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Hoàng Tuyển có điểm đầu: giáp với đường Võ Văn Kiết; điểm cuối: giáp với đường Võ Duy Linh nối dài; chiều dài: 0,630 km; chiều rộng: 8 m.

**34. Đường Phan Thị Bạch Vân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Thị Bạch Vân).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN THỊ BẠCH VÂN**

**(1903 – 1980)**

Phan Thị Bạch Vân, tên thật là Phan Thị Mai, bút danh Hoàng Thị Tuyết Hoa, sinh năm 1903, tại làng Bình Trước, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa (nay là phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Bà kết hôn với ông Võ Đình Dần, chủ một nhà thuốc gia truyền nổi tiếng ở Gò Công. Năm 1928, bà theo chồng về Gò Công sinh sống. Được sự tài trợ của chồng, bà lập nhà in và nhà xuất bản mang tên Nữ lưu thơ quán đặt tại số 24-26, đường Chủ Phước (nay là đường Rạch Gầm, thị xã Gò Công), làng Thành Phố, tổng Hòa lạc Hạ, tỉnh Gò Công với mục đích không chỉ đơn thuần là công việc kinh doanh; mà còn nhằm truyền bá những tác phẩm tiến bộ, đặc sắc của nền văn học thế giới và nền văn học Việt Nam cho nhân dân ta, nhất là giới phụ nữ, để góp phần giáo dục đạo đức, luân lý và nâng cao trình độ hiểu biết cho mọi người.

Còn nhà văn Nguyễn Vỹ cho rằng, vào đầu thế kỷ XX, sách của Nữ lưu thơ quán ở Gò Công cùng với sách của Nam Đồng thư xã ở Hà Nội và sách của Quan Hải tùng thư ở Huế đã “*đào tạo cho thanh niên một tinh thần cách mạng và bồi dưỡng lòng ái quốc hăng say*”, là “*sách để đầu giường*” của thanh niên - học sinh.

Chính vì thế, bà đã quy tụ được nhiều nhà văn có uy tín ở trong nước lúc bấy giờ để dịch thuật những bộ truyện hay, những tác phẩm nổi tiếng của Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp và Việt Nam nhằm giới thiệu rộng rãi cho độc giả trong nước.

Từ đó, các tác phẩm danh tiếng của Việt Nam và trên thế giới đã lần lượt được xuất bản và được phát hành trên cả nước, như *Nữ tài tử*, *Tây sương ký*, *Hồng lâu mộng* (Trung Quốc), *Tiểu sử nhà cách mạng Gandhi* (Ấn Độ), *Truyền kỳ mạn lục*, *Chinh phụ ngâm*, *Kim Vân Kiều*, *Vân Tiên truyện* (Việt Nam), những bộ tiểu thuyết của các nhà văn Pháp, như Victor Hugo (*Nhà thờ Đức bà Paris*, *Những người khốn khổ)*, René de Balzac (một số quyển trong bộ *Tấn trò đời*), Anatole France (*Những khát vọng của Jean Servier*, *Lò quay của hoàng hậu Pédauque*, *Sự nổi loạn của những vị thiên thần*), Alexandre Dumas cha (*Ba chàng ngự lâm pháo thủ*, *Hầu tước Monte Cristo*), Alexandre Dumas con (*Trà hoa nữ*, *Giới thương lưu*), Émile Zola (*Quán rượu*, *Ba thành phố nhỏ*), sách khoa học, triết học, chính trị, như *Sản dục giám*, *Mỹ quốc cách mạng sử*, *Học thuyết lược khảo* (dịch của nhà cách mạng Trung Quốc Lương Khải Siêu), nhất là do Nữ lưu thơ quán xuất bản, v.v…

Theo tác giả David Marr trong quyển *Truyền thống Việt Nam trước thử thách: 1920 - 1945*, đến năm 1929, Nữ lưu thơ quán đã xuất bản được 16 đầu sách và chuẩn bị xuất bản thêm 9 đầu sách tiếp theo; đồng thời, đại diện của nhà in và nhà xuất bản Nữ lưu thơ quán cũng được đặt tại 7 địa điểm trên cả nước; thậm chí còn có 2 điểm bán sách cho sinh viên ở Paris (Pháp).

Năm 1930, chính quyền thực dân buộc Nữ lưu thơ quán phải giải thể vì những hoạt động có tính cách “quốc sự” của nhà in và nhà xuất bản này. Với những việc làm kể trên, bà đã góp phần tích cực vào công cuộc chấn hưng nền học thuật của nước nhà; cũng như khêu gợi lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc cho nhân dân trong những thập niên đầu thế kỷ XX. Trong cuốn *Văn học quốc ngữ Nam Kỳ 1865 - 1930*, tác giả Bằng Giang đã ghi nhận sự xuất hiện của Nữ lưu thơ quán trong tiến trình cải cách tư tưởng người dân Nam kỳ như sau: “… *Nội dung sách luân lý từ cuối thế kỷ XIX (chủ yếu là sách dịch) đến đầu thế kỷ XX lần hồi cũng có thay đổi  (sách biên soạn) tuy chậm. Mãi đến gần cuối thập kỷ 20 mới thấy hai tác phẩm ngay ở tên sách đã như là một tiếng trống báo hiệu một giai đoạn mới đã chín muồi trong tiến trình xã hội và văn học: Nam nữ bình quyền (1928) và Phụ nữ dự gia đình (1929)*”.

Nhận xét về bà và Nữ lưu thơ quán, tác giả Lê Thị Thanh Tâm trong bài *Phan Thị Bạch Vân và tinh thần phụ nữ* viết: “*Sự hình thành một “tinh thần phụ nữ” có màu sắc riêng của thơ quán Gò Công nằm trong chuỗi hình thành tinh thần thời đại mà giới trí thức Việt Nam lúc bấy giờ đang nỗ lực xây dựng cách này hay cách khác; trong đó nổi lên hai vấn đề lớn là luân lý và quốc học. Tinh thần quốc học theo Lê Dư bao gồm cả quốc văn, quốc sử và quốc túy. Việc giới thiệu sử truyện và học thuyết dân chủ, khoa học của người Pháp trong hoạt động của thư quán chứng tỏ người chủ nhiệm thư quán ý thức rất rõ con đường quốc sử và quốc túy thông qua quốc văn – dùng chữ quốc ngữ để dịch và giới thiệu các tư tưởng mới. Sự thu hút rất hiệu quả các cây bút sáng tác có tiếng lúc bấy giờ vào hoạt động chung của thư quán cũng là một đóng góp lớn của Phan Thị Bạch Vân trong việc tạo ra một hiệu ứng tinh thần quốc học từ các cây bút nữ lưu Nam và Trung kỳ … Chúng ta có thể hình dung tư tưởng tiến bộ ở tầm cao của người sáng lập và phụ trách mô hình Nữ lưu thơ quán. Với tôn chỉ và mô hình hoạt động của mình, Nữ lưu thơ quán Gò Công trở thành một trong những hiện tượng phụ nữ làm văn hóa độc đáo nhất trong lịch sử văn hóa văn học Nam bộ đầu thế kỷ XX*”.

Ngoài việc thành lập Nữ lưu thơ quán, bà còn nhà báo khi đảm nhận nhiệm vụ trợ bút cho *Đông Pháp thời báo*, chuyên phụ trách mục “Phụ trương phụ nữ và nhi đồng” và là tác giả của nhiều bài xã thuyết sâu sắc. Đồng thời, bà cũng là nhà văn. Bà viết xã thuyết, truyện ngắn hay tiểu thuyết đều nhắm đến việc giác ngộ, tuyên truyền tinh thần yêu nước cho nhân dân và nhấn mạnh đến vai trò to lớn của phụ nữ trong công cuộc giải phóng dân tộc.

Đánh giá về vai trò của bà đối với phong trào yêu nước và hoạt động văn hóa, văn học, tác giả Nguyễn Kim Anh đã viết trong quyển *Tiểu thuyết Nam bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* như sau: “*Một điều gần như chắc chắn, bà là người phụ nữ đầu tiên trong thế kỷ XX ở Nam bộ nói riêng và trong cả nước nói chung biết kết hợp song song những hoạt động thương mại và hoạt động truyền bá văn hóa, văn học một cách tài tình và hiệu quả*”.

Tác giả Lê Thị Thanh Tâm cũng có ý kiến tương tự: “*Từ nội dung luân lý và quốc học như đã nêu, Nữ lưu thơ quán Gò Công là sự xuất hiện đột phá của nữ giới Nam kỳ trong tiến trình hiện đại hóa ý thức văn học đầu thế kỷ XX. Với nhãn quan tiến bộ về lịch sử xã hội, với khả năng quản lý kinh tế tốt và tiềm năng học thuật cao, Phan Thị Bạch Vân là trụ cột tinh thần cho Nữ lưu thơ quán Gò Công từ năm 1928 đến năm 1930 – một trong những hoạt động đầu tiên của phụ nữ Nam kỳ thể hiện bước chuyển mình chín muồi của thời đại đối với các vấn đề canh tân và chống đối ý thức hệ thực dân*”.

Bà mất năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Di cốt của bà được thờ tại chùa Giác Ngộ, đường Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Tên bà được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Thị Bạch Vân có điểm đầu: giáp với sông Gò Công; điểm cuối: giáp với đường Hồ Biểu Chánh; chiều dài: 1,170 km; chiều rộng: 7 m.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở thị xã Gò Công:**

**Khái niệm Cầu**

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch[,](https://wiki.edu.vn/wiki/index.php?title=H%E1%BB%93) hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

**Trên Đường tỉnh 862: 02 địa danh**

**1. Cầu** **Nguyễn Văn Côn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Côn).

Tiểu sử nhân vật lịch sử:

Nguyễn Văn Côn, tên thật là Nguyễn Hoài Ngọc, bí danh Thành Vĩnh, sinh năm 1893 tại làng Vĩnh Hựu, tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công (nay là xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trung nông có truyền thống yêu nước. Ông nội của ông là Nguyễn Văn Chung, một trong những thủ lãnh nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Trương Định.

Năm 1908, khi mới 14 tuổi, ông gia nhập Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức yêu nước có cơ sở ở Gò Công. Năm 1910, được sự cố vấn của một số nhà yêu nước, ông thành lập Cộng hòa hội, nhằm tập hợp thanh niên và tuyên truyền ý thức đấu tranh chống áp bức, bất công.

Sau đó, ông lên Sài Gòn, làm công nhân cho hãng Faci. Tại đây, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Năm 1921, ông gia nhập Công hội đỏ. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên của công nhân Sài Gòn hoạt động theo con đường cách mạng vô sản do Tôn Đức Thắng thành lập và làm Hội trưởng. Do tinh thần kiên định cách mạng và năng nỗ trong công tác nên ông được hội viên tín nhiệm bầu làm Phó Hội trưởng.

Năm 1924, ông được Ban Lãnh đạo Công hội đỏ phân công về Gò Công xây dựng phong trào. Tại đây, ông tiến hành củng cố và mở rộng tổ chức Cộng hòa hội do ông thành lập trước đó. Để tạo thế hợp pháp, tổ chức này được đổi tên thành Hội cúng thánh Khổng Tử, gọi tắt là Hội Thánh. Hội có nhiệm vụ truyền bá sách báo tiến bộ, dạy chữ quốc ngữ, quyên góp tiền bạc giúp các nhà yêu nước hoạt động chống chính quyền thực dân, đặc biệt là giúp kinh phí cho những người xuất dương học làm cách mạng. Trong thời kỳ này, ông có dịp tiếp xúc với nhiều nhà yêu nước nổi tiếng, như Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Mai Văn Ngọc,…

Giữa năm 1925, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1926, do bắt liên lạc được với một số cán bộ của HVNCMTN, ông cử những thanh niên ưu tú ở Gò Công và Cần Thơ sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện do HVNCMTN tổ chức nhằm đào tạo cán bộ cho cách mạng.

Năm 1927, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh hội HVNCMTN tỉnh Gò Công. Đầu năm 1929, ông là Kỳ ủy viên của Kỳ bộ HVNCMTN Nam Kỳ; và được phân công xây dựng phong trào ở các tỉnh Gò Công, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long và Trà Vinh.

Tháng 8-1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản đảng; và thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Gò Công do ông làm Bí thư. Nhưng chỉ một tháng sau, ông bị địch bắt, kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đồng thời, ông ra sức học tập lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ chính trị và lập trường giai cấp.

Năm 1934, sau khi ra tù, mặc dù chưa bắt liên lạc được với tổ chức Đảng, nhưng ông vẫn hăng hái hoạt động, gầy dựng được nhiều cơ sở cách mạng và kết nạp một số đảng viên mới ở Gò Công. Do vậy, tháng 5-1940, ông lại bị địch quản thúc; và đến cuối tháng 11-1940, ông bị địch bắt giam khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra. Tuy vậy, trước đó, ông đã chỉ đạo các cơ sở cách mạng ở Gò Công có những hoạt động hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, như treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, phá đường giao thông, xô ngã cột điện,…

Cuối năm 1942, ông được trả tự do và nối liên lạc với Đảng. Tháng 10-1943, tại Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ lâm thời được tổ chức tại Chợ Gạo, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, ông hoạt động không mệt mỏi cho phong trào. Ông đi khắp nơi để vận động cách mạng, phát triển đảng viên, chuẩn bị đón thời cơ mới.

Sau ngày phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp (09-3-1945), khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện, ông và các đảng viên cộng sản ở Gò Công ráo riết xúc tiến công tác chuẩn bị giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 5 năm 1945, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Gò Công.Tháng 7-1945, ông chỉ đạo thành lập lực lượng Thanh niên tiền phong ở Gò Công. Giữa tháng 8-1945, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công. Ngày 21-8-1945, nhân dân làng An Thạnh Thủy (thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho) biểu tình kéo xuống làng Thạnh Nhựt (thuộc tổng Hòa Đồng Thượng, tỉnh Gò Công) lấy mộc của làng, tước súng của hương quản. Sự việc này làm cho chính quyền tay sai Pháp - Nhật ở Gò Công lâm vào tình thế lúng túng. Tỉnh trưởng Gò Công là Trần Hưng Ký phải mời ông với tư cách là đại diện Việt Minh đến gặp tại dinh tỉnh trưởng và khẩn thiết nhờ giải quyết. Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi, ngay trong đêm 21-8-1945, ông triệu tập cuộc họp bất thường của Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh Gò Công. Các đại biểu dự họp nhận định đã đến thời điểm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gò Công ra công khai hoạt động; đồng thời đi đến quyết định là phải dùng sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc tỉnh trưởng Gò Công từ chức, giao quyền cho Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công.

Ngày 24-8-1945, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức ở thị xã theo quyết định của Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời Gò Công để mừng cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ và chào mừng chính quyền cách mạng của tỉnh ra mắt nhân dân. Hơn 20.000 người bao gồm đủ các thành phần, từ 40 làng nô nức tuần hành đổ về sân vận động tỉnh. Trong buổi mít tinh, ông thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời tỉnh Gò Công, long trọng tuyên bố chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Gò Công vào tháng 10-1945, ông nhận lãnh trọng trách là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gò Công và cùng với tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Gò Công chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc tổng tuyển cử ngày 06/01/1946, ông được nhân dân Gò Công tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa 1 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuối tháng 4-1947, ông là Chủ nhiệm đầu tiên của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gò Công, nêu cao tấm gương đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc giải phóng đất nước.

Năm 1949, ông bị giặc Pháp bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết của người chiến sĩ cộng sản kiên cường, không khuất phục kẻ thù.

Năm 1954, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ông được Đảng và Nhà nước đón về và tập kết ra miền Bắc. Tuy sức khỏe có suy giảm vì những năm tháng ở trong lao tù bị giam cầm, hành hạ, nhưng ông vẫn miệt mài làm việc, được nhân dân tín nhiệm bầu làm Đại biểu Quốc hội các khóa 2, 3, 4, 5; đồng thời là cộng tác viên Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Ông là một trong những cán bộ cách mạng lão thành có uy tín lớn, nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Tôn Đức Thắng và Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường đến nhà riêng ở tại Hà Nội để thăm hỏi.

Sau năm 1975, ông trở về quê nhà sinh sống trong sự kính trọng và thương yêu của nhân dân Gò Công. Năm 1982, ông mất tại xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông được tặng thưởng nhiều huân huy chương, trong đó cao quý nhất là Huân chương Hồ Chí Minh. Ông là nhà cách mạng lão thành tiêu biểu nhất của Gò Công, được nhân dân và các thế hệ cán bộ cách mạng ở địa phương vô cùng kính trọng và ngưỡng mộ.

Tên của ông được đặt tên đường, tên cầu tại thị xã Gò Công, thị trấn Tân Hòa (huyện Gò Công Đông) và thị trấn Vĩnh Bình (huyện Gò Công Tây); tên trường trung học phổ thông ở huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Vị trí: Km 0+366, thị xã Gò Công, nằm trên Đường tỉnh 862.

- Cầu bắc qua: Nhánh sông Gò Công

- Quy mô: 3 nhịp dài 56,6m; mặt BTCT 7m; khổ cầu 10m; 12 dầm BTTA 18,6m; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

**2. Cầu** **Kinh/Kênh 16**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (16).

- Vị trí: Km 3+636, xã Long Hòa và xã Long Thuận, thị xã Gò Công, nằm trên Đường tỉnh 862.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 16

- Quy mô: 3 nhịp dài 45m (3x15); mặt BTCT 7m; khổ cầu 9,6m (1,3+7+1,3); Dầm BTCT 15m; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 16

- Năm đưa vào sử dụng: 1989

**Trên Đường tỉnh 871C: 01 địa danh**

**Cầu Xóm Sọc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động từ (Sọc: đường chạy ngang hay dọc).

- Vị trí: Km 3+487, xã Long Thuận, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 871C.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xóm Sọc.

- Quy mô: 3 nhịp dài 36,6m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 10m; Dầm thép

- Tải trọng (Tấn): 13

- Năm đưa vào sử dụng:

**Trên Đường tỉnh 873: 03 địa danh**

**1. Cầu** **Bình Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Làng Bình Thành).

- Vị trí: Km 5+000, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873.

- Cầu bắc qua: Nhánh sông Gò Công.

- Quy mô: 5 nhịp dài 111,86m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA gồm 6dầm/nhịp; Htt: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93[[15]](#footnote-15)

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

**2. Cầu Bình Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chí (Xã Bình Xuân).

- Vị trí: Km 9+427, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873.

- Cầu bắc qua: Sông Gò Công.

- Quy mô: 7 nhịp dài 290,7m; mặt BTCT rộng 9m lề đồng mức; khổ cầu 10m; dầm Supper T BTDƯL gồm 4dầm/nhịp; (BxH)= 30x5m; CĐdc: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

**3. Cầu Rạch Băng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch Băng).

- Vị trí: Km 11+752, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Tiếp nước Bình Đông

- Quy mô: 5 nhịp dài 75m (5x15); mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; dầm BTDƯL loại GTNT

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

**Trên Đường tỉnh 873B: 02 địa danh**

**1. Cầu Cống Đập**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Đập).

- Vị trí: Km 3+328, xã Long Chánh, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873B

- Cầu bắc qua: sông Gò Công

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m (2x9+12); mặt BTCT rộng 3,6m; khổ cầu 4m; dầm BTCT

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

**2. Cầu Tân Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + D8i5a danh hành chính (Xã Tân Trung).

- Vị trí: Km 6+266, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 873B

- Cầu bắc qua: Rạch Láng Nứa

- Quy mô: 3 nhịp dài 30m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 6,3m; dầm BTCT; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

- Đèn chiếu sáng cầu: có

**Trên Đường tỉnh 877: 02 địa danh**

**1. Cầu Bình Tân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Bình Tân).

- Vị trí: Km 4+939, xã Bình Tân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 877

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Hưng

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL 11 dầm/nhịp; Htt: +3.10

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

**2. Cầu Xóm Thủ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Người đứng đầu (Thủ).

Xóm Thủ tọa lạc tại xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, là xóm nhà có vị Thủ khoa Ngô Tùng Châu từng sinh sống.

Ngô Tùng Châu sinh năm 1752 tại thôn Thái Định, huyện Phù Ly, phủ Quy Nhơn (nay là thôn Thái Thuận, xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định).

Năm 1764, cha của ông là Ngô Tùng Trang đang giữ chức Thủ lại phủ Quy Nhơn được thăng chức Tri điền tuấn sự, được lệnh của chúa Nguyễn dẫn theo 100 dân đinh vào khai khẩn vùng đất Yên Luông (Gò Công). Lúc này, ông mới 12 tuổi cũng được theo cha vào vùng đất mới. Sau đó, ông được gởi lên Gia Định để học tập. Tại đây, ông theo học nhà giáo nổi tiếng nhất đất Gia Định là Sùng Đức tiên sinh Võ Trường Toản. Trong quá trình theo nghiệp bút nghiên, ông luôn cần mẫn dùi mài kinh sử và là một trong những học trò xuất sắc nhất của cụ Võ Trường Toản.

Năm 1770, ông gặp gỡ và kết nghĩa anh em với Võ Tánh, một hào kiệt đất Gò Công. Năm 1772, ông kết hôn với em gái của Võ Tánh là Võ Thị Lội tại Gò Tre (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công). Năm 1783, ông tham gia cuộc khởi binh của Võ Tánh tại Gò Tre. Năm 1788, ông cùng với đạo quân Kiến Hòa của Võ Tánh theo phục vụ chúa Nguyễn Phúc Ánh.

Do là một nhà Nho học kiệt xuất, nên ông được Nguyễn Phúc Ánh tin dùng, lần lượt giữ các chức Chế cáo Viện Hàn lâm năm 1788, Điền tuấn sứ năm 1789 (quan trông coi việc khai khẩn, canh tác nông nghiệp, xác định điền thổ và quân lương).

Năm 1790, ông cùng với Bộ Tham mưu của chúa Nguyễn Phúc Ánh tiến quân ra miền Trung. Năm 1791, ông trở về Gia Định và thi đậu thủ khoa khoa thi năm Tân Hợi. Đây là khoa thi đầu tiên mà chúa Nguyễn Phúc Ánh cho tổ chức ở Nam Bộ. Ngay sau đó, ông được thăng làm Tham tri bộ Lễ; đồng thời, ông được chúa Nguyễn Phúc Ánh tin tưởng cử làm Phụ đạo Đông cung (thầy dạy học Đông cung hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh).

Năm 1799, sau khi đánh tan quân của vương triều Cảnh Thịnh tại thành Quy Nhơn, chúa Phúc Nguyễn Ánh đổi cho tên thành này ra thành Bình Định và cử ông cùng với Võ Tánh trấn giữ. Tháng 2/1800, hai tướng của vương triều Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân từ Phú Xuân (Huế) vào tấn công thành Bình Định. Ông cùng với Võ Tánh chỉ huy quân cố thủ.

Quyết không để mất thành, chúa Nguyễn Phúc Ánh đã hai lần mang quân tới giải vây thành Bình Định vào tháng 4-1800 và tháng 2-1801; nhưng đều bị quân Cảnh Thịnh chặn đứng. Thành Bình Định vẫn bị bao vây chặt chẽ. Trước tình hình đó, ông và Võ Tánh sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên vị chúa Nguyễn nên kéo quân ra đánh Phú Xuân; và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Cảnh Thịnh đang bị thu hút ở mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông và Võ Tánh sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân quân Cảnh Thịnh. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Võ Tánh, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6-1801.

Hai tướng Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Cảnh Thịnh ra tới Quảng Nam thì bị quân chúa Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông và Võ Tánh nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng hai ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành. Tình thế ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, Võ Tánh viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì không giết hại binh lính của ông.

Để không bị bắt, ngày 05-7-1801 (nhằm này 25 tháng 5 năm Tân Dậu), ông uống thuốc độc tự tử. Ngày 07-7-1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), Võ Tánh tiếp nối ông, tự thiêu mà chết tại lầu bát giác.

Năm 1802, sau khi đánh thắng vương triều Cảnh Thịnh, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Ông được nhà vua truy tặng là Tán trị công thần, Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Trụ quốc, Thái tử thái sư, Quận công, tên thụy là Trung Ý, được thờ ở đền Chiêu Trung. Năm 1804, ông được thờ tại đền Hiển Trung ở Gia Định, lại được cấp tự điền, tự dân, mộ phu, sai Tùng Hoảng là con nuôi thừa tự phụng thờ. Năm 1805, cho phụ tế ở Thái miếu. Năm1810, liệt vào thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Năm 1824, đổi cho phụ tế ở Thế miếu. Năm 1831, vua Minh Mạng truy tặng ông tước Tá vận Công thần, Đặc tiến Vinh lộc đại phu, Hiệp biện đại học sĩ, Thiếu sư, kiêm Thái tử Thái sư, đổi tên thụy là Trung Mẫn, phong là Ninh Hòa quận công.

- Vị trí: Km 2+100, xã Long Hòa - Bình Tân, thị xã Gò Công, trên Đường tỉnh 877

- Cầu bắc qua: Rạch Xóm Thủ

- Quy mô: 3 nhịp dài 57m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDƯL; CĐdc: +3.30

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2017

**Trên Quốc lộ 50: 02 địa danh**

**1. Cầu Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

- Vị trí: km 48+972

- Cầu bắc qua: Rạch Gò Công

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

- Chiều dài: 81,42 m

- Chiều rộng: 11 m

**2. Cầu Mỹ Lợi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Làng Mỹ Lợi).

- Vị trí: km 33+650, nối thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Cầu bắc qua: Sông Vàm Cỏ

- Số nhịp: 5

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

- Chiều dài: 1.422 m

- Chiều rộng: 12 m

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

**Cống:**

**1. Cống Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Cống ở xã Long Chánh, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1988; là loại cống hở, số cửa 2, chiều rộng 8 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 6.000 ha.

**2. Cống Bình Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Bình: 平: Hoà bình, bình đẳng; Đông: 東: Phía đông).

Cống ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 2009; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 1.500 ha.

**Cống vừa và nhỏ:**

1. **Cống Bà Mụ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Giới tính và tên người (Bà Mụ).

Cống ở xã Long Chánh, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 2,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 95 ha.

**2**. **Cống Bình Đông 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông) + Số hiệu (1).

Cống ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 150 ha.

**3. Cống Bình Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân)

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 2010; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 120 ha.

**4.** **Cống Công Lương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Công: 功: Công lao, thành công; Lương: 良: Lương thiện)

Cống ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1998; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 145 ha.

**5**. **Cống Rạch Băng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được[[16]](#footnote-16)) + Động từ (Băng: nhanh và thẳng một mạch).

Cống ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3,5 m, sâu 2,6 m, diện tích phục vụ 429 ha.

**6.** **Cống Rạch Đung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động từ (Đung: Đúng ra là “Đun” với nghĩa là “đốt lửa để nhằm mục đích nào đó, như nấu nướng, đốt rác, đun nước,…”. Theo dân gian, ngày trước, vào khoảng tháng 2, tháng 3, trước khi vào vụ mùa chính, ở khu vực Rạch Đung, nông dân đốt rơm rạ trên đồng rất nhiều để giải phóng nhanh mặt bằng đồng ruộng, chuẩn bị vào vụ mới; tiêu diệt một số côn trùng, mầm bệnh, cỏ dại; bổ sung nguồn phân bón cho đồng ruộng. Do đó, người dân gọi là Rạch Đun; nhưng do phát âm của người dân địa phương thành Rạch Đung).

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1995; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 3,4 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 750 ha.

**7.** **Cống Rạch Giá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Giá: là cây thân gỗ, thích nghi ở vùng rừng ngập mặn, cao từ 15 - 20 m; lá khi gần rụng chuyển sang màu đỏ, chứ không chuyển sang màu vàng như hầu hết các loại cây; rễ cây đan xen chằng chịt, có tác dụng giữ đất, chống xói lỡ; gỗ được hầm than, làm diêm quẹt, giấy,…)

Cống ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 715 ha.

**8.** **Cống Rạch Nâu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây ngâu - nói trại thành Nâu: là cây thân gỗ, dạng bụi nhỏ, sống lâu năm có chiều cao khoảng 1 - 6 m, được trồng làm cây cảnh, hoa ngâu dùng để ướp trà và bào chế các vị thuốc trị bệnh như tăng huyết áp, đau bụng, hen suyễn, giảm sưng,…).

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 95 ha.

**9. Cống Rạch Rơm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Rơm: là phần trên của thân cây lúa sau khi đập hết hạt và khô).

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 60 ha.

**10.** **Cống Rạch Tắc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên hoặc nhân tạo (Tắc: Tắt là đường nước nhân tạo hoặc tự nhiên, có kích thước nhỏ, nối liền hai dòng chảy (kênh/kinh hoặc rạch) để đi tắt từ dòng nước này đến dòng nước khác cho nhanh thay vì phải đi vòng. Tắt là tính từ được chuyển hóa thành danh từ, thường viết nhầm, đọc trại thành tắc).

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 105 ha.

**11. Cống Rạch Trăn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Con trăn).

Cống ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1997; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 145 ha.

**12**. **Cống Rầm Vé**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Âm thanh của động vật (Rầm: do “Gầm” gọi trại, là tiếng hổ/cọp gầm; Vé: do “Ré” gọi trại, là tiếng voi ré).

Địa danh Rầm Vé do Gầm Ré gọi trại, vào thời xưa, lúc đất đai còn hoang hóa, có nhiều dã thú sinh sống, nhất là hổ/cọp và voi; tiếng gầm của hổ/cọp và tiếng ré của voi vang dội cả một vùng; từ đó mà thành địa danh.

Cống ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1 , chiều rộng 55 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 850 ha.

**13**. **Cống Sơn Quy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Sơn Quy).

Cống ở xã Long Hưng, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1996; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 1,5 m, sâu 2,2 m, diện tích phục vụ 60 ha.

**\* Đê:**

1. **Đê Đông Rạch Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Phương hướng (Phía đông) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Đê kéo dài qua các xã Tân Trung, Bình Đông, Bình Xuân của thị xã Gò Công, có điểm đầu: cống Gò Công, điểm cuối: vàm Gò Công, được xây dựng năm 1998; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 12.500 m, chiều rộng 4 m - 6 m, cao trình 2 m - 2,65 m.

**2. Đê Long Chánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh hành chính (Xã Long Chánh).

Đê ở xã Long Chánh, thị xã Gò Công, có điểm đầu: cống Gò Dừa, điểm cuối: cống Gò Công, được xây dựng năm 1997; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 2.836 m, chiều rộng 4 m - 5 m, cao trình 2,10 m - 2,65 m.

**3. Đê Tây Rạch Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Phương hướng (Phía tây) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Động vật (Chim công).

Đê kéo dài qua các xã Đồng Sơn, Bình Phú, huyện Gò Công Tây; xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, có điểm đầu: Cống số 4, điểm cuối: Gò Dừa, được xây dựng năm 1996; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 15.683 m, chiều rộng 3 m - 4 m, cao trình 2,50 m - 2,65 m.

**4. Đê Xoài Rạp**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê) + Địa danh Việt gốc Khmer (Xoài Rạp: gọi trại từ tiếng Khmer: Prêk Crôy Phkăm, có nghĩa là Rạch Mũi Đất).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đê biển) + Thực vật (Cây xoài) + Tính từ (Rậm rạp).

Đê kéo dài qua các xã Bình Xuân, Bình Đông, Tân Trung, thị xã Gò Công, có điểm đầu: Vàm Gò Công, điểm cuối: Cống Vàm Tháp, được xây dựng năm 1994; toàn bộ mặt đê đã bê tông hóa, nhựa hóa với chiều dài 18.941 m, chiều rộng 4 m - 6 m, cao trình 2,50 m - 2,65 m.

**\*Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

**Bến xe:**

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Khái niệm bến xe khách:**

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Loại bến xe khách** |
| Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 | Loại 5 | Loại 6 |
| 1 | Diện tích mặt bằng (tối thiểu) | m2 | 15.000 | 10.000 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 |
| 2 | Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 | 5.000 | 3.000 | 1.000 | 500 | 160 | 80 |
| 3 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 | 2.000 | 1.500 | 900 | 400 | 30 | 20 |
| 4 | Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến) | m2 | 500 | 300 | 150 | 100 | 50 | 30 |
| 5 | Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu) | vị trí | 50 | 40 | 30 | 20 | 10 | 6 |
| 6 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ | 100 | 60 | 30 | 20 | 10 | 10 |
| 7 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | - | Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện |
| 8 | Diện tích khu vực làm việc | - | Bình quân 4,5 m2/người |
| 9 | Diện tích văn phòng dành cho Y tế | - | Tối thiểu 10 m2 |   |
| 10 | Diện tích khu vệ sinh | - | > 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD) |
| 11 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ | - | Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích |
| 12 | Đường xe ra, vào bến | - | riêng biệt | chung(rộng tối thiểu 7,5 m) |
| 13 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách | - | Có mái che |   |
| 14 | Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến | - | Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng |   |
| 15 | Hệ thống cung cấp thông tin | - | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn |   |
| 16 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến | - | Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến | Có phần mềm quản lý bến xe |   |

**Bến xe Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Thị xã Gò Công).

Bến xe Gò Công, mã số (63)16, tọa lạc tại đường Đồng Khởi, Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, diện tích 5.091 m², điện thoại: (0273)3841278, xếp loại 4.

**\* Bến phà:**

**Khái niệm**

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà

**1. Bến phà Bình Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân).

Bến phà Bình Xuân bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Vàm Cỏ, nối Ấp 4 với Ấp 5 (và ngược lại) xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

**2**. **Bến phà Tân Trung - Long Hựu Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa danh hành chính (Xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang - Xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An).

Bến phà Tân Trung - Long Hựu Đông bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Vàm Cỏ, nối xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An (và ngược lại).

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bệnh viện (tỉnh, khu vực, huyện, quân đội):**

**Khái niệm**

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): Bệnh viện là một bộ phận của một tổ chức mang tính chất y học và xã hội, có chức năng đảm bảo cho nhân dân được săn sóc toàn diện về y tế cả chữa bệnh và phòng bệnh.

Trước đây bệnh viện chỉ được coi là một cơ sở khám và điều trị bệnh nhân đơn thuần. Bước sang thế kỷ XXI, cách mạng khoa học kỹ thuật - công nghệ trên thế giới đã phát triển như vũ bão và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, tác động sâu sắc làm thay đổi quan niệm về bệnh viện. Bệnh viện không chỉ đơn thuần làm công tác khám và điều trị mà còn thực hiện những chức năng khác trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, như giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tại nhà và đồng thời còn là trung tâm đào tạo cán bộ y tế và tiến hành các nghiên cứu y học về khám chữa bệnh và phòng bệnh.

**Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Tính từ (Đa khoa: có nhiều khoa) + Danh từ (Khu vực: là khái niệm thuộc lĩnh vực địa lý, chỉ vùng đất có giới hạn nhất định, phân biệt với những vùng đất khác) + Địa danh hành chính (Gò Công).

- Khái quát Bệnh viện đa khoa khu vực Gò Công

+ Địa chỉ: số 93, Thủ Khoa Huân, khu phố 4, phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 02733841617

+ Trang thông tin điện tử: http://bvdkgocong.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: txgocong.bvdkkv@tiengiang.gov.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 23.185,9 m²; diện tích sử dụng: 11.292,66 m²

+ Tổng số viên chức: 284 người; trong đó nam: 92; nữ: 192.

Năm 1987, Bệnh viện đa khoa khu vực Gò Công được thành lập theo Quyết định số 1295/QĐ-UB ngày 04 tháng 12 năm 1987 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ:

+ Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh:

Tiếp nhận mọi trường hợp người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh nội trú và ngoại trú;

Giải quyết hầu hết các bệnh thuộc chuyên khoa ở địa phương;

Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước;

Tham gia khám giám định sức khoẻ và khám giám định pháp y khi hội đồng giám định y khoa Trung ương hoặc cơ quan bảo vệ pháp luật trưng cầu.

+ Đào tạo cán bộ y tế:

Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế, đồng thời tham gia giảng dạy ở bậc sau đại học, bậc đại học, cao đẳng và trung học;

Tổ chức đào tạo liên tục cho đội ngũ nhân viên y tế của bệnh viện và tuyến dưới.

+ Nghiên cứu khoa học về y học:

Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về chuyên khoa ở cấp Nhà nước, cấp Bộ cà cấp Cơ sở, chú trọng nghiên cứu y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc;

Nghiên cứu triển khai dịch tễ học cộng đồng thuộc lĩnh vực chuyên khoa để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

+ Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật:

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc chỉ đạo chuyên khoa tuyến dưới và những người hành nghề tư về chuyên khoa trong địa bàn được Sở Y tế phân công để phát triển kỹ thuật chuyên khoa và nâng cao chất lượng cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh;

Kết hợp với các cơ sở y tế thực hiện chương trình và kế hoạch chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng trong khu vực được phân công.

+ Phòng bệnh: Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng và thực hiện thường xuyên công tác phòng bệnh, phòng dịch.

+ Hợp tác quốc tế: Hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

Đảng bộ Bệnh viện có 04 chi bộ trực thuộc với 98đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 284 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 79 đoàn viên.

Bệnh viện được xếp hạng II; số giường được giao theo kế hoạch: 300; số giường thực kê: 376; có 05 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phòng Điều Dưỡng. Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Vật tư - Thiết bị y tế; 15 khoa chuyên môn: 10 khoa Lâm sàng: Khoa Khám bệnh, Khoa Nội tổng hợp, Khoa Ngoại, Khoa Sản, Khoa Nhi, Khoa Nhiễm, Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Nội Tim mạch - Lão học, Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức, Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng - Tổ Đông y; 05 khoa Cận Lâm sàng: Khoa Dược, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa Xét nghiệm, Khoa Dinh dưỡng.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Bác sĩ chuyên khoa 2: 05; Bác sĩ chuyên khoa 1: 18; Dược sĩ chuyên khoa 1: 02; Cử nhân đại học: 107; Cử nhân cao đẳng: 65; Trình độ khác: 87.

**\* Y tế tuyến huyện:**

**Trung tâm Y tế thị xã Gò Công**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Thị xã Gò Công).

- Khái quát Trung tâm Y tế thị xã Gò Công

+ Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Côn, khu phố 1, Phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

+ Số điện thoại: 0273 3841 648

+ Trang thông tin điện tử: http://trungtamytethixagocong.com.vn/

+ Email: trungtamytethixagocong@gmail.com

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích sử dụng: 1,28 ha.

+ Tổng số cán bộ viên chức (năm 2022): 168, trong đó: nam: 44, nữ: 124

Trung tâm được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang,

Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám, chữa bệnh; y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS; phòng, chống bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm; chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) và truyền thông giáo dục sức khỏe (GDSK) trên cơ sở kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế trên địa bàn thị xã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tổ chức thực hiện cấp cứu, khám, chữa bệnh; triển khai các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phòng, chống dịch bệnh, HIV/AIDS, các bệnh xã hội, tai nạn thương tích, sức khỏe lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc SKSS, sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn vệ sinh thực phẩm, truyền thông GDSK theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

+ Hướng dẫn và giám sát chuyên môn, kỹ thuật về các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách đối với trạm y tế xã, phường và các cơ sở y tế trên địa bàn.

+ Tham gia đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho cán bộ y tế; là cơ sở thực hành cho học sinh, sinh viên trường y tế.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học về y tế cộng đồng và dịch tễ học; nghiên cứu áp dụng y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc; ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

+ Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật; lập kế hoạch và chỉ đạo tuyến dưới thực hiện các phát đồ chẩn đoán và điều trị; chăm sóc sức khỏe ban đầu.

+ Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia và các dự án khác được Sở Y tế phân công.

Năm 2022, Đảng bộ Trung tâm Y tế có 03 Chi bộ với 43 đảng viên; Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc, trong đó Giám đốc là Bí thư Đảng bộ Trung tâm Y tế; Công Đoàn có 163 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 16 đoàn viên.

Trung tâm có 03 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán; 07 khoa chuyên môn: Khoa Khám bệnh - cấp cứu, Khoa Nội - Nhi - Nhiễm, Khoa Phụ sản - Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Kiểm soát bệnh tật - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược - Vật tư y tế, Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng. Bệnh viện đa khoa thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 50 giường bệnh.

Trung tâm có 12 trạm y tế xã, phường trực thuộc, gồm: Trạm Y tế các Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5; Trạm Y tế các xã Long Chánh, Long Hòa, Long Hưng, Long Thuận, Tân Trung, Bình Đông, Bình Xuân.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 01, Bác sĩ chuyên khoa 1: 12, Dược sĩ chuyên khoa 2: 01, Cử nhân đại học: 40, Cử nhân cao đẳng: 56, Trung học: 48, trình độ khác: 10

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Tượng đài:**

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

**1.Tượng đài Chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công).

Sự kiện lịch sử:

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (tháng 12-1967), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 (tháng 1-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, phối hợp với chiến trường toàn miền Nam, Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thành ủy Mỹ Tho và Phân ban Tỉnh ủy Gò Công phát lệnh mở cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968.

Ở chiến trường Gò Công, đêm Mùng 3 Tết Mậu thân (tức đêm 1-2-1968), ta mở đợt tấn công vào thị xã. Lực lượng ta gồm có Tiểu đoàn 514B, Đại đội 206 (có khoảng 70 đồng chí), trung đội biệt động thị xã (có khoảng 30 đồng chí) đã phối hợp cùng lực lượng quần chúng nổi dậy tiến công địch, phá nhà tù giải thoát cho hơn 200 đồng chí đang bị địch giam giữ; tiến công vào dinh Tỉnh trưởng, tên Tỉnh trưởng bỏ chạy; lực lượng ta phát triển thêm một số điểm, ngày hôm sau rút ra đánh địch phản kích ven thị xã.

Tượng đài Chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công tọa lạc tại Công viên có cùng tên nằm giữa 4 trục đường trong nội ô thị xã: Hai Bà Trưng - Trần Hưng Đạo - Lưu Thị Dung - đường nội bộ, thuộc Phường 1 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Nền tượng đài được làm bằng bê tông, hình vuông, cao 0,5m, chiều dài mỗi cạnh 8 m, diện tích 64 m², có 3 bậc tam cấp tạo lối đi lên nền tượng đài, mặt nền được lót đá Granite xám.

Trên nền tượng đài là bệ tượng được xây bằng bê tông cốt thép, bề mặt lót đá Granite màu nâu nhạt, bệ tượng được thiết kế dạng hình thang chiều cao 4 m, chiều dài của mỗi cạnh 4,4 m. Mặt trước bệ tượng có bản nội dung chữ chạm âm nét, màu vàng, trên nền đá Granite xám:

“Đài Chiến tích

Giải phóng khám lớn Gò Công

(Tết Mậu Thân 1968)”.

Mặt sau bệ tượng có nội dung được chạm âm nét, màu vàng:

“Công trình khởi công 1/7/1998.

Khánh thành Mùng 6 tết - Canh Thìn năm 2000

Nhà điêu khắc Lương Văn Thạnh”

Trên bệ tượng là khối tượng cao 8 m, được làm chất liệu bê tông cốt thép giả đá. Khối tượng mô tả hình ảnh các chiến sĩ giải phóng quân trong tư thế tiến công giải phóng khám lớn Gò Công trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, thể hiện 3 nhân vật: giữa là chiến sĩ giải phóng quân đầu đội nón tai bèo, hai tay cầm súng thể hiện sự chiến đấu; bên phải là hình ảnh 1 chiến sĩ tay bứt tung xiềng xích, gông cùm của địch và bên còn lại là hình ảnh chiến sĩ trong tư thế hai tay nắm chặt, người hướng về phía trước thể hiện sự căm thù trước sự tàn ác trong nhà tù, trại giam của địch.

**2. Tượng đài Trương Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Tiểu sử danh nhân:

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có “*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*”. Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*”. Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức “*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*”. Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục.Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

 Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực “Đám lá tối trời” ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ.

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: “Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di”. Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Hiện nay, ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Quảng Ngãi (tỉnh Quảng Ngãi), Thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội,… và nhiều tỉnh, thành khác đều có đường phố mang tên ông. Đồng thời, tên ông còn được đặt cho một trường trung học phổ thông ở thị xã Gò Công.

Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông cũng được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử quốc gia năm 2004.

Tượng đài Trương Định khánh thành năm 1995, phần bệ đá cao 4,5 m, phần tượng được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 8 m, do nhà điêu khắc Diệp Minh Châu tạo mẫu, mô tả Trương Định với thế đứng uy nghiêm, đặt tay vào đốc gươm trông rất hùng dũng, cương nghị. Đến năm 2006, tượng được thay bằng chất liệu đồng, tọa lạc tại Phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Tượng đài Trương Định được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**\* Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Bia lưu niệm/tưởng niệm:**

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

**Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Tỉnh ủy Gò Công).

Địa danh lịch sử:

Gò Công là vùng trọng điểm trong chiến lược bình định của địch ở khu vực nam Sài Gòn trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Vì thế, Tỉnh ủy Gò Công quyết định chọn Bình Xuân làm căn cứ cách mạng. Nơi đây có địa hình kinh rạch chằng chịt rất thuận lợi cho việc chỉ đạo tấn công vào thị xã Gò Công và liên lạc các mảng căn cứ cách mạng khác.

Do đó, địch đã tập trung đánh phá Bình Xuân rất ác liệt. Trong 21 năm chiến tranh (1954-1975), trung bình mỗi người dân ở Bình Xuân đã phải hứng chịu 2,5 tấn bom đạn, riêng 3 ấp Nhứt, ấp 6 và ấp 7, mỗi người phải chịu trên 3 tấn. Ngoài bom pháo, Bình Xuân còn là nơi đầu tiên ở Gò Công mà địch sử dụng chất độc hóa học để hủy diệt địa hình và nhân dân ta.

Trong thời kỳ này, Tỉnh ủy Gò Công đã lãnh đạo lực lượng vũ trang và quân dân xã Bình Xuân vượt qua muôn vàn khó khăn, vận dụng sáng tạo nhiều hình thức chiến đấu phù hợp với địa bàn xã, làm thất bại ý đồ bình định của địch, góp phần thắng lợi vào cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Xã Bình Xuân được phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang” vào ngày 22-6-1994.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Gò Công thời chống Mỹ, do nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng tại xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang vào năm 2000, trong khuôn viên 1.000 m², trên nền cao khoảng 1 m. Cấu trúc bia có hình ảnh thanh gươm cao hơn 5 m chỉ thẳng lên trời đã tượng trưng cho sức mạnh chiến đấu của quân dân Gò Công. Phía sau thanh gươm là hình lá cờ Đảng đỏ thắm được cách điệu như chiếc thuyền buồm căng gió lao lên phía trước. Trên nền lá cờ có in dòng chữ “Bia lưu niệm Tỉnh ủy Gò Công thời chống Mỹ”. Phía dưới lá cờ và thanh gươm là thiết kế nhằm tái hiện lại những chiếc hầm lớn nhỏ, để làm nơi bảo vệ những chiến sĩ trong khi chiến đấu chống lại kẻ địch. Trên nóc hầm là hình 10 vòng tròn biểu tượng cho những thân cây đã kiên cường chịu đựng và vượt qua bom đạn, khói lửa chiến tranh.

Bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Gò Công nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Gò Công được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**Bia mộ:**

Bia mộ là phần được tạo tác bằng đá, xây trước mộ. Trên bia mộ có ghi một số thông tin như: họ tên, ngày/tháng/năm sinh, ngày/tháng/năm mất của người quá cố, ghi chép tóm tắt tiểu sử và công trạng của người mất.

**Bia mộ Phạm Đăng Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia mộ) + Nhân vật lịch sử (Phạm Đăng Hưng).

Phạm Đăng Hưng (1764 - 1825), quê quán tại giồng Sơn Quy (Gò Rùa), thôn Tân Niên Đông, huyện Kiến Hòa, đạo Trường Đồn (nay là ấp Lăng, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Ông là đại công thần của triều Nguyễn, từng giữ chức thượng thư Bộ Lễ dưới hai triều vua Gia Long và Minh Mạng, có người con gái là Phạm Thị Hằng, tức thái hậu Từ Dụ (1810-1902), nhưng dân gian quen gọi Từ Dũ, được gả cho hoàng tử trưởng Nguyễn Phúc Miên Tông, tức vua Thiệu Trị (1807-1847) và người con trai là Phạm Đăng Thuật (?-1861, em trai bà Từ Dụ) kết hôn với công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh (1824-1892, em gái vua Thiệu Trị). Cả vua Thiệu Trị và công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh đều là con của vua Minh Mạng. Như vậy, Phạm Đăng Hưng là thông gia với vua Minh Mạng, cha vợ vua Thiệu Trị, cha chồng công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh, ông ngoại vua Tự Đức (tên húy là Nguyễn Phúc Hồng Nhậm). Do đó, dòng dõi Phạm Đăng được xếp vào hàng Thích lý, tức bên ngoại của hoàng gia.

Năm 1825, ông bị bệnh mất tại kinh đô Huế, thọ 61 tuổi. Do có công lao to lớn đối với nhà Nguyễn, ông được vua Minh Mạng là thông gia truy tặng hàm Vinh Lộc Đại Phu, Trụ Quốc, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, thụy là Trung Nhã. Năm 1848, ông được vua Tự Đức là cháu ngoại truy thăng hàm Đặc Tiến Vinh Lộc Đại Phu, Thái Bảo, Cần Chánh Điện Đại Học Sĩ, tước Đức Quốc Công và được thờ ở miếu Trung Hưng Công Thần, tên được ghi ở đền Hiền Lương. Đồng thời, nhà vua còn cho dựng đền thờ ông và phu nhân, gọi là Đức Quốc công từ ở Kim Long (nằm trên đường Kim Long, phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế hiện nay).

Năm 1858, tiểu sử và công đức của ông được vua Tự Đức cho chạm khắc vào bia đá. Tấm bia được làm bằng đá cẩm thạch trắng có xuất xứ ở Quảng Nam, cao 2,2 mét. Bài văn bia này do Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng hợp soạn năm 1857.

Về bia mộ của ông diễn tiến ly kỳ như sau:

Năm 1859, thuyền chở tấm bia từ kinh đô Huế về Gò Công, khi đi ngang qua cửa Cần Giờ (có tài liệu viết cửa Ô Cấp - Vũng Tàu) thì bị thực dân Pháp chận bắt và đưa về đưa về chùa Khải Tường (hiện nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) cất giữ.  Tháng 12/1860, đại úy thủy quân lục chiến Pháp Barbé bị nghĩa quân Trương Định giết chết gần chùa Khải Tường (Sài Gòn), sẵn có tấm bia lớn, thực dân Pháp cho tạc vào đó những dòng chữ tưởng niệm viên sĩ quan này, rồi dựng trước mộ của Barbé tại nghĩa địa Tây ở Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

Do tấm bia bị quân Pháp cướp mất, nên năm 1899, theo ý chỉ của bà Từ Dụ, vua Thành Thái cho làm một tấm bia khác bằng đá hoa cương, có nội dung như tấm bia năm 1858, mang về Gò Công và cho tôn trí ở phía bên phải lăng mộ Phạm Đăng Hưng.

Trở lại số phận của tấm bia năm 1858, vào năm 1983, nghĩa địa Tây (về sau được gọi là nghĩa trang Mạc Đỉnh Chi) bị giải tỏa để xây dựng công viên. Tấm bia được chuyển đến lưu giữ tại Bảo tàng Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1998, tấm bia được chuyển về tỉnh Tiền Giang và được tôn trí trong Nhà bia ở phía trái lăng mộ của Phạm Đăng Hưng tại lăng Hoàng Gia thuộc xã Long Hưng, thị xã Gò Công.

Như vậy, hiện nay, tại Lăng Hoàng Gia, trước lăng mộ của Phạm Đăng Hưng có 2 tấm bia: bia năm 1858 ở bên trái và bia năm 1899 ở bên phải, có nội dung giống nhau, đều ca ngợi công đức của Phạm Đăng Hưng.

Nội dung bài văn bia như sau (bản dịch của Tiến sĩ Văn học Võ Phước Lộc):

*“Ông Thái Bảo Đức Quốc là công thần thời Trung Hưng, mất tại chức năm Minh Mạng thứ sáu, đưa về chôn tại Gò Rùa (tức giồng Sơn Quy) ở quê nhà. Nay kính truy tôn đức cũ, thuật lại nguồn xưa, vua sai chúng tôi là Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng tìm tòi hành trạng của ông, đem khắc nêu ra để cho khỏi mất mát.*

*Chúng tôi trộm nghe:*

*Từ xưa các bậc đế vương chịu mệnh trời và các bậc vua chúa nối dõi sự nghiệp đời trước, tuy trong mình đã có đức dồi dào, nhưng cũng phải nhờ họ hàng bên ngoài giúp đỡ, cho nên cần khen thưởng để được hiển vinh. Quốc triều ta vốn có điều lệ phép tắc rõ ràng tốt đẹp, như các ông Quy Quốc, Thọ Quốc, Phúc Quốc đều trung nghĩa giúp vua, có công với xã tắc, cho nên dùng chức cao lễ lớn để đền đáp nguyên huân chứ đâu chỉ dành riêng cho hàng thân thuộc. Ông gặp buổi trung hưng, tham gia quân đội, vừa trí vừa dũng, lập được công lao, nay nêu rõ ban khen thì cũng hợp nghĩa vậy.*

*Ông tên húy Đăng Hưng, tên chữ Khiết Cũ, người huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định, đời trước là một họ lớn. Ông sơ húy Đăng Khoa, học rộng có tiếng văn chương, trong khoảng niên hiệu Chính Trị (1558 – 1571) đời Lê (tức vua Lê Anh Tông), ông giận họ Trịnh ngang ngược, không ra làm quan, gặp lúc Đức Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta (tức Nguyễn Hoàng) dựng nghiệp ở Thuận Hóa, ông đem cả họ vào Nam, ban đầu ngụ tại Ái Tử (Quảng Trị), sau dời đến Phú Xuân (Huế). Ấy là tổ thiên cư trước hết vậy. Ông cố húy Đăng Tiên, lấy văn học bổ Huấn đạo (chức quan trông coi về giáo dục) phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), nhân đó dời nhà đến Mỹ Khê. Ông nội húy Đăng Dinh, thông thạo cả Nho lẫn Y, tự lấy hiệu là Huyền Thông Đạo Nhân, vì yêu cảnh núi sông xứ Gia Định, nên chọn đến ở thôn Tân Niên Đông, huyện Tân Hòa (Gò Công), từ đó mới thành người Gia Định. Ông thân húy Đăng Long, nổi tiếng về văn học và đức hạnh, ở ẩn dạy học trò, hạng trí thức trong vùng ấy gọi là Kiến Hòa tiên sinh. Vì các đời đều có ân đức, nên ai cũng sống lâu, một nhà phước thọ, người quân tử đoán thế nào cũng phát lớn vậy.*

*Ông (Phạm Đăng Hưng) bẩm sinh đĩnh ngộ khác thường mà lại thuần hậu, tinh thần khoáng đạt. Thưở bé, ông học ở nhà, lớn lên nhờ thầy giỏi giảng dạy rộng khắp nên ông hiểu biết nhiều, không gì không nghiên cứu. Bấy giờ Đức Thế Tổ Cao Hoàng đế (Nguyễn Phúc Ánh-Gia Long) ta mở mang đất nước, đóng tại Nam Kỳ, kẻ sĩ có chí khí và tài năng tập hợp dưới xe như rừng. Lại bộ Nguyễn Hữu Trí, xử sĩ Võ Trường Toản, đức hạnh và văn chương làm mẫu mực cho đời. Cái cơ mưu làm việc nước, điều cốt yếu để lập thân, ông đều đã đạt được.*

*Gặp buổi khó khăn, ông mang tấm lòng trung ái, chí toan lập công, dựng việc, cứu khổ phò nguy, bèn dự thi khoa Bính Thìn (1796), đỗ tam trường, được cho làm lễ sinh ở phủ, rồi bổ chức Diễn luân thị thảo ở Cống sĩ viện, thường cùng bàn việc với các quan thị thư. Ít lâu, đổi làm Tham luận phấn võ vệ. Những điều khoản kỷ luật trong quân, những giấy tờ kê báo, không sót thứ gì. Đây chỉ là thử thách nhỏ.*

*Chợt Xiêm La bị Miến Điện vây đánh, gửi thư xin cứu giúp. Ông vâng mệnh theo đại đội quan binh vượt biển sang tiếp viện. Tiếng vang tới trước giặc đã sờn lòng, lập tức mở vòng vây chạy trốn. Oai trời chấn động, nước nhỏ tôn sùng. Quân đội trở về, ông được thăng vượt bậc lên Tham tri bộ Lại.*

*Bấy giờ đã đặt lục khanh, phân chia chức vụ, nhưng công việc chung của quan lại đều do ông nắm giữ. Đến như chương sớ trong ngoài, bổ thăng văn võ cũng nơi ông cả, cho nên rất bận rộn. Ông siêng năng, cẩn trọng, tỉ mỉ, rõ ràng, tùy việc mà giải quyết, trong Bộ không hề bị ách tắc.*

*Đến mùa gió Nồm thổi mạnh, binh thuyền trẩy ra hạ thành Diên Khánh (Khánh Hòa) dẹp loạn. Trận đốt tan hạm đội giặc ở Thị Nại (Quy Nhơn), trận bức hàng giặc tại Quy Nhơn, cho đến hồi thu phục kinh sư (Huế), dẹp yên Bắc Hà, binh trời đến đâu thắng đấy. Đang lúc ấy, tướng mạnh quân hay, gió mây gặp dịp, lớn lao đẹp đẽ, rạng rỡ nhất đời. Riêng ông, không nơi nguy hiểm nào không trải qua, không trận đánh nào không theo sát, bàn mưu kế ở trong màn trướng mà quyết cơ chiến thắng ngoài ngàn dặm, tính toán rõ ràng, công ông thật lớn vậy!*

*Đầu đời Gia Long (1802-1819), ở chốn đô hội của non sông, nhân dân đông hàng muôn vạn, nam bắc thông thương, hải trình trở ngại. Đến khi ông vâng mệnh coi việc trường đà (thuyền vận tải), phàm kỳ hạn đi về, cách thức lui tới, tiêu chuẩn chở chuyên, bàn bạc thực hành thấy đều thỏa đáng. Hàng năm, tiền gạo, sản vật chứa đến hàng chục vạn, cung cấp đầy đủ, mà các hộ ghe thuyền đều vui lòng làm việc.*

*Tiếp đó, ông được thăng Thượng thư bộ Lễ, kiêm coi việc Khâm thiên giám (cơ quan trông coi việc làm lịch, thời tiết, thiên văn,…). Giữ chức quan thanh bạch, làm nhiệm vụ thanh cao, ngày đêm chăm chỉ tìm tòi, xem xét rõ đường lợi hại, thêm sửa nhiều điều, đưa về nguyên gốc. Những công việc rảnh rang, Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế (Gia Long) cùng các quan thong thả bàn về cái đạo trị nước của các bậc đế vương xưa. Ông nói rằng: cái học của đế vương rất hệ trong, cho nên phép trị của đế vương rất tinh thuần. Thần trộm thấy một quyển Đại học diễn nghĩa thu góp tinh hoa đạo đức tính mệnh thánh hiền, lượm nhặt vết tích trị loạn an nguy xưa nay, thật là rộng rãi sâu sắc. Quả thật ý nghĩa những lời tế nhị dạy đời của ông Khổng, ông Mạnh sáng tỏ biết bao: cái đạo cốt yếu của bậc trị dân, Châu Đức Tú đời Tống bàn đã rõ ràng. Xưa Đức Tú có cái học chân chính của nhà Nho, mà không thi hành được ở lúc nhà Tống suy tàn. Nay bọn thần không có cái gì học của Đức Tú mà may mắn được sống trong triều đại thánh minh.*

*Rồi ông đem sách dâng lên, vua rất vui lòng. Vì thế, lễ văn chế độ cho quốc triều ta, việc gì cũng khoan hậu mà rõ ràng đầy đủ. Thật là bậc lão thành có nhiều công sức vậy. Ông lại xin đặt kho xã thương, để phòng khẩn cấp khi mất mùa. Vua phán rằng tuy đó là việc hay, nhưng phải bao giờ cũng được người tốt, sợ nhiễu dân nên không chuẩn. Song đã biết không thể không nói ra, có yêu mến hơn cả. Thế gọi là nhóm tinh hoa, hợp tâm thần, vua tôi tương đắc nhường nào, đủ thấy đời ấy ra sao rồi.*

*Triều đình thong thả, vua tôi tin cậy nhau, hòa hợp với thần minh, chứa chan nguồn đức độ, đúng là nghìn năm mới gặp một lần. Năm thứ mười tám (1819), Thế Tổ Cao Hoàng đế sắp sửa về trời, để lại ngôi báu, đặc biệt triệu ông vào cùng Lê Văn Duyệt chịu cố mạng, mà di chiếu thì chính do ông ứa lệ tự tay viết ra. Sự truy ngộ ủy thác há chẳng trân trọng ư?*

*Đức Minh Mạng mới lên ngôi, trên thì vua sáng nối nền, dưới thì tôi hiền đòi đức, lại có cựu thần giúp việc, tuy ung dung chốn miếu đường mà thiên hạ ai chẳng ngóng trông phong thái. Riêng ông chăm chỉ đến từng việc nhỏ, không hề biết về ngày đêm, tấm lòng sốt sắng, tuy già mà vẫn giữ mỗi lúc đảm đương nhiệm vụ. Ông từng nghĩ rằng, miễn cho cơ nghiệp lâu bền, thì trước cần tỏ rõ niềm tin rồi về sau mới xa dài được.*

*Minh Mạng nguyên niên (1820) ông sung Giám tu ngọc phả (chức quan trông coi việc ghi chép, chỉnh sửa gia phả của hoàng gia). Việc lúc ban đầu, nghĩa còn mới mẻ, đặt ra thể lệ, biên chép khó khăn. Ông xem xét, xin định làm tiền kỳ (thời chúa), chính biên (thời vua), phụ lục mỗi thứ đều có quy cách, sau đó, nội dung công việc mới rõ ràng, tuân theo không đổi. Năm thứ hai sung Phó Tổng tài Quốc sử quán (cơ quan trông coi việc biên soạn lịch sử của triều đình), kính soạn Liệt thánh thực lục. Sau cơn binh lửa sách vở thiếu nhiều, ông tìm tòi lượm lặt, ngẫm nghĩ không thôi đến cả ngay trong giấc ngủ. Hai triều huân công, trung cẩn một lòng, việc nước nhọc nhằn, thân chưa từng nghỉ.*

*Chợt năm thứ sáu, ông lâm bệnh. Đến lúc không gượng dậy được, ông tự nghĩ: Làm sách thực lục là để cho đời sau biết công trình gầy dựng của triều ta, ngày xưa, kế mưu hay giỏi, cuốn mở muôn hình. Nhưng từ năm Đinh Mùi (1787) trở về trước, các việc biên chép còn thiếu sót. Chỉ từ năm Mậu Thân đến năm Tân Dậu (1788 – 1801), trong khoảng 14 năm, bản thảo ghi sơ lược còn có bộ lại, chính mắt ta được trông thấy hơn trăm tập, trong ấy có thể nhiều điều thu nhặt. Nay không nói để người đời sau không biết được. Đó là trách nhiệm của ta. Ông liền dâng sớ, xin kiểm điểm lại, gởi qua sử quán để giúp ít nhiều cho việc biên chép mới. Lòng tận tụy của ông có thể thấy ở những chuyện đại loại như vậy.*

*Đến ngày 14 năm Minh Mạng thứ sáu (1825), ông mất, hưởng thọ được sáu mươi mốt tuổi. Lúc ông đang ốm, vua sai quan ngự y đến chăm sóc, ngày ông mất, vua rất thương sót, ban cấp nhiều gấm lụa, tặng Vinh Lộc Đại Phu, Trụ Quốc, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, cho tên thụy là Trung Nhã, sai quan lo việc tang, đưa về chôn tại làng cũ Tân Niên Đông. Ông dốc lòng trung nghĩa, gặp bậc thánh minh, lại thêm bản chất tinh thuần, cùng với nếp nhà hiền đức, nảy sinh năm trước, phát mãi điềm lành. Nay Đức Thánh Từ Hoàng Thái Hậu (bà Từ Dụ) là con gái cả của ông. Đồ Sơn giúp nhà Hạ, Sầu Tư hưng nhà Chu góp nhóm phúc lành về sau còn mãi.*

*Đức Hoàng thượng ta (tức vua Tự Đức) nối ngôi, năm thứ hai (1849) đặc sai tham khảo điếu tế, gia tặng ông (Phạm Đăng Hưng) Đặc Tiến Vinh Lộc Đại Phu, Thái Bảo, Cần Chính Điện Đại Học Sĩ, phong tước Đức Quốc Công, vẫn thụy Trung Nhã. Bà họ Phạm (Phạm Thị Dụ, vợ của Phạm Đăng Hưng) tặng phong nhất phẩm Đức quốc phu nhân. Dựng nhà thờ riêng ở kinh sư.*

*Lại báo phong các đời để truy tôn đức trước. Ông thân (cha của Phạm Đăng Hưng là Phạm Đăng Long) tặng Từ Thiện Đại Phu, Lại Bộ Thượng Thư, Phước Yên Hầu, thụy Trung Nghị, bà họ Phan (Phan Thị Tánh, vợ của Phạm Đăng Long) tặng Đoan Khiết Phu nhân. Ông nội (Phạm Đăng Dinh) tặng Gia Nghị Đại Phu, Hàn Lâm Viện Chưởng viện học sĩ, Bình Thạnh Bá, thụy Cẩn Lượng, bà họ Trương (vợ của Phạm Đăng Dinh) tặng Đoan Hòa thục nhân. Ông cố (Phạm Đăng Tiên) tặng Trung Thuận Đại Phu, Hàn Lâm viện Thị Đại Học Sĩ Mỹ Khánh Tử, thụy Đoan Ý, bà họ Bùi (vợ của Phạm Đăng Tiên) tặng Đoan Cung nhân. Ông sơ (Phạm Đăng Khoa) tặng Trung Thuận Đại Phu, Hàn Lâm viện Thị Đại Học Sĩ Mỹ Khánh Trung Thuận Đại Phu, Thiêm Sự Phủ Thiếu Thiêm Sư, thụy Hòa Mẫn, bà họ Nguyễn (vợ của Phạm Đăng Khoa) tặng Đoan thục Cung nhân. Các vị thứ riêng ở Tích Thiện từ, tỏ rõ sự báo đáp tốt đẹp.*

*Năm Tự Đức thứ năm (1852) bàn bạc bổ sung điển thờ công thần, chúng tôi cho rằng ông buổi đầu dựng nước giúp việc quân cơ, sau lúc bình yên, tham gia chính trị, công lớn rõ ràng, trước sau trọn tiết, xếp vào thờ hàng đầu cũng đúng với lễ nghi báo đáp. Cho nên ông cùng Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định được đưa vào thờ ở miếu Trung Hưng công thần.*

*Ôi! Đức là chủ, công là thêm. Sùng Đức báo công là để khuyến khích điều lành. Công thì thờ, có đức thì phong, lấy “tích thiện” (chứa điều lành) mà đặt tên nhà thờ, cũng là để khuyên răn, chẳng đã rõ ràng đây sao?*

*Ông có bốn con trai, Đăng Tuấn tặng Lang Trung, Đăng Tá tặng Viên Ngoại Lang, Đăng Thiệu tập ấm hàm Cai đội, Đăng Thuật làm quan Lang trung bộ Lễ lấy công chúa (tức công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh), tiến phong Phò mã Đô úy, phụng triều chính. Cháu đích tôn Đăng Đạt tập ấm hàm Cai đội. Phái đích tôn Đăng Đạt tập ấm Quản cơ, cháu thứ Đăng Truyền tập ấm Phó Quản cơ, Đăng Nghi, Đăng Đệ đều tập ấm Cai Đội. Phái đích, con Đăng Trừ tập ấm Quản cơ, Đăng Oai tập ấm Chánh đội trưởng, cháu Đăng Phương tập ấm Cai đội. Hiện nay (1857) Đăng Đạt trong coi nhà thờ và phần mộ.*

*Mộ ông và bà đều ở tại Gò Rùa, cách nhau độ vài trăm bước.*

*Ôi! Phước đức trung nghĩa của ông như thế mà chưa khắc vào bia đá là một thiếu sót!*

*Nay vâng mệnh làm ra để tỏ lòng đời sau vậy:*

*Minh rằng:*

*Ngự Long đặt họ, vốn tự Đào Đường*

*Thương Chu lập nước, thờ cúng phép thường*

*Đền thờ Hạ Tấn họ Phạm tỏ tường*

*Ấy đời hưng thạnh, truyền lại miên trường*

*Từ Bắc vào Nam, nhiều đời chở đức.*

*Sinh bậc triết nhân, ôn cùng phép tắc*

*Kiến thức bao la luận bàn sâu sắc*

*Thiên phận đã cao, học hành càng chắc.*

*Nhạc thần sinh xuống, Mão tú chứa tình*

*Đưa rồng vinh phượng, phúc nước tốt lành.*

*Gói mây tụ hợp, nhật nguyệt quang minh*

*Dẹp tan tăm tối, đem lại thái bình*

*Bốn bể sạch không, võ công đạt đỉnh,*

*Trước xứng thi thư, tỏ hay nghĩa kinh*

*Nghi lễ sửa sang, văn chương hiệu đính,*

*Chế độ điển chương, dồi dào hưng thịnh.*

*Thế tổ cao xa, lớn lao mệnh chính.*

*Nhân tổ lên ngôi, thánh nhân nối thánh*

*Nhân thâm đất trời, muôn loài hợp tính.*

*Đường đường nguyệt lão, kính cẩn đêm ngày*

*Hai triều rạng vẻ, đức độ không thay*

*Biên tu một chức, hôm sớm liền tay*

*Lâm chung để biểu, chẳng chút riêng tây*

*Trung thành son sắc ai cũng tôn thầy.*

*Yêu mến hòa vui, nổi lòng khương tỉ*

*Mãi mãi sáng ngời, vun bồi phước chỉ*

*Rộng lớn khoa nguyên, nhân chung càng thỉ*

*Trường lạc tươi xuân, Dao trì tuyệt mỹ*

*Thư loan lại xuống, dung rộng suy cao*

*Khảo xem di điển, thấy rõ công lao*

*Vẻ vang phong tước, huân lớn ơn đào*

*Nghĩ đến gia thành, tùng thu rợp bóng*

*Sóng trước quanh co, gò sau lồng lộng*

*Chất chứa tinh anh, tạo nên gò đống.*

*Dựa chốn linh thiêng, bởi ông đức trọng*

*Ngọc đá khắc bia, nghìn đời tưởng vọng.*

*Ngày tốt tháng Chạp năm Tự Đức thứ 10 (1857)*

*Phan Thanh Giản, Hiệp Biện Đại Học Sĩ, lãnh Lễ Bộ Thượng thư*

*Trương Quốc Dụng, Hình bộ Thượng thư vâng mệnh soạn*

*Kính khắc”*.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

**Công viên/Vườn hoa:**

**Khái niệm:**

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

**Thị xã Gò Công: 05 địa danh**

**1. Công viên Ao Thiếc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng (Ao: hồ nước nhân tạo, được đào sâu để chứa nước) + Kim loại (Thiếc). Thuở xưa, ở đây có một xóm nhà làm đồ gia dụng bằng thiếc. Xóm nhà này ở gần cái ao to, nên có địa danh Ao Thiếc.

Công viên được khánh thành diện tích 2.055 m², tọa lạc trên đường Nguyễn Văn Côn thuộc Phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (xà cừ, bằng lăng, lộc vừng, si, sanh, lim, me tây, kèn hồng, hoàng hậu,…); cây tạo hình và hoa (hồng lộc, sứ, hoa giấy,…); các loại cây lá màu và thảm cỏ với những đường viền bằng cây ắc ó,… Đồng thời, công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; đèn trang trí (01 hệ thống đèn led trang trí nghệ thuật và 40 trụ đèn nghệ thuật xung quanh khuôn viên); hệ thống điện nước; vỉa hè,…

**2. Công viên Đền thờ liệt sĩ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng (Đền thờ: là nơi thờ cúng thần linh, những người đã hy sinh vì đất nước, danh nhân quá cố) + Những người đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế hoặc vì lợi ích của Nhà nước, của nhân dân được Nhà nước truy tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” (Liệt sĩ).

Công viên được khánh thành năm 2015, nằm trên đường Lưu Thị Dung, Phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, diện tích 5.500 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (lộc vừng, giáng hương, dương, sanh,…); cây tạo hình (hồng lộc, chuỗi ngọc Thái, nguyệt quế,…); cây và hoa trồng chậu (mai, trúc, sen, sứ,…); các thảm cỏ lá màu,… Đồng thời, công viên còn có đền thờ chính, nhà quản đền, đài phun nước, đèn trang trí, bãi xe, ghế đá, hệ thống điện nước, đường đi nội bộ,…

**3. Công viên Khu dân cư Phường 5**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Nơi nhân dân, hộ gia đình cư trú tập trung trong một khu vực nhất định (Khu dân cư) + Địa danh hành chính (Phường 5).

Công viên được khánh thành năm 2008, nằm trên đường Trương Định, thuộc Phường 5 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, diện tích 4.584 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (lộc vừng, lim xẹt, sanh,…); cây tạo hình (hoa giấy, nguyệt quế,…); các thảm cỏ lá màu với những đường viền bằng cây ắc ó,… Đồng thời, công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; các trụ đèn nghệ thuật; hệ thống điện nước; vỉa hè,…

**4. Công viên Trương Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Danh nhân (Trương Định[[17]](#footnote-17)).

Công viên được khánh thành năm 1995, nằm trên đường Trương Định, thuộc Phường 1 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.882 m². Hệ thực vật chủ yếu là cây kiểng và hoa trồng chậu (cau cảnh, hoa giấy, sanh, gừa,…) và thảm cỏ hoàng lạc. Tại đây, có tượng đài Trương Định[[18]](#footnote-18), ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước,…

**5. Công viên Tượng đài chiến tích** **giải phóng Khám Lớn Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công).

Công viên được khánh thành năm 2000, nằm giữa 4 trục đường: Hai Bà Trưng - Trần Hưng Đạo - Lưu Thị Dung - đường nội bộ, thuộc Phường 1 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.218 m². Hệ thực vật gồm: cây thân gỗ (lộc vừng, giáng hương, dương, sanh, cau vua,…); cây tạo hình (hồng lộc, nguyệt quế, chuỗi ngọc Thái); các thảm cỏ lá màu với những đường viền bằng cây ắc ó,… Đồng thời, công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; 12 trụ đèn nghệ thuật; hệ thống điện nước; vỉa hè,… Đặc biệt, công viên có 01 tảng đá nghệ thuật được làm bằng đá granit xám và 01 tượng đài cao 8 m, mô tả hình ảnh các chiến sĩ giải phóng quân trong tư thế tiến công giải phóng khám lớn Gò Công trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968[[19]](#footnote-19).

**\* Rạp hát:**

**Khái niệm:**

Rạp hát là nơi để biểu diễn các tác phẩm âm nhạc, sân khấu (kịch, cải lương, chèo, tuồng,…), điện ảnh,…

**Rạp Chiến Thắng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Địa danh gốc Hán Việt (Chiến: 戰: Chiến tranh, chiến đấu; Thắng: 勝: Thắng lợi, tốt đẹp, cảnh đẹp).

Rạp được xây dựng vào khoảng cuối thập niên 1920, có tên là Bình An, 500 chỗ ngồi; chuyên biểu diễn nghệ thuật cải lương. Từ năm 1954 - 1975, rạp Bình An vừa là rạp chiếu phim vừa là rạp hát cải lương. Sau năm 1975, rạp được đổi tên thành Chiến Thắng nhằm kỷ niệm ngày chiến thắng 30/4/1975. Rạp tọa lạc trên đường Trương Định, Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Năm 2012, với sự xuất hiện nhiều loại hình giải trí thông qua mạng viễn thông và công nghệ số, rạp tạm dừng hoạt động và được Công ty cổ phần Sách và Dịch vụ văn hóa Long An thuê làm Nhà sách Gò Công.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

**\* Chợ**

**-** Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, “Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi,ngày nhất định”[[20]](#footnote-20).

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: “Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung vàcầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa ngườisản xuất, người mua bán và người tiêu dùng”[[21]](#footnote-21).

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: “Chợ là nơi tụ họp buôn bán”; “chợ búa là nơi tụ họp bày bánhàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định muabán”[[22]](#footnote-22).

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành vàphát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vựcdân cư”[[23]](#footnote-23).

**\* Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”[[24]](#footnote-24).

**\* Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác
nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu “Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ gócnhìn văn hóa học”, Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[[25]](#footnote-25):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI** | **LOẠI HÌNH CHỢ** |
| 1  | Theo thời gian họp chợ | - Chợ sáng- Chợ hôm- Chợ chiều- Chợ đêm- Chợ phiên |
| 2  | Theo lịch sử  | - Chợ truyền thống- Chợ hiện đại (siêu thị) |
| 3  | Theo khu vực địa lý | - Chợ quê- Chợ ven đô- Chợ đô thị- Chợ đồng bằng- Chợ miền núi |
| 4  | Theo quy mô hành chánh | - Chợ làng- Chợ xã (liên làng)- Chợ huyện (liên xã)- Chợ thị trấn- Chợ thị xã |
| 5  | Theo tình chất, quy mô traođổi hàng hóa | - Chợ đầu mối- Chợ bán lẻ- Chợ chuyên doanh- Chợ tổng hợp |
| 6  | Theo loại hình hàng hóa bánchủ yếu tại chợ | - Chợ vải- Chợ trâu- Chợ trái cây- Chợ hải sản |
| 7  | Theo quy mô xây dựng | - Chợ kiên cố- Chợ bán kiên cố- Chợ tạm |

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[[26]](#footnote-26):

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[[27]](#footnote-27):

- Chợ loại 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- Chợ loại 2: Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- Chợ loại 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa
được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua
bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

**\* Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[[28]](#footnote-28):

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

**Chợ ở thị xã Gò Công: 13 địa danh**

**1. Chợ Ấp 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Ấp 2).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 504 m², tọa lạc ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, với 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**2. Chợ Ấp 7**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Ấp 7).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 100 m², tọa lạc ở xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, với 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**3. Chợ Gia Cầm Long Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Gia cầm) + Địa danh hành chính (xã Long Hưng).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.000 m², tọa lạc ở xã Long Hưng, thị xã Gò Công, với 20 hộ kinh doanh gà, vịt,…

**4. Chợ Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng) + Động vật (Chim Công) hoặc Tên người (Bà Công) hoặc Dịch chuyển địa danh (Núi Gò Công). Cụ thể như sau:

Địa danh Gò Công có 03 cách giải thích:

- Thứ nhất: Tên gọi Gò Công do nơi này vào lúc người Việt đến khai khẩn (thế kỷ XVII) là vùng đất gò có nhiều chim công, tên chữ Hán là Khổng Tước nguyên.

- Thứ hai: Đây là vùng đất gò có quán bán tạp hóa của bà Công, nên có tên gọi là gò Bà Công; về sau, gọi tắt thành Gò Công.

- Thứ ba: Ở xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định có địa danh núi Gò Công cao 198 m. Có thể, vào thế kỷ XVII, cư dân ở vùng núi Gò Công chuyển cư đến sinh sống và khai khẩn vùng đất mới. Tại đây, họ đã lấy tên Gò Công, vốn là quê hương bản quán, đặt tên cho nơi ở mới. Đây là trường hợp dịch chuyển địa danh do hiện tượng di dân.

Trong 03 cách giải thích nêu trên, cách giải thích thứ nhất được nhiều người chấp nhận nhất.

Chợ được lập năm 1916. Quyển *La Cochinchine et Photo Nadal* (*Nam Kỳ và Hình ảnh của Nadal*) xuất bản năm 1926 viết: “*Chợ Gò Công có hai nhà lồng, được cất khá chắc với cột sắt và được lợp ngói móc. Đây là trung tâm thương mãi cho cả khu vực*”.

Trong những năm 80 của thế kỷ XX, chợ được cải tạo, nâng cấp. Năm 2004, chính quyền thị xã Gò Công cho xây dựng chợ Gò Công mới, cách chợ Gò Công cũ khoảng 600 m.

Chợ loại 1, ở Phường 1, thị xã Gò Công. Cả hai chợ Gò Công cũ và mới có tổng diện tích 8.700 m², với 641 hộ kinh doanh. Chợ Gò Công cũ chuyên bán các mặt hàng “ướt”, như mắm, tôm, cá, rau, thịt, các loại thực phẩm, đặc biệt, nổi tiếng với các loại mắm: mắm tôm chua, mắm tôm chà, mắm còng, mắm ruốc, mắm nha, mắm ba khía, mắm cá cơm, mắm nhum,... Chợ Gò Công mới chuyên bán các mặt hàng “khô”, như quần áo, giày dép, túi xách, nữ trang, kim khí điện máy, đồ lưu niệm, đồ chơi trẻ em,…

**5. Chợ Hòa Thân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Hoà: 和: Hoà hợp, hoà thuận; Thân: 親: Thơm, Ruột thịt, thương yêu, đáng tin cậy) (Theo *Địa bạ Định Tường*, trang 162).

Chợ loại 3, ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, diện tích 500 m², có 30 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**6. Chợ Long Chánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Chánh).

Chợ loại 3, ở xã Long Chánh, thị xã Gò Công, diện tích 520 m², có 36 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**7. Chợ Long Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Thuận).

Chợ loại 3, ở xã Long Thuận, thị xã Gò Công, diện tích 4.960 m², có 53 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**8. Chợ Năm Châu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thứ trong gia đình (Năm) + Tên người (Châu).

Chợ loại 3, ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, diện tích 300 m², có 10 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**9. Chợ Mỹ Lợi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Mỹ 美: Tốt, đẹp; Lợi: 利: Lợi ích).

Chợ loại 3, ở xã Bình Đông, thị xã Gò Công, diện tích 500 m², có 20 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**10. Chợ Phường 4**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Phường 4).

Chợ loại 3, ở Phường 4, thị xã Gò Công, diện tích 225 m², có 35 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**11. Chợ Phường 5**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (Phường 5).

Chợ loại 3, ở Phường 5, thị xã Gò Công, diện tích 1.074 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**12. Chợ Tân Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Trung).

Chợ loại 3, ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, diện tích 1.200 m², có 50 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**13. Chợ Xã Lới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thành viên trong Hội đồng hương chức ở làng xã thời xưa (Xã) + Tên người (Lới).

Chợ loại 3, ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công, diện tích 1.530 m², có 35 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**\* Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

**Trường trung học phổ thông:**

**1.Trường Trung học phổ thông Bình Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông).

Địa chỉ: Quốc lộ 50, ấp Muôn Nghiệp, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.945.168

Trang thông tin điện tử: binhdong.tiengiang.edu.vn

Email: c3binhdong.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học phổ thông Bình Đông được thành lập theo quyết đinh số 2806/QĐ-UB ngày 16 tháng 7 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Bình Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam:10; nữ:11; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 23. Đoàn thanh niên: 562; nam:201 ; nữ: 361.

Tổng số viên chức: 40; nam:17 ; nữ:23. Tổng số giáo viên: 33; nam: 12; nữ: 21. Thạc sĩ: 07; Cử nhân (đại học): 32 ; Trình độ khác: 04;

Tổng số học sinh: 743 ; nam: 284; nữ: 459.

Tổng diện tích: 13.599,5 m2; diện tích sử dụng: 13.599,5 m2

Trường có 02 dãy lầu 03 tầng và 01 dãy lầu 02 tầng; Phòng làm việc: 10 ; Phòng học: 25; Phòng thí nghiệm: 04; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Khu thể thao: 01 nhà đa năng, sân tập; Nhà vệ sinh: có 08 khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh được bố trí ở mỗi dãy; Các loại hình khác: vườn sinh học, căn tin, nhà xe.

**2. Trường Trung học phổ thông Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Thị xã Gò Công).

Địa chỉ: Đường Trần Công Tường, Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.514.314

Trang thông tin điện tử: http://thptgocong.tiengiang.edu.vn

Email: c3gocong.tiengiang@moet.edu.vn

Sau giải phóng 1975, Trường Bổ túc văn hóa cán bộ số 1 (bao gồm cấp 1: từ lớp 1 - lớp 5 và cấp 2: từ lớp 6 - lớp 9) ở thị xã Gò Công được thành lập. Năm 1985, trường mở thêm cấp 3: từ lớp 10 - lớp 11.

Năm 1990, Trường Phổ thông trung học bán công thị xã Gò Công được thành lập theo quyết định 17/QĐ-UB ngày 28/8/1990 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Năm 2008, trường chuyển đổi từ loại hình trường bán công thành trường công theo Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2008 Ủy ban Nhân dân tỉnh với tên gọi là Trường Trung học phổ thông Gò Công.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Thị xã Gò Công.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 12; nữ: 14 ; Chi ủy: 5; nam: 02 ; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 21, nữ: 28. Đoàn thanh niên: 524 đoàn viên; nam: 224, nữ: 300.

Tổng số viên chức : 49, nam: 21; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 39, nam: 18, nữ: 21. Thạc sĩ: 08; Cử nhân (đại học): 35 ; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung cấp: 01. Tổng số học sinh: 895; ó nam: 468; nữ: 427.

Tổng diện tích: 7.308,69m². Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 06; Phòng học: 20; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; sân chơi: 01; Nhà vệ sinh: 10 phòng vệ sinh học sinh, 02 phòng vệ sinh giáo viên.

**3. Trường Trung học phổ thông Trương Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Địa chỉ: Số 10, đường Nguyễn Văn Côn, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.841614

Trang thông tin điện tử: [www.truongdinh.tiengiang.edu.vn](http://www.truongdinh.tiengiang.edu.vn)

Email: c3truongdinh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1955, Trường Trung học Gò Công chính thức được thành lập theo Thông tư số 9673 GD/HV ngày 30 tháng 9 năm 1955 của Bộ Quốc gia giáo dục. Sau năm 1975, trường có tên là Trường Phổ thông trung học Trương Định theo Quyết định số 141-GD/GC ngày 20/10/1975 của Ty Giáo dục tỉnh Gò Công. Năm học 1999, trường mang tên là Trường Trung học phổ thông Trương Định. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục; được tặng Huân chương Lao động hạng Ba (2003), hạng Nhì (2008), hạng Nhất (2015); hai lần nhận Cờ thi đua của Chính phủ (năm học 2007-2008, năm học 2013-2014); Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm học 1999-2000).

Tiểu sử của danh nhân được đặt tên trường:

# TRƯƠNG ĐỊNH

**(1820-1864)**

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có “*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*”. Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*”. Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức “*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*”. Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục.Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

 Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực “Đám lá tối trời” ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ:

*Trời Bến Nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp bước gian truân;*

 *Đất Gò Công cây cỏ ủ ê, cám niềm thần tử hết lòng trung ái.*

*Xưa còn làm tướng, dốc rạng dồi hai chữ Bình Tây,*

*Nay thác theo thần, xin dâng hộ một câu phục thái.*

(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Tuy nhiên, sự nghiệp của ông luôn sống mãi với hồn thiêng sông núi và gắn liền với những chiến công hiển hách:

*Trong Nam tên họ nổi như cồn,*

*Mấy trận Gò Công để tiếng đồn.*

*Dấu đạn hãy rêm tàu bạch quỷ,*

*Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn*.

(*Thơ điếu Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

và:

“*Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất cũng cam.*

*Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.*

*Rạch Lá, Gò Công mấy trận, giặc thấy đã kinh,*

*Cửa Khâu, Trại Cá mấy nơi, ai nghe chẳng hãi*”.

(*Văn tế* *Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: “Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di”. Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Hiện nay, ở thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Quảng Ngãi (tỉnh Quảng Ngãi), Thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội,… và nhiều tỉnh, thành khác đều có đường phố mang tên ông. Đồng thời, tên ông còn được đặt tên trường trung học phổ thông ở thị xã Gò Công và nhiều địa phương khác trên cả nước.

Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2004. Đền thờ ông tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2023.

Ngoài ra, đền thờ ông còn có ở một số nơi khác, như Tân Phước, Tân Tây, Tân Hòa (huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), Bửu Hòa, Phước Hòa (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai),...

Năm 1995, tượng đài ông được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 8 m, bệ bằng bê tông ốp đá cao 4 m. Đến năm 2006, tượng được thay bằng chất liệu đồng, tọa lạc tại phường 2, thị xã Gò Công, là di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh.

Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu và điện ảnh, như hai vở cải lương *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nghệ sĩ Nhân dân Nguyễn Thành Châu (1978), *Cờ nghĩa giồng Sơn Quy* của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh (vở này đạt Huy chương Bạc tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 2010), bộ phim *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nhà biên kịch Phạm Thùy Nhân do Hãng phim Cửu Long sản xuất năm 2013.

Lễ hội tưởng niệm ông diễn ra trong các ngày 17 và 18/8 hàng năm tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và trong các ngày 19 và 20/8 tại lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công cũng như tại đền thờ ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 42 đảng viên; nam: 14; nữ: 28; Đảng ủy: 09; nam: 04; nữ: 05. Ban giám hiệu: 03; nam: 02, nữ : 01. Công đoàn: 82 công đoàn viên; nam: 30, nữ 52. Đoàn thanh niên: 1.673; nam: 815 nữ: 858.

Tổng số viên chức: 82; nam: 30, nữ 52. Tổng số giáo viên: 78, nam: 30 , nữ : 48. Thạc sĩ: 25 ; Cử nhân (đại học): 54; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trình độ khác: 01.

Tổng số học sinh: 1.731; nam: 665 nữ: 1.066

Tổng diện tích: 12.617 m2; diện tích sử dụng: 8.798 m2

Trường có 05 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 05; Phòng học: 39; Phòng thí nghiệm: 01; Phòng nghe nhìn: 01; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 02; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 10; Căn tin; Nhà xe.

**Trường Trung học cơ sở:**

**1. Trường trung học cơ sở Bình Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông).

Địa chỉ: Ấp Muôn Nghiệp, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733945730

Email: c2binhdongtxgc@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp II Bình Đông được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Đông và Trường Phổ thông cấp II Bình Đông hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Đông. Năm 1992, bộ phận Cấp II được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Bình Đông theo Quyết định số 26/QĐ.UB ngày 26 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có17 đảng viên; nam: 09; nữ: 08; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 41công đoàn viên; nam:19; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam: 04; nữ: 07. Đội thiếu niên: 830 đội viên; nam: 406; nữ: 424.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam:19; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 37; nam: 17; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 32; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 830; nam: 406; nữ: 424.

Tổng diện tích: 4.508,0 m2, diện tích sử dụng: 1.725,0 m2.

Trường có 03 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 12; phòng âm nhạc: 01; phòng thí nghiệm: 03; phòng tin học: 01; thư viện: 01, phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**2. Trường Trung học cơ sở Bình Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 945 307

Email: c2binhxuantxgc@tiengiang.edu.vn

Năm 2004, Trường Trung học cơ sở Bình Xuân được thành lập theo Quyết định số 456/QĐ.UB của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông trên cơ sở tách từ Trường Trung học cơ sở Bình Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Xuân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 10; nữ: 06; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 41 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 13 đoàn viên; nam: 02; nữ: 11. Đội thiếu niên: 789 đội viên; nam: 400; nữ: 389.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam: 13; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 37; nam: 11; nữ: 26. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (cao đẳng): 08.

Tổng số học sinh: 789; nam: 400; nữ: 389

Tổng diện tích: 9.397 m2, diện tích sử dụng: 2.679 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt; 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 12; phòng âm nhạc: 01; phòng thí nghiệm: 03; phòng tin học: 01, phòng nghe nhìn: 00; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01, khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 03.

**3. Trường Trung học cơ sở Phường 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Phướng 1).

Địa chỉ: Số 1, đường Nguyễn Văn Côn, Khu phố 2, Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733841271

Email: c2phuong1txgc@tiengiang.edu.vn

Trường có từ trước năm 1945, nhưng không có tên, chỉ có một số lớp thuộc cấp tiểu học. Năm 1966, trường chính thức mang tên Trường Tiểu học Thái Lập Thành. Năm 1977, trường mang tên Trường Phổ thông cơ sở số 2 Thị trấn. Năm 1986, là Trường Phổ thông cơ sở số 6 Thị trấn. Năm 1988, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở số 2 Phường 1. Năm 1995, là Trường Phổ thông cơ sở cấp II Phường 1. Năm 1996, trường đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Phường 1. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 1.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 43 đảng viên; nam: 16; nữ: 27; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 60 công đoàn viên; nam: 21; nữ: 39. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 02; nữ: 07. Đội thiếu niên: 1.123 đội viên; nam: 518; nữ: 605.

Tổng số cán bộ, viên chức: 60; nam: 21; nữ: 39. Tổng số giáo viên: 55; nam: 18; nữ: 37. Cử nhân (đại học): 50; Cử nhân (cao đẳng): 10.

Tổng số học sinh: 1.123 đội viên; nam: 518; nữ: 605.

Tổng diện tích: 2.571 m2, diện tích sử dụng: 2.571 m2.

Trường có 03 dãy lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 14; phòng thí nghiệm: 02; phòng tin học: 02; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**4. Trường Trung học cơ sở Phường 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Phường 2).

Địa chỉ: Số 50, đường Nguyễn Trãi, Khu phố 2, Phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733841481

Email: c2phuong2txgc@tiengiang.edu.vn

Trường được thành lập năm 1959 với tên gọi là Trường Trung học Bán công Gò Công. Sau ngày 30/4/1975, trường có tên là Trường phổ thông cấp I - II Trương Định B. Năm 1979, trường được đổi tên Trường Phổ thông cơ sở số 2 thị trấn Gò Công. Năm 1987, bộ phận Cấp I tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phường 2 theo Quyết định số 55/QĐ.UB ngày 08 tháng 07 năm 1987 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 2.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 28 đảng viên; nam: 12; nữ: 16; Chi uỷ: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 20; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 16 đoàn viên; nam: 05; nữ: 11. Đội thiếu niên: 852 đội viên; nam: 428; nữ: 424.

Tổng số cán bộ, viên chức: 49; nam: 20; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 45; nam: 18; nữ: 27. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 30; Cử nhân (cao đẳng): 17; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 852; nam: 428; nữ: 424.

Tổng diện tích: 10.894,6 m2, diện tích sử dụng: 10.894,6 m2.

Trường có 03 dãy lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 17; phòng âm nhạc: 01; phòng thí nghiệm: 03; phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 02, phòng đa chức năng: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 05.

**5. Trường Trung học cơ sở Phường 3**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Phường 3),

Địa chỉ: Đường Nguyễn Trọng Dân, Phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733841284

Trang thông tin điện tử: [http://thcsp3txgc.tiengiang.edu.vn](http://thcsp2txgc.tiengiang.edu.vn/)

Email: c2phuong3txgc@tiengiang.edu.vn

Trường được thành lập năm 1970, là Phân hiệu của Trường Trung học Gò Công. Sau ngày 30-4-975, trường mang tên là Trường Phổ thông cấp II Trương Định A. Năm 1985, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Long Hưng. Năm 1996, bộ phận Cấp II của trường tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phường 3 theo Quyết định số 210/QĐ.UB ngày 10 tháng 10 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 3.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 06; nữ: 11; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04. Đội thiếu niên: 536 đội viên; nam: 284; nữ: 252.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29; nam: 10; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 26; nam: 19; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 23; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 536; nam: 284; nữ: 252.

Tổng diện tích: 5.317 m2, diện tích sử dụng: 1.775 m2.

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 14; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng tin học: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08.

**6. Trường Trung học cơ sở Phường 5**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Phường 5).

Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiết, Khu phố 1, Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733841366

Email: c2phuong5txgc@tiengiang.edu.vn

Trường Trung học cơ sở Long Hòa được thành lập năm 1987 khi thị xã Gò Công được tái lập. Năm 2004, xã Long Hòa được tách ra thành hai đơn vị hành chính là xã Long Hòa (mới) và Phường 5. Do Trường Trung học cơ sở Long Hòa nằm trên địa bàn Phường 5, nên được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Phường 5 theo Quyết định số 04/QĐ.UB Đến ngày 09 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Năm 2018, Trường Trung học cơ sở Phường 5 hợp nhất với Trường Trung học cơ sở Long Chánh lấy tên là Trường Trung học cơ sở Phường 5 theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường được công nhận đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục Mức độ 1 năm 2017.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 5.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 10; nữ: 06; Chi uỷ: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 47 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 02; nữ: 10. Đội thiếu niên: 849 đội viên; nam: 418 ; nữ: 431.

Tổng số cán bộ, viên chức: 47; nam: 18; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 45; nam: 17; nữ: 28. Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (cao đẳng): 11.

Tổng số học sinh: 849; nam: 418; nữ: 431.

Tổng diện tích: 6.321,5.m2, diện tích sử dụng: 6.321,5 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 15; phòng thí nghiệm: 02; phòng tin học: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**7. Trường Trung học cơ sở Tân Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Trung).

Địa chỉ: Quốc lộ 50, ấp Ông Non, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733555078

Email: c2tantrungtxgc@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Tân Trung được thành lập sau ngày 30/4/1975. Năm 1979, Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung được thành lập theo Quyết định số 326-QĐ.UB ngày 01 tháng 10 năm 1979 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông. Năm 1983, trường được tách thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung 1 và Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung 2. Năm 1989, chỉ còn một trường là Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung 1. Năm 1992, trường sáp nhập với Trường Trung học cơ sở Bình Đông. Năm 2000, Trường Trung học cơ sở Tân Trung được thành lập theo Quyết định số 586/QĐ.UB ngày 17 tháng 7 năm 2000 của Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên; nam: 14; nữ: 12; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 40 công đoàn viên; nam: 22; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên; nam: 07; nữ: 07. Đội thiếu niên: 762 đội viên; nam: 377; nữ: 385.

Tổng số cán bộ, viên chức: 40; nam: 22; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 38; nam: 22; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 29; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 762 ; nam: 377; nữ: 385.

Tổng diện tích: 10.025 m2, diện tích sử dụng:10.025 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học:12 ; phòng âm nhạc: 01, phòng mỹ thuật: 01; phòng thí nghiệm: 04; phòng tin học: 0; phòng nghe nhìn: 02; phòng đa chức năng: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

**Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:**

**1. Trường Tiểu học Bình Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đông).

Địa chỉ: Ấp Muôn Nghiệp, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3.945.877

Email: c1binhdong2txgc@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Đông được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông cấp I Bình Đông và Trường Phổ thông cấp II Bình Đông hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Đông. Năm 1992, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập hai trường là Trường Tiểu học Bình Đông 1 và Trường Tiểu học Bình Đông 2. Năm 2019, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Đông theo Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục mức 1.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 06; nữ: 17; Chi uỷ: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 55 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 43. Đoàn thanh niên: 17 đoàn viên; nam: 03; nữ: 14. Đội thiếu niên: 776 đội viên; nam: 403 ; nữ: 373.

Tổng số cán bộ, viên chức: 55; nam: 12; nữ: 43.

Tổng số giáo viên: 51; nam: 09; nữ: 42. Cử nhân (đại học): 46; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1335; nam: 706; nữ: 629

Tổng diện tích: 10.999 m2, diện tích sử dụng: 10.306,7m2.

Trường có 04 dãy lầu, điểm Trí Đồ có 02 dãy, mỗi dãy có 1 tầng trệt và 01 tầng lầu; điểm Muôn Nghiệp có 02 dãy, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 37; phòng tin học: 02; phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

**2. Trường Tiểu Học Bình Xuân 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân) + Chữ số (1).

Địa chỉ: Đường 873, Ấp 7, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.945.840

Email: c1binhxuan1txgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cấp 1 Bình Xuân được thành lập. Năm 1984, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp 1 Đông Xuân 2 (Bình Đông và Bình Xuân). Năm 1992, trường tách thành Trường Tiểu học số 1 Bình Xuân và Trường Tiểu học số 2 Bình Xuân. Năm 1998, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Xuân l theo Quyết định số 580/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Năm học 2022-2023 trường nhận bằng chứng nhận đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2, đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Xuân.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 4; nữ: 14; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 33 công đoàn viên; nam: 05; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 20 đoàn viên; nam: 01; nữ: 19. Đội thiếu niên: 450 đội viên; nam: 245; nữ: 205.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 05; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 30; nam: 03; nữ: 27. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 30; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 723; nam: 391; nữ: 332.

Tổng diện tích:11.189,5 m2, diện tích sử dụng: 2.784 m2.

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 22; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng bộ môn khoa học công nghệ: 01; phòng tin học: 01; phòng nghe nhìn: 01; phòng đa chức năng: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 05.

**3. Trường Tiểu học Bình Xuân 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Xuân) + Chữ số (1).

Địa chỉ: Ấp Thành Nhứt, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 996 467

Email: c1binhxuan2txgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cấp 1 Bình Xuân được thành lập. Năm 1984, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp 1 Đông Xuân (Bình Đông và Bình Xuân). Năm 1992, trường tách thành Trường Tiểu học số 1 Bình Xuân và Trường Tiểu học số 2 Bình Xuân. Năm 1998, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Xuân 2 theo Quyết định số 580/QĐ.UB ngày 14 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân huyện Gò Công Đông.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 tại thời điểm tháng 8 năm 2022.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Xuân.

Năm 2023, Chi bộ trường có 24 đảng viên; nam: 13; nữ: 11; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 02; nữ: 07. Đội thiếu niên: 421 độiviên; nam: 235; nữ: 186.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 12; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 35; nam: 11; nữ: 24. Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 676; nam: 350; nữ: 326.

Tổng diện tích: 6.979,1 m2, diện tích sử dụng: 6.979,1 m2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 22; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 02, phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

**4. Trường Tiểu học Long Chánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Chánh).

Địa chỉ: Ấp Long Hưng, xã Long Chánh, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3841272

Email: c1longchanhtxgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cấp I Trương Định 4 được thành lập. Năm 1977, là Trường Phổ thông cơ sở số 4 thị trấn. Năm 1987, là Trường Phổ thông cơ sở xã Long Chánh. Năm 1988, bộ phận Cấp I tách ra, thành lập Trường Tiểu học Long Chánh. Năm 1995, Trường Tiểu học Long Chánh được tách ra thành hai trường Trường Tiểu học Long Chánh và Trường Tiểu học Phường 4 theo Quyết định số 235/QĐ.UB ngày 26/10/1995 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia lần 1 theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 17/08/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang và được tái công nhận (lần 2) trường chuẩn Quốc gia và đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Chánh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 04; nữ: 06; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 0. Công đoàn: 22 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 02; nữ: 07. Đội thiếu niên: 197 đội viên; nam: 101; nữ: 96.

Tổng số cán bộ, viên chức: 22; nam: 06; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 18; nam: 05; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 11; Cử nhân (cao đẳng): 6; Trung học sư phạm: 4; Trung cấp: 01; khác: 0.

Tổng số học sinh: 311; nam: 161; nữ: 150

Tổng diện tích: 8.120,2 m2, diện tích sử dụng: 5.420,2m2.

Trường có 02 lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 11; phòng âm nhạc: 01, phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 01, phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01, phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01, khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

**5. Trường Trường Tiểu học Long Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Hòa).

Địa chỉ: Ấp Chợ Mới, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733 842 251

Email: c1longhoatxgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cơ sở Long Hòa được thành lập. Năm 1992, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Long Hòa theo Quyết định số 240/QĐ.UB ngày 11 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Hòa.

Năm 2023, Chi bộ trường có 24 đảng viên; nam: 07; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên; nam: 03; nữ: 11. Đội thiếu niên: 521 đội viên; nam: 254; nữ: 267.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 11; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 35; nam: 10; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 811; nam: 386; nữ: 425.

Tổng diện tích: 8.957 m 2 , diện tích sử dụng: 8.957 m 2 .

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 25; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng bộ môn khoa học công nghệ: 01; phòng tin học: 02; phòng nghe nhìn: 02, phòng đa chức năng: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 04; khu thể thao: 04, khu vệ sinh: 05.

**6. Trường Tiểu học Long Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Hưng).

Địa chỉ: Đường Từ Dũ, ấp Hưng Hoà, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733842246

Email:c1longhungtxgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cơ sở Long Hưng được thành lập. Năm 1992, bộ phận Cấp I được tách ra, thành lập Trường Tiểu học Long Hưng theo Quyết định số 239/QĐ.UB ngày 11 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam:06; nữ: 10; Chi uỷ: 03 thành viên; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 24 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam:03; nữ: 06. Đội thiếu niên: 243 đội viên; nam: 117; nữ: 126.

Tổng số cán bộ, viên chức:24; nam: 06; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 20; nam: 05; nữ: 15. Thạc sĩ: 02; Đại học: 18; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 568; nam: 303; nữ: 265.

Tổng diện tích: 8.201,2 m2, diện tích sử dụng:8.201,2 m2.

Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 1 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 15; phòng tin học: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**7. Trường Tiểu học Phường 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Phường 1).

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 2 , thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3841 292

Email: C1phuong1txgc@tiengiang.edu.vn

Trường được thành lập năm 1864. Trước năm 1975, có tên gọi là Trường Nam. Năm 1976, đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở 1. Năm 1990, đổi tên thành Trường Tiểu học Phường 1 theo Quyết định số 203/QĐ.UB ngày 25 tháng 7 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 1.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 27 đảng viên; nam: 08; nữ: 19; Chi uỷ: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 15 ; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 03; nữ: 06. Đội thiếu niên: 716 đội viên; nam: 357 ; nữ: 359.

Tổng số cán bộ, viên chức: 49; nam: 15; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 43; nam: 11; nữ: 32. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung cấp: 08.

Tổng số học sinh: 1.085; nam: 550; nữ: 535.

Tổng diện tích: 4.499m2, diện tích sử dụng: 3.411m2.

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 31; phòng tin học: 01; phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01 phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01, khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**8. Trường Tiểu học Phường 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Phường 2).

Địa chỉ: Số 5, đường Thủ Khoa Huân, KP5, Phường 2, thị xã Gò Công

Số điện thoại: 02733842250

Email:C1phuong2txgc@tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Cô Giang được thành lập năm 1968. Sau ngày 30/4/1976, là Trường Phổ thông cơ sở số 2 thị trấn. Năm 1989, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp I Phường 2 theo Quyết định số 208/QĐ.UB ngày 25 tháng 7 năm 1989 của ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Năm 2015, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Phường 2.

Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng giáo dục: mức 1.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 2.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 20 đảng viên; nam: 05; nữ 15; Chi uỷ: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 05 ; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 04; nữ: 06. Đội thiếu niên: 286 đội viên; nam 135 ; nữ: 151.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 05; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 24; nam: 04; nữ: 20. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 715; nam: 343; nữ: 372.

Tổng diện tích: 3.633,8m2, diện tích sử dụng: 3.633,8 m2.

Trường có 04 dãy lầu; 03 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 20; phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 01; phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**9. Trường Tiểu học Phường 4**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Phường 4).

Địa chỉ: Số 100B, đường Nguyễn Trọng Hợp, Khu phố 5, Phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3842249

Email: c1phuong4txgc@tiengiang.edu.vn

Sau ngày 30/4/1975, Trường Phổ thông cấp I Trương Định 4 được thành lập. Năm 1977, là Trường Phổ thông cơ sở số 4 thị trấn. Năm 1987, là Trường Phổ thông cơ sở xã Long Chánh. Năm 1988, bộ phận Cấp I tách ra, thành lập Trường Tiểu học Long Chánh. Năm 1995, Trường Tiểu học Long Chánh được tách ra thành hai trường Trường Tiểu học Long Chánh và Trường Tiểu học Phường 4 theo Quyết định số 235/QĐ.UB ngày 26/10/1995 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường 4.

Năm 2023, Chi bộ trường có 16 đảng viên; nam: 05; nữ: 11; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 03; nữ: 07. Đội thiếu niên: 364 đội viên; nam: 230; nữ: 134.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 08; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 25; nam: 07; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 06; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 593; nam: 291; nữ: 302.

Tổng diện tích: 5.577.m2, diện tích sử dụng: 5.577.m2.

Trường có 03 dãy lầu, 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phònghọc: 18; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng tin học: 01, phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 03.

**10. Trường Tiểu học Tân Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Trung).

Địa chỉ: Ấp Ông Non, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733555005

Email:c1tantrung2txgc@tiengiang.edu.vn

Năm 1979, Trường Phổ thông cơ sở Tân Trung được thành lập. Năm 1983, trường được tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở số 1 Tân Trung và Trường Phổ thông cơ sở số 2 Tân Trung. Năm 1992, Trường Phổ thông cơ sở số 1 Tân Trung đổi tên thành Trường Tiểu học số 1 Tân Trung, Trường Phổ thông cơ sở số 2 Tân Trung đổi tên thành Trường Tiểu học số 2 Tân Trung. Năm 1998, Trường Tiểu học số 1 Tân Trung được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Trung 1 và Trường Tiểu học số 2 Tân Trung được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Trung 2. Năm 2020, hai trường hợp nhất thành Trường Tiểu học Tân Trung theo Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của Ủy ban Nhân dân thị xã Gò Công. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Trung.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; nam: 13; nữ: 19; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 56 công đoàn viên; nam: 19; nữ: 37. Đoàn thanh niên: 30 đoàn viên; nam: 05; nữ: 25. Đội thiếu niên: 699 đội viên; nam: 376; nữ: 323.

Tổng số cán bộ, viên chức: 56; nam: 19; nữ: 37. Tổng số giáo viên: 50; nam: 16; nữ: 34. Cử nhân (đại học): 45; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 05.

Tổng số học sinh:1.126; nam: 595; nữ: 531.

Tổng diện tích: 17.822 m2, diện tích sử dụng:17.822 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy 01 tầng trệt, 01 tầng lầu); phòng làm việc: 07; phòng học: 34; phòng tin học: 02; phòng nghe nhìn: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02, khu vệ sinh: 10.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

**\* Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

**1.** **Kinh/Kênh Bình Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh hành chính (xã Bình Đông).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tân Trung, Bình Đông thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với rạch Sơn Quy, điểm cuối nối với Rạch Băng, dài 8,28 km, bề ngang 15 m, sâu 1,5 - 2.0 m, diện tích phục vụ 2.000 ha, nạo vét 2011.

 **2. Kinh/Kênh Bình Đông B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh hành chính (xã Bình Đông) + Chữ cái (B).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Đông, Bình Xuân, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Rạch Băng, điểm cuối nối với kinh/kênh Cặp Đê (ấp Bình Xuân lộ Tẻ), dài 4,13 km, bề ngang 10 m, sâu 0,85 - 1,5 m, diện tích phục vụ 200 ha, nạo vét năm 2011.

1. **Kinh/Kênh Cặp Đê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông; các xã Tân Trung, Bình Đông thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với cống Vàm Tháp, điểm cuối nối với Quốc lộ 50, dài 11,63 km, bề ngang 12 m, sâu 2,0 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2017.

1. **Kinh/Kênh Cặp Đê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Đông, Bình Xuân, Tân Trung thuộc thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Quốc lộ 50, điểm cuối nối với cống Gò Công, dài 18.85 km, bề ngang 12 m, sâu 0,75 - 1,85 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2015.

**5. Kinh/Kênh Cặp Đê**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Cặp Đê ở xã Phước Trung.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây; xã Bình Xuân, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Cống số 4, điểm cuối nối với Đường tỉnh 873, dài 15,6 km, bề ngang 18 m, sâu 1,9 m, diện tích phục vụ 400 ha, nạo vét năm 2012 và năm 2014.

**6**. **Kinh/Kênh Gò Xoài - Năm Châu**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Xoài).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ và tên người (Năm Châu).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua hai xã Tân Trung, Bình Đông, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với rạch Láng Nứa, điểm cuối nối với kinh/kênh Cặp Đê (ngay cống Bình Đông 2), dài 9.38 km, bề ngang 13 m, sâu 1,0 - 1,7 m, diện tích phục vụ 1.500 ha, nạo vét năm 2014.

**7. Kinh/Kênh Salicetti**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Tên người (Salicetti - đọc theo phiên âm Tiếng Việt là Xa-li-xét-ti).

Tiểu sử của Salicetti như sau:

Năm 1868, Salicetti làm Chánh tham biện hạt Tham biện Gò Công. Năm 1870, làm Chánh tham biện hạt Tham biện Tân An. Năm 1872, làm Chánh tham biện hạt Tham biện Vĩnh Long. Cũng trong năm này, trong khi đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân huyện Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Long), Salicetti đã bị nghĩa quân trừng trị. Sau đó, để trả thù cho Salicetti, vâng lệnh của chính quyền thực dân Pháp, tên đại Việt gian Trần Bá Lộc đã chỉ huy quân lính tiến hành cuộc thảm sát đẫm máu đối với nghĩa quân và nhân dân huyện Vũng Liêm. Quyển *Địa phương chí tỉnh Vĩnh Long năm 1911* cho biết:

“Năm 1872, được sự xúi giục của một số quan lại ở Huế, vốn chỉ thuần phục chính quyền Pháp ở ngoài mặt, nhiều băng nhóm võ trang đã rải khắp Trà Vinh, đặc biệt là những vùng xung quanh chợ lớn Vũng Liêm (Vĩnh Long). Bọn chúng đụng đâu cướp đó trên đường. Thanh tra Salicetti - đại úy thủy quân lục chiến - đã khinh suất đi kiểm tra vùng này với chỉ vài lính cận vệ. Kết cuộc, viên đại úy này đã bị một nhóm phiến quân phục kích và giết chết. Viên Đốc phủ Cái Bè là ông Trần Bá Lộc, nổi tiếng bởi sự sáng trí, lòng trung thành và dũng cảm đối với sự nghiệp của chúng ta, đã nhận lãnh nhiệm vụ trừng trị những kẻ sát nhân. Bằng một cuộc hành quân chớp nhoáng, ông ta đã tấn công bọn chúng ở cánh đồng Láng Thé (Trà Vinh) và buộc bọn chúng phải tháo chạy sau một trận giao tranh đẫm máu kéo dài đến tận một ngày. Sau đó, cuộc bố ráp của ông Trần Bá Lộc diễn ra thật khủng khiếp. Cuối cùng, thi thể của viên đại úy bất hạnh cũng được tìm thấy trong một bụi cây và được Trần Bá Lộc đưa về Vĩnh Long để mai táng”.

Như vậy, Salicetti là tên thực dân mà hành trạng của nhân vật này gắn liền với sự xâm lược hung hăng và tàn bạo của thực dân Pháp đối với đất nước ta. Chính vì lẽ đó, kinh/kênh Salicetti ở Gò Công nhất thiết phải được đổi tên.

Kinh/Kênh được đào năm 1869 chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 5, các xã Long Hòa, Long Thuận thuộc thị xã Gò Công; các xã Bình Nghị, Phước Trung, thị trấn Tân Hòa thuộc huyện Gò Công Đông; điểm đầu nối với Rạch Vàm Giồng, điểm cuối nối với cống Long Uông, dài 7,95 km, bề ngang 30 m, sâu 3,5 m, diện tích phục vụ 790 ha.

**8. Kinh/Kênh Tham Thu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Tham: gọi tắt của chức tham tán, là chức quan văn giúp coi việc quân dưới một viên tướng thời phong kiến[[29]](#footnote-29) + Tên người (Thu).

Kinh/Kênh Tham Thu chạy song song với Quốc lộ 50. Kinh/Kênh được đào vào đầu thập niên 1970 để dẫn nước được bơm từ trạm bơm Tham Thu (phía Tây; nguồn nước lấy từ rạch Cà Hôn hay Kỳ Hôn) đến ao trữ của Nhà máy nước thị xã Gò Công (phía Đông, cũng gọi là ao Tham Thu), đồng thời tưới cho một phần diện tích canh tác dọc kinh/kênh.

Vào năm 1976 - 1977, trạm bơm Bình Phan với lưu lượng thiết kế lớn hơn đã được xây dựng kề bên trạm Tham Thu nhằm mở rộng diện tích tưới và tăng lượng nước cấp cho thị xã Gò Công. Năm 1978, kinh/kênh Tham Thu được đào rộng ra với bề rộng đáy là 13 m, bề rộng mặt trung bình 22 m. Lúc đầu, đáy kinh chỉ sâu trung bình 1,50 m dưới mặt đất tự nhiên, 2 bờ kinh được đắp cao khoảng 2 m trên mặt đất tự nhiên để khi bơm có thể nâng mực nước trong kinh cao hơn mặt ruộng từ 1 m đến 1,50 m (kinh nổi), đủ sức tưới chảy tràn cho các ruộng xa qua các kinh nhánh và cống điều tiết đầu kinh mà không cần sử dụng thêm bơm nhỏ.

Sau này kinh/kênh Tham Thu lần lượt được vét sâu thành kinh/kênh chìm: Vào các năm 1993, 2004 vét đoạn từ cống Đồng Sơn (dưới lộ Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây) đến ao Tham Thu, năm 1999 vét đoạn từ trạm bơm Bình Phan đến lộ Đồng Sơn, cả hai đều vét sâu đến 3 m. Năm 2001 xây cống điều tiết Bình Phan tại vị trí gần trạm bơm, từ đây trạm bơm ngưng hoạt động, nước vào kinh Tham Thu qua cống này, dân tự sử dụng bơm nhỏ để đưa nước vào ruộng. Năm 2017, kinh/kênh được nạo vét toàn tuyến.

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Bình Phan, An Thạnh Thủy, Bình Phục Nhứt thuộc huyện Chợ Gạo; các xã Thạnh Nhựt, Bình Nhì, Đồng Thạnh, Thành Công, Thạnh Trị, Yên Luông thuộc huyện Gò Công Tây; xã Long Chánh, thị xã Gò Công; điểm đầu nối với Trạm bơm Bình Phan, huyện Chợ Gạo, điểm cuối nối với Ao cấp thủy, thị xã Gò Công, dài 19,3 km, bề ngang 20 m, sâu 2,2 - 2,7 m, diện tích phục vụ 10.000 ha.

**Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

 **Khái niệm Đình** (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

**Đình Trung**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh chỉ vị trí (Trung).**

Đình Trung tọa lạc tại Phường 1, thị xã Gò Công.

Đình có tên Đình Trung vì nằm ở trung tâm của Gò Công xưa, được xây dựng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Từ năm 2001 - 2004, đình được trùng tu, sửa lại mái ngói, sơn lại hoàn toàn, bên trong nhiều bàn thờ được làm mới. Tuy nhiên, việc trùng tu vẫn giữ được nguyên gốc của di tích.

Đình Trung là công trình kiến trúc mang phong các Á – Âu nhưng đậm nét dân tộc, được thể hiện qua kết cấu vật liệu và các họa tiết trang trí như: rồng, phụng, tứ linh, tứ quý,... Đình được xây kiểu chữ Tam (≡) gồm ba dãy nhà: võ ca, vỏ quy, chánh điện nối tiếp nhau trên một nền cao 1 m, có diện tích 797 m², bó nền phía dưới bằng đá xanh cẩn kiểu da quy, bên trên xây một lớp gạch đại 25cm x 15cm x 10cm, mặt nền lót gạch tàu 40cm x 40cm.

Đình Trung được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận di tích cấp tỉnh theo Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 25/7/2005.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đền thờ**

**Khái niệm Đền thờ**

Đền thờ là công trình kiến trúc mang tính chất tín ngưỡng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố.

**1. Mộ và đền thờ Trương Định**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Mộ và đền thờ) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).**

Mộ và đền thờ Trương Định tọa lạc tại Phường 1, thị xã Gò Công.

Trong khuôn viên Đền thờ anh hùng dân tộc Trương Định rộng khoảng 3.000 m² có mộ của ông cùng một cổng tam quan xưa cũ, ghi: “Mộ anh hùng Trương Định”.

Sau khi Trương Định tuẫn tiết (ngày 20/8/1864), bà Trần Thị Sanh - người vợ thứ của Trương Định - đã nhận thi hài của ông mang về an táng trọng thể tại trung tâm huyện lỵ, mộ làm bằng hồ ô dước; nhưng nhà cầm quyền Pháp ở Gò Công đã cho phá bỏ.

Năm 1874, bà Trần Thị Sanh đứng đơn xin lập lại mộ cho Trương Định. Dự kiến mộ sẽ được xây bằng đá hoa cương. Nhưng, chính quyền thực dân Pháp ở Gò Công không chấp thuận.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhân dân địa phương trùng tu lại ngôi mộ. Năm 1964, ngôi mộ được tu bổ khang trang.

Mộ được xây bằng đá ong với hồ ô dước (hỗn hợp vôi, đường mật và nhựa cây ô dước). Diện tích toàn ngôi mộ 67,263m2, chiều dài 9,95 m, ngang 6,75 m, vòng tường ngoài có 04 trụ cao 1,16 m mỗi cạnh 54 cm, trên 04 trụ ở bốn góc mộ có trang trí 04 hoa sen. Vòng tường cao 70 cm xây bằng đá xanh. Mộ có 02 bia: 01 phía trước mộ, 01 phía cuối mộ. Mỗi bia đều có mái che hình thức màu như ngói nhưng bằng vôi, cát.

Tấm bia trước mộ bằng đá cẩm thạch trắng, trang trí chung quanh rèm bia là hoa văn hoa lá mềm mại và ngay giữa có câu: “Đại Nam Thần Dõng, Đại Tướng Quân, Truy Tặng Ngũ Quân, Ngũ Quận Công, Trương Công Định chi mộ”, hai bên mặt bia, phía bên phải có dòng chữ “Tốt Ư Giáp Tý, Thất nguyệt Thập bát nhật” (tức chết ngày 18 tháng 7 năm Giáp Tý), phía bên trái có dòng chữ “Trần Thị Sanh lập thạch” (tức Trần Thị Sanh lập bia).

Bia cuối mộ cũng có mái che trên bia khắc hai chữ “Trung Nghĩa”.

Trước mộ có đôi câu liễn:

"Sơn hà thu chính khí

Nhật nguyệt chiếu đan tâm"

(Núi sông thâu chính khí

Nhật nguyệt chói lòng son)

Đền thờ được xây dựng năm 1972, khánh thành năm 1973 và giữ nguyên hiện trạng cho tới ngày nay. Cổng đền thờ có cặp liễn đối ca ngợi công đức của Trương Định: “Trái chúa thuận lòng dân sự nghiệp sáng choang cờ đại soái; Quên thân trừ giặc nước cơ đồ hồng thắm chí Trương công”.

Hai bên vách trong đền có treo bốn tấm biển được tạo tác bằng đá hoa cương. Các tấm biển đều ghi những lời tuyên bố hào hùng của Trương Định:

- “Triều đình Huế không nhìn nhận chúng ta, nhưng chúng ta cứ bảo vệ Tổ quốc chúng ta” (Trích thư trả lời của Trương Định trước thư dụ hàng của thiếu tướng Pháp Bonard vào cuối năm 1862).

- “Muốn trở lại y như thuở xưa, dân chúng ba tỉnh yêu cầu chúng tôi đứng đầu khởi nghĩa, chúng tôi không thể làm gì khác. Chúng tôi chuẩn bị chiến đấu và hướng đông cũng như hướng tây, chúng tôi chống đối và chiến đấu. Chúng tôi sẽ đánh ngã giặc cướp” (Trích thư Trương Định gởi các quan ở Vĩnh Long tuyên bố ly khai Nam triều, tháng 2/1863).

- “Chúng ta thề sẽ đánh mãi và đánh không ngừng. Khi ta thiếu tất cả ta sẽ bẻ nhánh cây làm cờ, lấy gậy gộc làm võ khí cho quân lính ta” (Trích Tuyên bố của Trương Định nhân danh toàn thể dân chúng Gò Công gởi cho giặc Pháp tháng 2/1863).

- “Lòng dân đã muốn ta lên làm nguyên nhung ba tỉnh, ta trông vào lòng dân yêu thương không phai lạt của mọi người đối với ta. Thế là xong bất dung tha giặc cướp” (trích Hịch Trương Định, tháng 8/1864).

Trong đền thờ, ngoài bàn thờ có tôn trí ảnh chân dung Trương Định còn có quyển sách gỗ độc bản “Tiểu sử Trương Định” viết bằng ba thứ tiếng: Việt, Anh, Pháp, được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam tôn vinh giá trị kỷ lục.

Mộ và đền thờ Trương Định ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 114/VHQĐ ngày 30/8/1984.

**2.** **Đền thờ Võ Tánh**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đền thờ) + Họ và tên danh nhân (Võ Tánh).**

**Đền thờ Võ Tánh tọa lạc tại ấp Gò Tre, xã Long Thuận, thị xã Gò Công.**

# Võ Tánh chưa rõ năm sinh (1) quê gốc ở thôn Phước Tỉnh, huyện Phước An, dinh Trấn Biên (nay là xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), sau dời về huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Từ năm 1783 đến năm 1788, ông dấy binh chống quân Tây Sơn ở Phù Viên (Vườn Trầu, nay thuộc vùng Bà Điểm – Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh). Nhưng sau đó, nhận thấy nơi đây đất đai bằng phẳng, không thích hợp cho việc dụng võ, nên ông di chuyển đến Gò Tre thuộc huyện Kiến Hòa, dinh Trấn Định (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Tại căn cứ mới, ông tự xưng Tổng nhung; xây thành Vạn Thắng; tiếp tục chiêu mộ quân lính, tổ chức thành năm đạo, gọi là đạo quân Kiến Hòa và khai phá đất đai, mở mang ruộng đất, tích trữ quân lương. Thấy lực lượng của ông ngày càng lớn mạnh, thủ lãnh quân Tây Sơn là Nguyễn Nhạc sai tướng tên là Nguyên đem quân tới Gò Tre tiễu phạt; nhưng bị ông đánh tan. Từ đó, thanh thế của ông càng lừng lẫy. Người bấy giờ xưng tụng ông là một trong “*Gia Định tam hùng*” (hai người kia là Đỗ Thanh Nhơn và Châu Văn Tiếp).

Năm 1788, chúa Nguyễn Phúc Ánh cử Nguyễn Đức Xuyên đến Gò Tre mời ông hợp tác. Ông nhận lời, mang các tướng thuộc quyền là Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô, Trần Văn Tín, Mai Tấn Huệ và toàn bộ binh lính theo về với Nguyễn Phúc Ánh. Vì thế, ông được phong làm Khâm sai Tổng nhung Chưởng cơ dinh Tiền quân. Đồng thời, ông lại được Nguyễn Phúc Ánh gả em gái cho là Trưởng công chúa Ngọc Du, trở thành phò mã của nhà Nguyễn.

Năm 1790, vâng lệnh Nguyễn Phúc Ánh, ông tiến đánh thành Diên Khánh (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa), chiếm được phủ thành, đánh bại tướng Tây Sơn là Đào Văn Hồ. Năm 1793, do lập được nhiều chiến công, ông được thăng Khâm sai chưởng hậu quân, Bình Tây tham thắng tướng quân hộ giá. Năm 1794, khi đang giữ chức Trấn thủ thành Diên Khánh, ông đánh bại cuộc tấn công của quân Tây Sơn vào thành, nên được thăng lên Đại tướng quân, tước Quận công.

Năm 1797, ông theo Nguyễn Phúc Ánh đánh bại đô đốc Tây Sơn Nguyễn Văn Giáp tại sông Mỹ Khê (Quảng Ngãi). Thừa thắng, ông tiến quân đến tận Quảng Nam.

Tháng 4/1799, Nguyễn Phúc Ánh lại cử đại binh ra đánh Quy Nhơn, vào cửa Thị Nại, sai ông và Nguyễn Huỳnh Đức đem quân lên bộ đóng ở núi Hàm Long thuộc Tuy Phước. Hàm Long là một độc sơn tuy thấp bé nhưng lại có thế dụng binh. Tại đây, ông đã đánh thắng tướng Tây Sơn Võ Đình Tú.

Đầu tháng 5/1799, Nguyễn Phúc Ánh kéo quân lên vây thành Quy Nhơn. Ở Hàm Long, ông và Nguyễn Huỳnh Đức kéo binh đánh đồn Trấp Xá ở Quán Chẹt. Tướng giữ đồn là Trương Tấn Túy chống cự không nổi, bỏ đồn chạy về Quy Nhơn.

Quân của ông kéo đánh tiếp đồn tháp Tri Thiện tục gọi là tháp Bánh Ít. Tướng giữ đồn là Lê Văn Thiệt bị trúng đạn chết trên bành voi. Ông thừa thắng kéo quân ra Ngạc Đầm tục gọi là Bàu Sấu ở thôn Thiết Trụ thuộc An Nhơn. Trên núi Kim Đồng ở phía đông Bàu Sấu có bảy đồn lính canh bảo vệ cho mặt sau thành Quy Nhơn. Bảy đồn này rất kiên cố có thế núi, thế sông che chở. Quyết công phá mặt sau thành Quy Nhơn, ông cho quân liên tục tấn vào bảy đồn tiền tiêu của quân Tây Sơn, nhưng bất thành. Cuối cùng, ông phải đóng quân dưới chân núi ở phía tây Bàu Sấu. Trong khi đó, Nguyễn Phúc Ánh đánh thành Quy Nhơn mấy ngày liền mà vẫn không lay chuyển. Tướng Tây Sơn giữ thành là Lê Văn Thành đóng cửa cầm cự chờ viện binh. Tuy nhiên, quân cứu viện do Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng chỉ huy bị chặn lại tại Thạch Tân (Quảng Ngãi). Không thấy viện binh đến ứng cứu, trong thành lại hết lương thực, nên Lê Văn Thành đành phải mở cổng thành ra hàng. Một tướng Tây Sơn khác là Nguyễn Quang Huy nghe tin thành Quy Nhơn thất thủ bèn kéo binh từ Phú Yên ra đánh chiếm lại, song bị thất bại.

Sau khi chiếm được thành Quy Nhơn và đổi tên Quy Nhơn thành Bình Định, Nguyễn Phúc Ánh giao cho ông cùng với Lễ bộ tham tri Ngô Tùng Châu giữ ngôi thành này.

Lúc bấy giờ, ở Phú Xuân - Huế, tướng Tây Sơn là Thiếu phó Trần Quang Diệu bàn với Tư đồ Võ Văn Dũng phương cách thu phục thành Bình Định: “*Ta nghe tiếng Võ Tánh đã lâu, các tướng không ai địch nổi, nay giữ thành trơ trọi một mình, tiến lui không có quân cứu viện, ta đem quân bộ đến đánh, đem thủy quân chặn cửa biển Thị Nại, ngăn quân cứu viện ở Gia Định, hẳn là lấy được*”. Tháng 2/1800, Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân Tây Sơn từ Phú Xuân vào tấn công thành Bình Định, trong đó Trần Quang Diệu sai đắp lũy chung quanh thành và chia quân bao vây bốn mặt trên bộ, còn Võ Văn Dũng thì chỉ huy thủy quân phòng giữ cửa Thị Nại.

Tháng 4/1800, Nguyễn Phúc Ánh mang thủy bộ binh ra cứu viện. Cả hai đều bị quân Tây Sơn chặn đánh không tiếp cứu nhau được, đành phải đóng quân tại chỗ, tới tháng 12 cùng năm đồng rút quân về Gia Định. Tháng 2/1801, Nguyễn Phúc Ánh lại kéo ra quân nhằm giải nguy cho thành Bình Định. Thủy quân Nguyễn Phúc Ánh đánh thắng thủy quân Tây Sơn tại cửa Thị Nại. Đây là trận thủy chiến lớn nhất của cuộc chiến tranh chúa Nguyễn - Tây Sơn. Tuy quân của chúa Nguyễn thắng trận, tiêu diệt thủy quân Tây Sơn; nhưng không giải vây được trên bộ, thành Bình Định vẫn bị quân Tây Sơn vây chặt.

Trước tình hình đó, ông và Ngô Tùng Châu sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên Nguyễn Phúc Ánh nên kéo quân ra đánh Phú Xuân, và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Tây Sơn đang đang tập trung tại mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông cùng Ngô Tùng Châu sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân quân Tây Sơn. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Ngô Tùng Châu, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6/1801.

Hai tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Tây Sơn ra tới Quảng Nam thì bị quân Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành và nói rằng: “*Ta vâng mệnh giữ thành, phải cùng còn mất với thành, nay bỏ thành mà cầu lấy sống thì còn mặt mũi nào nhìn thấy chúa thượng nữa*”. Tình thế ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, ông viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì quân Tây Sơn không giết hại binh lính của ông.

Ngày 5/7/1801, Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Hay tin, ông ngậm ngùi than: “*Ngô quân đã hơn ta một nước rồi!*”. Ngày 7/7/1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), ông nói với các tướng rằng: “*Uống thuốc độc thì chết, nhảy vào lửa cũng chết, nhưng chết bằng thuốc độc, quân địch còn trông thấy mặt, ta không nỡ để cho địch trông thấy ta, ta chết bằng lửa vậy*”; rồi tự thiêu mà chết tại lầu bát giác.

Trần Quang Diệu dẫn quân vào thành, rất xúc động trước cái chết trung dũng, đầy khí phách của ông, nên cho quân lính mai táng tử tế thi hài của ông. Đồng thời, vị tướng Tây Sơn này cũng không giết hại bất cứ người lính nào trong thành.

Năm 1802, sau khi đánh thắng nhà Tây Sơn, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Nhà vua truy tặng ông là Dực vận công thần Thái úy Quốc công. Năm 1831, vua Minh Mạng truy phong ông là Hoài Quốc công.

Trước cái chết anh dũng của ông, người dân Bình Định đã lưu truyền câu ca dao:

*Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên,*

*Cảm thương quan Hậu thủ thiềng (thành) ba năm!*

Hiền thê của ông là Trưởng công chúa Ngọc Du khóc ông bằng bài thơ đầy nước mắt:

*Những tưởng ra tay giúp nước nhà*

*Ai dè binh địa nổi phong ba.*

*Xót người vị quốc liều thân ngọc,*

*Khiến thiếp cô phòng ủ mặt hoa.*

*Gối mộng mơ màng duyên nợ cũ,*

*Đài mây xiêu lạc phách hồn xa.*

*Lửa trung đốt đỏ gương hào kiệt,*

*Nóng ruột thuyền quyên giọt lệ sa!*

Đồng thời, vua Gia Long cũng cho xây lăng mộ ông tại nơi ông tuẫn tiết: thành Bình Định. Hiện nay, di tích thành Bình Định nằm ở phía bắc huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, tọa lạc trên đất của các thôn Nam Tân, Bắc Thuận và Bả Canh thuộc xã Nhơn Hậu, cách thành phố Quy Nhơn 27 km về hướng bắc. Ngoài ra, nhà vua còn sai lập một khu lăng mộ nữa cho ông ở Phú Nhuận, tỉnh Gia Định, nay tọa lạc tại số 19, đường Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh.

Cảm động trước tấm lòng trung nghĩa của một vị võ tướng, năm 1802, người dân ở Gò Tre (Gò Công) dựng miếu thờ ông, gọi là Lăng Ông. Năm 1940, nhân dân lập “Tập Nghĩa hội”, xây miếu dạng đình, thờ Võ Quốc Công và đến năm 1943, được vua Bảo Đại sắc phong “Thượng đẳng thần”(3).

Năm 1956, miếu thờ ông được xây dựng ở Gò Tre, nơi ông dấy binh thưở xưa (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công) với tên gọi là Võ quốc công miếu. Miếu thờ được xây cất theo kiểu nhà rường, ba gian, mái lợp ngói âm dương, cột gỗ. Mặt trước của miếu có khắc hai cặp liễn Hán Việt do nhà giáo Nguyễn Huỳnh Mai xuất bút:

- Cặp liễn thứ nhất ở gian chính:

*Tân Hòa huyện bảo dân Vạn Thắng trấn chí kim lưu chánh khí.*

*Bình Định thành hoàn tiết Bát giác lầu tự cổ hiển trung tâm.*

- Cặp liễn thứ hai ở hai bên phải và trái:

*Khổng Tước* *thành vạn cổ nghĩa tham thiên.*

*Kỳ Lân các thiên thu danh bổng nhựt.*

Từ năm 2016-2017, miếu thờ được xây mới hoàn toàn trên diện tích 5000 m² với tên gọi Đền thờ Hoài quốc công Võ Tánh, gồm cổng tam quan, chánh điện, nhà hội, sân, hồ nước, đường đi, hàng rào, tường kè, nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước,…

Ở lần xây dựng này, ngoài hai cặp liễn đã có từ trước được khắc ở chánh điện còn có thêm hai cặp liễn được chạm khắc ở cổng tam quan. Hai cặp liễn được do Nhà giáo ưu tú Phan Thanh Sắc viết bằng chữ Nôm Việt:

- Cặp liễn thứ nhất ở cổng chánh:

*Cờ Khổng Tước nguyên* (4) *Võ đưa Gò Công vào quốc sử.*

*Miếu Hoài Quốc Công Tánh, nhắc Long Thuận nhớ tích xưa.*

- Cặp liễn thứ hai ở cổng nhỏ hai bên phải và trái:

*Kiến Hòa đạo phát tích cứu nạn dân.*

*Bình Định thành lửa hồng un hồn nước.*

Hằng năm, vào các ngày 26 và 27 tháng 5 âm lịch, người dân địa phương tổ chức Lễ cúng giỗ ông rất trang trọng. Năm 2005, miếu thờ được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 25-7-2005.

------------------------

(1) Có tài liệu ghi, ông sinh năm 1768.

(2) Có tài liệu viết đó là nữ tướng Nguyễn Thị Hào.

(3) Sắc phong được phiên âm chữ Hán Việt như sau:

*Gò Công tỉnh, Hòa Lạc Hạ tổng, Thành Phố thôn, Tập Nghĩa hội, Phụng sự Chưởng Hậu quân Võ Tánh tôn thần, hộ quốc tí dân, nẩm trứ linh ứng, tứ lệnh phỉ thừa cảnh mạng miễn niệm thần hưu phong tặng: Trác vĩ Dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần. Chuẩn kỳ phụng sự, thứ cơ thần kỳ, tương hữu bảo ngã lê dân. Khâm tai!*

*Bảo Đại thập bát niên, bát nguyệt, thập ngũ nhật.*

Dịch nghĩa:

*Tỉnh Gò Công, tổng Hòa Lạc Hạ, thôn Thành Phố, hội Tập Nghĩa, phụng thờ Chưởng Hậu quân Võ Tánh được tôn thành thần, bảo vệ đất nước, che chở nhân dân, thần từng rất linh ứng, nay ta vâng thừa mệnh lớn, nghĩ đến công lao của thần, vậy bên phong tặng cho là: Trác vĩ Dực bảo Trung hưng Thượng đẳng thần. Chuẩn cho phụng thờ. Thần hay giúp đỡ bảo vệ con dân của trẫm. Kính thay!*

*Ngày 15 tháng 8 Bảo Đại năm thứ 18.*

(4) Khổng Tước nguyên là tên chữ Hán của địa danh Gò Công rút gọn từ gò Chim Công.

**Hằ̀ng năm, tại đền thờ, Nhân dân địa phương tổ chức cúng lệ 2 kỳ: Kỳ thứ nhất vào ngày 24, 25 tháng 5 (âm lịch) là lễ giỗ Võ Tánh; kỳ thứ hai vào ngày 11, 12-2 (dương lịch) là cúng lệ Kỳ yên.**

**Đền thờ Võ Tánh được UBND tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo** Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 25/7/2005.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

**Khái niệm:**

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

**1. Thánh thất Bình Xuân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Xuân).

Thánh thất Bình Xuân được xây dựng năm 1946, tọa lạc tại xã Bình Xuân, thị xã Gò Công.

**2. Thánh thất Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thị xã Gò Công).

Thánh thất Gò Công được xây dựng năm 1935, tọa lạc tại Phường 4, thị xã Gò Công.

**3. Thánh thất Long Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Long Hưng).

Thánh thất Long Hưng được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Hưng Hòa, xã Long Hưng, thị xã Gò Công.

1. **Thánh thất Tân Trung**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Trung).

Thánh thất Tân Trung được xây dựng năm 1932, tọa lạc tại xã Tân Trung, thị xã Gò Công.

**5. Thánh thất Thành Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thành Công).

Thánh thất Thành Công được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Thành Nhì, xã Thành Công, thị xã Gò Công.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

Khái niệm:

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

**1. Xóm Lạp Xưởng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Lạp xưởng).

Xóm Lạp Xưởng là xóm nhà chuyên sản xuất lạp xưởng, thuộc xã Bình Đông, thị xã Gò Công.

Nơi đây có 4 cơ sở sản xuất lạp xưởng có đăng ký kinh doanh và một số hộ nhỏ lẻ khác. Lạp xưởng Bình Đông có mùi vị thơm ngon, đặc trưng nên sản phẩm được nhiều nơi ưa chuộng.

**2**. **Xóm Ông Non**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Giới tính và tên người (Ông Non).

Theo lời truyền dân gian, vào khoảng thế kỷ 17, ông Non từ miền Trung vào khai khẩn đất hoang, quy tụ dân chúng lập thành xóm mang tên của ông – xóm Ông Non. Hiện nay, Xóm Ông Non là tên ấp thuộc xã Tân Trung, thị xã Gò Công.

Xóm Ông Non có bề dày hình thành, phát triển hơn 100 năm của Tủ thờ Gò Công, một thương hiệu nổi tiếng trên cả nước và một số nước trên thế giới.

Địa danh này liên quan đến trận đánh phòng ngự ngày 07/02/1968 của Tiểu đoàn 514B Tỉnh đội Gò Công và 2 trung đội 206, 207 thị xã Gò Công trước sự tấn công ác liệt của địch, gồm Tiều đoàn 4 thuộc Trung đoàn 12, Sư đoàn 7, 01 Liên đoàn địa phương quân Gò Công, 12 xe thiết giáp M.113 của quân đội Sài Gòn có không quân và pháo binh yểm trợ. Trận này ta diệt khoảng 120 lính địch, bắn cháy 01 xe M.113. Chiến thắng Xóm Ông Non đã bảo vệ vững chắc căn cứ cách mạng Gò Công, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng vũ trang địa phương ngày càng lớn mạnh.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

**Khái niệm:**

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

1. **Khu lăng mộ Hoàng gia**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lăng: công trình xây dựng thường có quy mô lớn, làm nơi cất giữ di hài của vua chúa hoặc của vĩ nhân) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Danh từ (Hoàng gia: Những người có họ hàng với nhà vua).

Khu lăng mộ Hoàng gia được xây dựng năm 1826, gồm lăng mộ và đền thờ ông Phạm Đăng Hưng, nay tọa lạc tại ấp Lăng Hoàng Gia, xã Long Hưng, thị xã Gò Công.

Ông Phạm Đăng Hưng sinh năm 1764 tại giồng Sơn Quy, thôn Tân Niên Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc ấp Lăng Hoàng Gia, xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Lúc còn nhỏ, ông thông minh nhanh nhẹn, lúc lớn ham học hỏi. Được cha là nhà nho Phạm Đăng Long hết lòng dạy dỗ, nên ông học rất giỏi, thi đỗ khoa thi năm 1796, được chúa Nguyễn Phúc Ánh bổ dụng làm Lễ sinh ở phủ, rồi làm Diễn luân thị thảo ở Cống sĩ viện, thường cùng bàn việc với các quan thị thư. Sau đó, ông được thăng làm Tham luận ở Vệ phấn võ, được theo chúa Nguyễn Phúc Ánh sang Xiêm (Thái Lan) giúp quân Xiêm chống quân Miến Điện (nay là Myanmar). Năm 1799, ông trở về nước, được thăng làm Tham tri bộ Lại, chuyên trách công việc bổ dụng, điều chuyển quan lại và công văn giấy tờ. Đồng thời, ông còn tham gia vào các cuộc tiến công của quân Nguyễn Phúc Ánh ra miền Trung và miền Bắc trong cuộc tranh chấp với vương triều Cảnh Thịnh.

Năm 1802, chúa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long. Lúc bấy giờ, ông được nhà vua cho giữ chức Chưởng trường đà, trông coi công tác vận tải đường thủy trên cả nước. Năm 1807, ông được giữ chức Đề điệu có nhiệm vụ thanh tra tại Trường thi Hương ở trấn Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh). Năm 1813, ông giữ chức Thượng thư bộ Lễ. Năm 1816, ông đề nghị với vua Gia Long lập Xã thương (kho gạo) ở các địa phương trong toàn quốc nhằm cứu đói cho dân khi không may xảy ra thiên tai, mất mùa. Cũng trong năm 1816, ông được giao thêm việc quản lý Khâm thiên giám (cơ quan trông nom về thiên văn và làm lịch của triều đình).

Năm 1819, vua Gia Long bị bệnh nặng, ông vâng mệnh phụng thảo di chiếu; và tiếp đó, cùng với Lê Văn Duyệt thực hiện di chiếu, lập hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm lên ngôi với đế hiệu là Minh Mạng. Năm 1820, cùng với Tôn Thất Dịch, ông được sung làm *Giám tu ngọc phả*, trông coi việc biên soạn gia phả cho hoàng gia. Đây là công việc mới mẻ, có rất nhiều khó khăn; và ông là một trong hai người đầu tiên đặt nền móng cho công tác biên soạn này.

Năm 1821, ông được sung làm Phó Tổng tài của Quốc sử quán, góp phần quan trọng trong việc biên soạn bộ *Đại Nam thực lục* (bộ sử biên niên đồ sộ của triều Nguyễn). Nhưng sau đó, do bị gièm pha, ông bị giáng hai cấp. Sau đó, ông được bổ làm Học sĩ Viện Hàn lâm, rồi thăng làm Tả tham tri bộ Lại kiêm quản Viện Hàn lâm. Ít lâu sau nữa, ông được phục hồi chức Phó tổng tài Quốc sử quán, kiêm Ấn vụ bộ Lại. Đến năm 1824, ông được phục chức, làm Thượng thư bộ Lễ như trước.

Mùa hạ năm 1825, vua Minh Mạng đi công cán tỉnh Quảng Nam, giao quyền cai quản kinh đô Huế cho ông. Cùng năm, ông bị bệnh mất tại Huế, thọ 61 tuổi. Vua Minh Mạng rất tiếc thương, ban nhiều tiền bạc, gấm vóc và sai quan lo việc tang chu đáo.

Do có công lao to lớn đối với nhà Nguyễn, ông được vua Minh Mạng là thông gia truy tặng hàm Vinh Lộc đại phu, Trụ quốc, Hiệp biện Đại học sĩ, thụy là Trung Nhã. Năm 1849, ông được vua Tự Đức là cháu ngoại truy thăng hàm Đặc tấn Vinh lộc đại phu, Thái bảo, Cần chánh điện đại học sĩ, tước Đức Quốc công. Năm 1852, nhận thấy “Ông ở lúc mới khai sáng, giúp việc quân nhung, sau khi đại định, giúp đỡ mọi việc, công liệt rõ rệt, trước sau vẹn tiết, liệt vào nơi thờ to tát là phải lễ” (Đại Nam chính biên liệt truyện), nên ông được vua Tự Đức cho thờ ở miếu Trung Hưng công thần. Năm 1858, ông được thờ ở đền Hiền Lương. Đồng thời, nhà vua còn cho dựng đền thờ ông và phu nhân, gọi là Đức Quốc công từ ở Kim Long (nằm trên đường Kim Long, phường Kim Long, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế hiện nay). Cũng trong năm 1858, tiểu sử và công đức của ông được vua Tự Đức cho chạm khắc vào bia đá. Bài văn bia này do Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng hợp soạn.

Ông có người con gái là Phạm Thị Hằng được tiến cung, là hoàng phi của vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Miên Tông), tức hoàng thái hậu Từ Dụ (thường được gọi là Từ Dũ) là hoàng mẫu của vua Tự Đức; và người con trai thứ Phạm Đăng Thuật là chồng của công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh, hiệu là Nguyệt Đình. Cả vua Thiệu Trị và công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh đều là con của vua Minh Mạng. Như vậy, ông là thông gia với vua Minh Mạng.

Lăng mộ Phạm Đăng Hưng nằm trên gò cao có hình dáng mai rùa. Mộ xây theo kiểu kiểu dáng “đỉnh trụ” hình bát giác, trông vừa như chiếc nón lá vừa như búp sen. Mặt sau mộ, xây bình phong hình bán nguyệt, trên có chạm 4 con rồng, dưới có 5 con kỳ lân với tích “Ngũ đại thành xương - Tường lân ống hiện” (Năm đời  danh giá tốt đẹp - Điềm lành kỳ lân hiện ra). Vòng quanh mộ ông có một số phù điêu trang trí như búp sen, cá hóa long,…

Về gia phả, ông Phạm Đăng Hưng là con của ông Phạm Đăng Long. Ông Phạm Đăng Long sinh năm 1740 tại thôn Tư Cung, huyện Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi trong một gia đình trí thức khoa bảng. Ông cố của ông là tiến sĩ Phạm Đăng Khoa, vào giữa thế kỷ XVI, từ Thăng Long theo chúa Nguyễn Hoàng vào Ái Tử (Quảng Trị) lập nghiệp; rồi sau đó, đi tiếp vào Phú Xuân - Huế. Con trai của Phạm Đăng Khoa là Phạm Đăng Tiên rất giỏi Nho học, được triều đình chúa Nguyễn tin dùng, cho giữ chức Huấn đạo, trông coi việc giáo dục huyện Tư Nghĩa (Quảng Ngãi). Ông Phạm Đăng Tiên có người con trai là Phạm Đăng Dinh, tự hiệu là Huyền Thông đạo nhân, vốn có sở học uyên bác, giỏi Nho học và y thuật, di cư vào Gò Công sinh sống. Tại đây, ông Phạm Đăng Dinh đi nhiều nơi tìm thế đất tốt để định cư, mong con cháu phát tích. Lúc ông đến Gò Rùa (Sơn Quy), thấy thế đất rất đẹp lại có mạch nước ngầm. đào được giếng có nước ngọt, trong khi đó toàn vùng Gò Công lúc bấy giờ bị nhiễm mặn nặng nề. Do đó, ông quyết định xây nhà ở gò đất này.

Ông Phạm Đăng Dinh có người cn là là Phạm Đăng Long. Ông là người thông minh, ham học và học giỏi. Khi ấy, Gò Công thuộc huyện Kiến Hòa là vùng đất mới được khai phá, công tác giáo dục chưa phát triển, trường sở còn rất ít ỏi, trong khi nhân dân, nhất là thanh thiếu niên, rất hiếu học. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đối với việc giáo hóa người dân và phát triển địa phương, ông đã mở trường dạy học, thu nhận đông đảo môn sinh đến theo học; vì thế, được người đời xưng tụng là “Kiến Hòa tiên sinh”. Ông là thầy dạy nhiều thanh niên ưu tú ở Gò Công, như Phạm Đăng Hưng (con trai), Phạm Văn Trường, Huỳnh Văn Tứ, Mạc Văn Tô, Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Hoài Quỳnh, Nguyễn Phương Giao,… mà sau đó, các vị này đều là những công thần của nhà Nguyễn. Năm 1808, ông mất tại Gò Công, thọ 68 tuổi, được vua Gia Long truy tặng tước Phước An hầu. Phần mộ của ông tọa lạc tại Khu lăng mộ của dòng họ Phạm Đăng ở giồng Sơn Quy mà dân gian thường gọi là Khu lăng Hoàng gia.

Khu lăng mộ và đền thờ Hoàng gia do ông Phạm Đăng Tá, con trai trưởng của Phạm Đăng Hưng, xây dựng trên phần đất rộng 3.000 m², ngay trên nền nhà cũ của dòng họ Phạm Đăng. Các nghệ nhân tài hoa bậc nhất chuyên xây dựng lăng tẩm, cung đình từ kinh đô Huế được đưa vào cùng với nghệ nhân địa phương xây dựng nên công trình kiến trúc độc đáo, mang đậm phong cách cung đình Huế.

Năm 1849, sau khi truy phong Phạm Đăng Hưng tước Đức Quốc công, vua Tự Đức là cháu ngoại đã cho trùng tu, mở rộng nhà thờ, xây thêm tam cấp, cổng tam quan, ban thần vị theo nghi thức cung đình. Tại từ đường, nơi chính giữa thờ Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng; bên trái thờ Phước An hầu Phạm Đăng Long, là cha của Phạm Đăng Hưng; bên phải thờ Bình Thạnh bá Phạm Đăng Dinh, ông nội của Phạm Đăng Hưng; căn chót bên trái thờ Mỵ Khánh tử Phạm Đăng Tiên, ông cố Phạm Đăng Hưng và bên phải thờ Thiềm sự phủ Phạm Đăng Khoa, là ông sơ Phạm Đăng Hưng.

 Năm 1888, sau khi lên ngôi, chuẩn bị vào viếng Lăng, vua Thành Thái cho trùng tu khu Lăng Hoàng gia. Năm 1921, dưới thời vua Khải Định, lăng được trùng tu một lần nữa. Năm 1998, chính quyền tỉnh Tiền Giang cho đại trùng tu ngôi nhà thờ, phục hồi những nét kiến trúc xưa, nguyên bản dành cho Hoàng tộc tại xứ Gò nổi tiếng.  Hiện nay, ngôi nhà bao gồm một nhà thờ, nhà khách, nhà kho và công trình phụ. Mười trụ cột chính giữa, lớn nhất được thiết kế thành hai hàng song song như những đôi bàn tay khổng lồ vươn lên chống đỡ toàn bộ lăng. Những đường hoành, rui, mè đều được thiết kế sắc sảo, độc đáo, vững chắc bởi các loại gỗ nâu quý được vận chuyển từ Huế vào. Trong nhà thờ có một tấm bia gỗ sơn son thiếp vàng chép lại nội dung bia dựng trước mộ Phạm Đăng Hưng.

 Khu lăng mộ Hoàng gia được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 3959-VH/QĐ ngày 02/12/1992 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

**2. Khu lăng mộ Trần Thị Sanh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lăng mộ) + Nhân vật lịch sử (Trần Thị Sanh).

Trần Thị Sanh sinh năm 1820, người thôn Thuận Ngãi, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Bà được xếp vào hàng Ngoại thích của Hoàng gia, vì bà là cháu gọi Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng (thông gia vua Minh Mạng, cha vợ vua Thiệu Trị, ông ngoại vua Tự Đức) là cậu ruột, là em cô cậu ruột với Thái hậu Từ Dụ (ái nữ của Phạm Đăng Hưng, thân mẫu của vua Tự Đức) và là dì của vua Tự Đức.

Bà là một người rất giàu có, sở hữu hàng trăm mẫu ruộng, cho nên dân gian mới có câu:

*Gò Công có bốn tổng giàu,*

*Mà riêng có một bà Hầu giàu to.*

Bà là vợ của ông Dương Tấn Bổn, một hào phú ở địa phương; nhưng không may, ông Bổn mất sớm, bà thay chồng nuôi dạy người con gái là Dương Thị Hương nên người.

Khoảng năm 1861, bà tái giá với Trương Định. Theo lời truyền tụng của dòng họ Trần, cuộc hôn nhân này là do sự sắp xếp của Thái hậu Từ Dụ, nhằm sử dụng tiền bạc của bà để giúp Trương Định chiêu mộ nghĩa quân, mua vũ khí, lương thực, gây thanh thế đánh giặc Pháp, bảo vệ vùng đất Gò Công - quê hương bên ngoại của vua Tự Đức.

Khi Trương Định phất cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp ở Gò Công, để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc chiến đấu của nghĩa quân, với tư cách là “như phu nhân” (vợ thứ) của Bình Tây Đại tướng quân, bà đã đóng góp tài sản của mình cho phong trào kháng chiến; mà không toan tính thiệt hơn. Điều đó đã góp phần quan trọng trong việc tạo nên những chiến công vang dội của nghĩa quân Trương Định.

Sau khi Trương Định đền nợ nước (20/8/1864), bà đã đấu tranh quyết liệt với địch, đòi bọn chúng phải cho bà mang thi hài của chồng mình về an táng ngay tại trung tâm Gò Công. Bà đã khéo léo ứng phó, khiến giặc không có cớ để gây khó khăn trong việc an táng Trương Định.

Sau đó, bà tiến hành việc xây mộ Trương Định. Mộ được làm bằng hồ ô dước. Bia mộ ghi: “*Đại Nam An Hà Lãnh binh kiêm Bình Tây Đại tướng quân, Trương công húy Định chi mộ*”. Thế nhưng, thực dân Pháp biết được, ra lệnh cho bọn thuộc hạ đục hàng chữ “*Bình Tây Đại tướng quân*” và phạt bà 10.000 quan tiền vì tội lập bia mộ trái phép.

Liên tiếp trong hai năm 1873 và 1874, bà đã nhiều lần làm đơn đề nghị Thống đốc Nam kỳ cho phép bà xây lại lăng mộ Trương Định. Do áp lực của quần chúng và cho rằng ảnh hưởng của Trương Định đã không còn trong nhân dân, nên chính quyền thực dân chấp thuận cho bà xây dựng lăng mộ cho ông. Ngôi mộ mới của Trương Định được làm bằng đá hoa cương, rất chắn chắn và kiên cố. Đồng thời, bà còn cho làm bia mộ, các bức hoành phi và trụ đá ghi lại thân thế và ca ngợi sự nghiệp hào hùng của Trương Định.

Trước việc ấy, một lần nữa, thực dân Pháp ở Nam kỳ lại ra lệnh cho bọn tay sai ở Gò Công đục xóa bia mộ và phá hủy các bức hoành phi, trụ đá được tôn trí tại mộ của Trương Định.

Như vậy, sau khi Trương Định mất, với tấm lòng ngưỡng phục, thương tiếc người chồng đã vì nước quên thân, bà đã làm tròn bổn phận của người vợ đối với chồng. Đặc biệt, thông qua việc xây mộ cho Trương Định, bà muốn nhắc nhở người đương thời lẫn hậu thế hãy noi theo tấm gương kiên cường, bất khuất của vị Anh hùng dân tộc mà xốc tới chiến đấu một mất một còn với kẻ thù nhằm giành lại nền độc lập, tự do cho đất nước.

Ngoài những việc trên, bà còn có hành động trả thù cho chồng bằng việc mua toàn bộ điền sản của Huỳnh Văn Tấn, kẻ đã hại chết Trương Định, khi y ta do ăn chơi lâm vào cảnh nợ nần, khánh kiệt.

Năm 1882, bà mất, thọ 62 tuổi. Mộ của bà được xây bằng đá hoa cương do người con gái duy nhất Dương Thị Hương lập. Bia mộ ghi: “*Sa môn thọ giới Trần đại đạo thị quy phạm ích viết từ tề thục thận nhụ nhân chi mộ*” (nghĩa là “*Đây là mộ của người quy y Phật pháp, rũ sạch mọi ham muốn cuộc đời, từ mẫu nhu thuận, hiền từ, đoan chính*”).

Hiện nay, khu lăng mộ của bà được sửa chữa, trùng tu khang trang, tọa lạc tại Phường 5, thị xã Gò Công.Ngày 27 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND công nhận Khu lăng mộ Trần Thị Sanh là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

**3. Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lăng mộ) + Nhân vật lịch sử (Đỗ Trình Thoại).

Đỗ Trình Thoại sinh năm 1816, người thôn Yên Luông Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học giỏi. Năm 1843, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Gia Định; được triều đình bổ làm Tri huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định (bao gồm khu vực Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay); nên được mọi người quen gọi là Huyện Thoại.

Năm 1859, giặc Pháp tấn công thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn của một trí thức chân chính và với trách nhiệm của một viên quan đứng đầu một huyện thuộc tỉnh Gia Định, ông tham gia công cuộc chống Pháp ở mặt trận Chí Hòa (Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Tháng 02/1861, đại đồn Chí Hòa bị thất thủ, ông trở về Tân Hòa (Gò Công), mộ nghĩa dũng và kết hợp với Trương Định nổi lên kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Sau khi hạ thành Mỹ Tho vào trung tuần tháng 4/1861, quân Pháp tiến đánh Gò Công; sau đó, bọn chúng đã cho thiết lập nhiều đồn bót ở đây nhằm kiểm soát và bình định vùng đất vừa mới chiếm được.

Với quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước và bảo vệ chủ quyền dân tộc, ông đã chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận tập kích táo bạo vào các vị trí chiếm đóng của quân viễn chinh Pháp ở Gò Công, gây cho chúng những thiệt hại đáng kể.

Tiêu biểu là trận tập kích đồn Gò Công ngày 22/6/1861. Vào lúc tờ mờ sáng, ông trực tiếp điều động 600 nghĩa quân bất ngờ mở cuộc tấn công. Với cương vị là tướng chỉ huy, ông đã dũng cảm xông lên phía trước, bất chấp hiểm nguy mặc dù súng của địch từ trong đồn bắn ra hết sức dữ dội.

Sau khi vượt qua những vòng rào phòng thủ kiên cố, nghĩa quân đã đột nhập được vào bên trong đồn. Một trận giáp chiến kịch liệt giữa quân ta và quân Pháp đã diễn ra. Hàng ngũ của quân địch trở nên rối loạn. Bằng võ nghệ cao cường, ông đã dùng gươm giết chết tên lính thủy quân lục chiến Bodiez và làm trọng thương tên trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công.

Nhưng, thật không may, ông bị trúng đạn và hy sinh cùng với 12 nghĩa sĩ, hưởng dương 45 tuổi. Sau khi mất, ông được triều đình nhà Nguyễn cho lập đền thờ. Từ một sĩ phu và quan lại yêu nước, ông đã trở thành lãnh tụ nghĩa quân, trực tiếp xông pha nơi trận mạc, kiên cường chiến đấu chống lại kẻ thù và đã anh dũng đền nợ nước, để lại bao niềm thương tiếc của sĩ dân Gò Công.

Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại tọa lạc tại ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công. Trước đây, khu mộ được đắp bằng đất và hằng năm vào ngày tảo mộ được con cháu bồi đắp thêm. Hiện nay, khu lăng mộ của ông được sửa chữa, trùng tu khang trang, sạch đẹp. Nền ngôi mộ xây xi măng, kích thước vòng thành 505 cm x 403 cm x 20 cm và núm mộ cao 50 cm. Bia mộ cao 180 cm, ngang 125 cm bằng đá hoa cương. Bia mộ có hai câu đối:

*Khoa bảng chí trì An Long cử nhơn lưu danh rạng.*

*Trận tiền quyết tử Tân Hòa tri huyện tạc bia son.*

Ngày 27 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 238/QĐ-UBND công nhận Khu lăng mộ Đỗ Trình Thoại là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

**Khái niệm:**

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

1. **Miệt mắm tôm chà, mắm tôm chua Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình mắm (Mắm tôm chà, mắm tôn chua) + Địa danh hành chính (Gò Công).

Vùng đất Gò Công giáp biển, có hệ sinh thái nước lợ và nước mặn nên có nhiều loài tôm sinh sống. Đây chính là nguồn nguyên liệu phong phú để làm nên mắm tôm chà và mắm tôm chua nổi tiếng.

Tương tự như mắm còng, mắm ruốc, *mắm tôm chà* chính là loại nước chấm đậm đặc làm từ thịt tôm.

Muốn có được một mẻ mắm tôm chà thực sự thì người làm mắm phải tốn nhiều công phu. Tôm làm mắm phải là tôm tươi, thân còn trong bóng, rửa sạch rồi ngâm vào rượu trắng. Lúc tôm đã thấm rượu (khoảng 5 ngày), lấy ra cắt bỏ hai mắt rồi rửa sạch, để thật ráo mới bỏ vào cối giã nhuyễn, trộn với muối, tỏi, ớt chín đỏ cũng đâm nhuyễn và đem phơi đúng ba nắng. Sau đó, đem tôm bỏ vào rây chà lấy bột thịt tôm, bỏ phần xác (vỏ, chân tôm, xác tỏi, ớt) và tiếp tục đem phơi thêm 7 nắng cho sánh lại, dậy màu đỏ thắm và mùi thơm dịu là mắm chín[[30]](#footnote-30).

Một mẻ mắm tôm chà làm phải mất 15 ngày và phải chọn thời kì nắng tốt để mắm không bị hư, trong quá trình phơi phải đảo mắm liên tục nên tốn rất nhiều công sức.

Mắm tôm chà là loại nước chấm rất đậm đà, màu đỏ thắm, mùi thơm và vị chua ngọt, có thể pha chế thêm với nước chanh, tỏi, ớt, đường để dùng với bún, thịt heo luộc và rau sống.

Khác với mắm tôm chà, ở *mắm tôm chua* thì con tôm được để nguyên, chỉ cắt bỏ đầu và râu. Trong cách làm mắm tôm chua, giai đoạn đầu cũng giống như cách làm mắm tôm chua, nghĩa là cũng ngâm tôm trong rượu trắng khoảng 5 ngày. Sau đó người ta vớt tôm ra, để ráo; thắn nước mắm pha đường cho kẹo lại, để nguội; củ riềng, ớt xắt sợi, tỏi xắt lát mỏng. Trộn các loại gia vị cùng với tôm rồi cho vào keo nhỏ, dùng cọng lá chùm ruột gài cho tôm sát xuống rồi đổ nước mắm đường vào cho ngập tôm, đậy nắp keo lại và phơi nắng khoảng 3 ngày là dùng được.

Mắm tôm chua có màu đỏ tươi, con tôm dai, săn chắc, có mùi thơm, vị chua ngọt và cay rất hấp dẫn. Người ta thường bào đu đủ sống (hoặc củ cải, dưa leo) thành sợi, bóp chua trộn với mắm tôm chua và khóm xắt mỏng, nêm lại để ăn cùng với bún, thịt heo luộc và rau sống.

**2**. **Miệt sơ ri Gò Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (sơ ri) + Địa danh hành chính (Gò Công).

Theo các bậc lão niên cố cựu ở Gò Công, cây sơ ri được trồng sớm nhất là tại xóm Bà Chài ở làng Bình Nghị vào đầu thế kỷ XX.

Ở Nam bộ, cây sơ ri được trồng ở một số địa phương, nhất là ở những nơi ven biển. Nhưng, ngon nhất là sơ ri được trồng ở Gò Công, bởi vì thổ nhưỡng ở đây đặc biệt thích hợp cho giống cây này. Cây sơ ri có độ cao khoảng 2 m – 2,5 m, tán tròn, cành lá rậm rạp, ít khi bị sâu đục thân. Mỗi năm, sơ ri có hai vụ chính: vụ thứ nhất, thu hoạch từ giữa tháng 6 đến đầu tháng 7; vụ thứ hai, thu hoạch vào tháng 9. Trong những năm gần đây, do chương trình “Ngọt hóa” Gò Công đã được hoàn thành và phát huy tác dụng, nên nông dân tăng cường việc tưới nước cho sơ ri vào mùa khô; và vì thế, sơ ri sẽ cho thu hoạch vào tháng 3. Nhờ đó, nông dân có thu nhập cao hơn so với vụ thu hoạch chính.

Sơ ri Gò Công cho trái sai và lớn, màu sắc đẹp (đỏ rực khi chín), cơm dày, hột nhỏ và tỏa hương thơm dìu dịu. Hàm lượng vitamin C của trái sơ ri rất cao. Vì thế, nó được xem là loại trái cây dược phẩm, có công dụng tăng sức đề kháng cho cơ thể con người, hỗ trợ trong việc chữa trị bệnh cảm cúm, mệt mõi. Hiện tại, diện tích sơ ri ở Tiền Giang đạt khoảng 800 ha, trong đó, huyện Gò Công Đông có khoảng 600 ha, tập trung nhiều nhất tại ba xã Bình Ân, Bình Nghị và Tân Đông; thị xã Gò Công có khoảng 200 ha. Năng suất khoảng 20 tấn/ha/năm. Sơ ri Gò Công đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Sơ ri Gò Công rất được ưa chuộng ở thị trường trong nước, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, nó cũng được tiêu thụ mạnh ở thị trường nước ngoài, nhất là ở thị trường Nhật Bản. Năm 2004, công ty Thịnh Phát ở thị xã Gò Công đã xuất sang thị trường nước này 4.000 tấn sơ ri nguyên liệu; chiếm 30 % thị phần ở Nhật Bản. Công ty cũng đã đầu tư 25 tỷ đồng để trang bị hệ thống thiết bị tự động của châu Âu nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chế biến. Điều này cho phép công ty tăng sản lượng thu mua, từ 15 tấn lên đến 25 tấn/ngày đối với sơ ri loại I để phục vụ xuất khẩu. Bên cạnh đó, công ty còn trang bị dây chuyền ép nước sơ ri đóng hộp, nên có thể thu mua sơ ri với nhiều loại khác nhau. Sơ ri Gò Công đã đạt được chứng nhận VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam).

1. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91. [↑](#footnote-ref-1)
2. Phòng Quản lý du lịch, *Lăng mộ Hoàng gia*, Trang thông tin điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-2)
3. Đường quan: là đường cái quan (giống như quốc lộ bây giờ) từ Gia Định xuống Gò Công. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tiếng đẩu: tiếng mõ điểm canh trong đêm. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành Thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43. [↑](#footnote-ref-5)
6. Huỳnh Minh (2001), *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, trang 9. [↑](#footnote-ref-6)
7. Việt Cúc (1999), *Gò Công cảnh cũ người xưa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, trang 17. [↑](#footnote-ref-7)
8. Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, 1999, trang 337 - 338. [↑](#footnote-ref-8)
9. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 573. [↑](#footnote-ref-9)
10. Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính “thôn” thành “làng”. [↑](#footnote-ref-10)
11. Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37. [↑](#footnote-ref-11)
12. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 87. [↑](#footnote-ref-12)
13. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 43. [↑](#footnote-ref-13)
14. Nhiều tác giả (2000), *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Sở Văn hóa - Thông tin Tiền Giang, trang 45. [↑](#footnote-ref-14)
15. HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn. [↑](#footnote-ref-15)
16. Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37. [↑](#footnote-ref-16)
17. Tiểu sử Trương Định, xin xem mục từ: Tượng đài Trương Định tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm. [↑](#footnote-ref-17)
18. Xin xem mục từ: Tượng đài Trương Định tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm. [↑](#footnote-ref-18)
19. Xin xem mục từ: Tượng đài chiến tích giải phóng Khám Lớn Gò Công tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm. [↑](#footnote-ref-19)
20. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165. [↑](#footnote-ref-20)
21. *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22. [↑](#footnote-ref-21)
22. Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162. [↑](#footnote-ref-22)
23. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-23)
24. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-24)
25. Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41. [↑](#footnote-ref-25)
26. Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41. [↑](#footnote-ref-26)
27. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-27)
28. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-28)
29. Lê Trung Hoa (2003), *Nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh (Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh)*, NXB Khoa học xã hội, trang 63. [↑](#footnote-ref-29)
30. *Địa chí Tiền Giang*, tập 2, tr.940. [↑](#footnote-ref-30)